

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN GIÁ TRỊ MỘT SỐ DI
TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA THỜ PHẠM TỬ NGHI TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

Chủ nhiệm đề tài: BÙI LÊ NHƯ QUỲNH

Lớp: D16 LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

Ngành: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TRUNG HỌC

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN GIÁ TRỊ MỘT SỐ DI
TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA THỜ PHẠM TỬ NGHI TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

Chủ nhiệm đề tài: BÙI LÊ NHƯ QUỲNH

Lớp: D16 LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ

Người hướng dẫn khoa học: ThS. PHẠM THỊ LOAN

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

Phạm Thị Loan

Bùi Lê Như Quỳnh

NINH BÌNH, 2025

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Thạc sĩ Phạm Thị Loan - người đã trực tiếp hướng dẫn và đồng hành cùng em trong suốt quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học này.

Trong suốt thời gian thực hiện đề tài, em đã nhận được sự chỉ dẫn tận tình, những góp ý quý báu cũng như sự hỗ trợ chuyên môn sâu sắc từ cô. Nhờ sự hướng dẫn đó, em không chỉ từng bước hoàn thiện đề tài, mà còn tích lũy được thêm nhiều kiến thức chuyên môn, kỹ năng tư duy và phương pháp làm việc khoa học. Những bài học quý giá từ cô sẽ luôn là hành trang giúp em vững bước hơn trong hành trình học tập và nghiên cứu sau này.

Em xin cảm ơn khoa Sư phạm trung học và các thầy cô đã tạo điều kiện cho em hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

Tác giả

Bùi Lê Như Quỳnh

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG BIỂU	v
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	6
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
4.1. Đối tượng nghiên cứu	6
4.2. Phạm vi nghiên cứu	6
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....	6
5.1. Cách tiếp cận	6
5.2. Phương pháp nghiên cứu	6
NỘI DUNG.....	8
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	8
1.1. Cơ sở lý luận	8
1.1.1. Một số khái niệm liên quan	8
1.1.2. Vấn đề bảo tồn di sản văn hóa.....	14
1.2. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu	17
1.2.1. Vài nét về địa lí, lịch sử	17
1.2.2. Tình hình kinh tế - xã hội	21
1.2.3. Dân cư và truyền thống lịch sử - văn hóa.....	24
Chương 2.....	27
HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA THỜ TỨ DƯƠNG HẦU PHẠM TỬ NGHI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN KHÁNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA DI TÍCH	27
2.1. Nhân vật Phạm Tử Nghi.....	27
2.2. Các di tích lịch sử - văn hóa thờ Phạm Tử Nghi.....	32
2.2.1. Đền Kiến Ốc xã Khánh Trung.....	32
2.2.2. Đền Thánh Tứ xã Khánh Mậu	37
2.2.3. Đền Đông Thổ Mật xã Khánh Hồng.....	40
2.2.4. Đền Hải Đức xã Khánh Cường	44
2.2.5. Đánh giá thực trạng các di tích	47
2.3. Thực trạng thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi trên địa bàn Yên Khánh	53
2.3.1 Nhân vật Phạm Tử Nghi trong đời sống tinh thần của cư dân Yên Khánh. Nhân vật Phạm Tử Nghi trong đời sống nhân dân	53
2.3.2 Nhân vật Phạm Tử Nghi trong hoạt động giáo dục tại địa phương.....	59

2.2.3. Thực hành tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi tại địa phương.....	67
2.2.4 Đánh giá chung về vai trò của Phạm Tử Nghi trong đời sống tinh thần của dân Yên Khánh	72
2.4. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa tại các di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi ở huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.....	74
2.4.1. Cơ sở pháp lý để bảo tồn	74
2.4.2 Giải pháp bảo tồn giá trị di tích	77
2.4.3. Phát huy giá trị của di tích	80
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
PHỤ LỤC ẢNH	101

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	NXB	Nhà xuất bản
2	GV	Giáo viên
3	HS	Học sinh
4	GD và ĐT	Giáo dục và đào tạo
5	ThS	Thạc sĩ
6	DTLSVH	Di tích lịch sử văn hóa
7	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Hình 2.1. Biểu đồ tần suất tham gia nghi lễ thờ cúng tại các đền thờ của người dân địa phương	
Hình 2.2 Biểu đồ các hoạt động tại các đền thờ của người dân địa phương.	
Hình 2.3. Biểu đồ mục đích tham gia thờ cúng của nhân dân tại các đền thờ	
Hình 2.4. Biểu đồ ảnh hưởng của thờ Phạm Tử Nghi tới đời sống của người dân địa phương	
Hình 2.5. Biểu đồ nhận thức của người dân về sự gắn kết cộng đồng của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi	
Hình 2.6. Biểu đồ tác động của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi đến đời sống tinh thần của nhân dân	
Hình 2.7. Biểu đồ về nhận thức của người dân vấn đề bảo tồn và phát triển đối với tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi	
Hình 2.8. Biểu đồ thời gian tham gia tín ngưỡng của GV	
Hình 2.9. Biểu đồ hiểu biết về Phạm Tử Nghi	
Hình 2.10. Biểu đồ tham gia thờ cúng nghi lễ tại các đền của GV	
Hình 2.11. Biểu đồ tần suất tham gia các nghi lễ thờ cúng	
Hình 2.11. Biểu đồ tần suất tham gia các nghi lễ thờ cúng	
Hình 2.12. Biểu đồ các hoạt động tham gia vào các đền thờ	
Hình 2.13. Biểu đồ mục đích tham gia tín ngưỡng của GV	
Hình 2.14. Biểu đồ về nhận thức sự ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi tới đời sống tinh thần cộng đồng	
Hình 2.15. Biểu đồ nhận thức về sự gắn kết cộng đồng	
Hình 2.16. Biểu đồ ý kiến bảo tồn và phát triển tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi	
Hình 2.17. Biểu đồ tham gia bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa tại các đền thờ	

Hình 2.18. Biểu đồ hình thức giáo dục di sản được sử dụng trong dạy học	
Hình 2.19. Biểu đồ nội dung giáo dục di sản được sử dụng trong dạy học	
Hình 2.20. Biểu đồ phương pháp giáo dục di sản được sử dụng trong dạy học	
Hình 2.21. Biểu đồ hình thức giáo dục di sản đã được học	
Hình 2.22. Biểu đồ nội dung giáo dục di sản đã được học	
Bảng 2.1. Danh mục kiểm kê hiện vật tại đền Kiến Ốc (9/7/2025)	
Bảng 2.2. Danh mục kiểm kê hiện vật tại đền Thánh Tứ (9/7/2025)	
Bảng 2.3. Danh mục kiểm kê hiện vật tại đền Thổ Mật (9/7/2025)	
Bảng 2.4. Danh mục kiểm kê hiện vật tại đền Hải Đức (9/7/2025)	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước ta với lịch sử hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước. Mỗi chặng đường lịch sử của dân tộc để lại dấu ấn sâu sắc trong các di tích lịch sử - văn hóa ở các địa phương, vùng miền. Đó là bộ phận quan trọng cấu thành di sản văn hóa quý báu của dân tộc, nơi lưu giữ những giá trị vật chất và tinh thần của cộng đồng. Di sản văn hóa có giá trị ở những phương diện khác nhau lịch sử, văn hóa,.. trở thành tài nguyên nhân văn, nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đất nước.

Vùng đất Yên Khánh trước đây là huyện đồng bằng của tỉnh Ninh Bình, ở thế kỉ XIV còn là vùng nước của Biển Đông, đến thời Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) với công cuộc đắp đê ngăn mặn - đê Hồng Đức, nơi đây dần trở thành vùng đất dân cư sinh tụ. Trong quá trình mở đất lập làng, không thể thiếu vai trò của một số các quan lại của các triều đại gắn bó với dân. Họ luôn được kính trọng, tôn vinh, sùng bái, trở thành thần nhân, thành hoàng làng. Một trong số đó là nhân vật Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi - một vị quan dưới triều nhà Mạc.

Đối với cư dân huyện Yên Khánh nói chung và ở 4 xã Khánh Cường, Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hồng nói riêng, Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi đã trở thành nhân thần hiển Thánh. Ngày nay, di tích thờ cúng ông tại các đền Hải Đức (Khánh Cường), đền Kiến Ốc (Khánh Trung), đền Đức Thánh Tứ (Khánh Mậu), đền Đông Thổ Mật (Khánh Hồng), với tín ngưỡng linh thiêng về “Đức Thánh Tứ” trong đời sống tinh thần của cư dân. Các di tích là nơi gắn kết cộng đồng, là di sản văn hóa quý giá của địa phương cần được bảo tồn giá trị trong đời sống hiện nay.

Các di tích lịch sử - văn hóa thờ cúng Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh đã được xếp hạng, nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền, người dân địa phương. Tuy nhiên, sự tồn tại của di sản văn hóa không thể tránh khỏi sự xuống cấp bởi thời gian, khí hậu, môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến các di vật, cổ vật của các di tích vật chất; sự suy giảm trong hoạt động thực hành các lễ nghi của cư dân ở các đền; sự chăm sóc, bảo vệ cảnh quan môi trường cho di

tích... Thực trạng đó đặt ra bảo tồn giá trị di tích lịch sử - văn hóa cần có các giải pháp phù hợp và kịp thời.

Tỉnh Ninh Bình với mục tiêu đến năm 2030 cơ bản đạt các tiêu chí và đến năm 2035 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên nhiên kỷ, thành phố sáng tạo. Do vậy việc nghiên cứu về các thực trạng và giải pháp bảo tồn một số di tích lịch sử văn hóa góp phần làm giàu thêm các tư liệu để nghiên cứu về lịch sử - văn hóa địa phương.

Là người con của quê hương Khánh Cường, đang theo học ngành sư phạm Lịch sử - Địa lí tại trường Đại học Hoa Lư, nghiên cứu các di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh vừa góp phần làm cụ thể hơn về lịch sử dân tộc thời nhà nước quân chủ độc lập vừa tôn vinh giá trị lịch sử - văn hóa của quê hương. Là cơ hội cho bản thân tri ân công đức, lòng biết ơn đối với các bậc tiền nhân trong quá trình xây dựng bảo vệ quê hương, đất nước. Góp phần bồi dưỡng truyền thống tốt đẹp cho bản thân và thế hệ trẻ hiện nay.

Với ý nghĩa lí luận và thực tiễn trên em lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học *“Thực trạng và giải pháp bảo tồn giá trị một số di tích lịch sử - văn hóa thờ Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình”*.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1. Cho đến nay các công trình nghiên cứu về bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa ở các địa phương trên cả nước tạo nên hệ thống tư liệu đa dạng phong phú tạo điều kiện thuận lợi cho tìm hiểu, học tập và nghiên cứu khoa học.

Tác giả Trịnh Thị Minh Đức (Chủ biên), trong giáo trình *“Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa”* (2007), đã trình bày những vấn đề chung của hoạt động bảo tồn di tích như kiểm kê, xếp hạng, bảo quản, tu bổ, phục hồi và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa. Tìm ra các hình thức khai thác, phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa Việt Nam.

Trong nghiên cứu (2008) *“Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa ở Hải Phòng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập”*, tác giả Lê Tất Vinh đã đề cập đến thực trạng của các di tích ở Hải Phòng cùng với những hạn chế bất

cập trong công tác bảo tồn di tích cùng các nhân tố tác động và giải pháp bảo tồn di tích lịch sử văn hóa trong bối cảnh hội nhập, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nguyễn Minh Ngọc (Chủ biên), *“Bài giảng hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam”* (2009), tác giả đã đề cập hệ thống về khái niệm và phân loại di tích lịch sử văn hóa và danh thắng, di tích khảo cổ học, di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và đặc điểm loại hình danh lam thắng cảnh Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Thị Lan Thanh, Nguyễn Thị Hương trong cuốn *“Bảo tồn và phát huy các giá trị của quần thể di tích - danh thắng An Phú, Hải Dương”* (2010), đã giới thiệu tổng quan về quần thể di tích - danh thắng An Phú, Hải Dương, phân tích thực trạng của di tích và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả việc bảo tồn và phát huy các giá trị tại quần thể di tích này.

Đỗ Thị Phương Thúy với khóa luận *“Thực trạng và giải pháp bảo tồn một số di tích lịch sử - văn hóa chùa và động trên địa bàn huyện Hoa Lư - tỉnh Ninh Bình”* (2014), tác giả đã nghiên cứu thực trạng của chùa và động Hoa Sơn, chùa và động Thiên Tôn, đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa này.

Tác giả Trần Đức Anh Sơn trong công trình *“Bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay. Thực trạng và giải pháp”* (2020), trên cơ sở các văn bản Luật di sản của Việt Nam và của UNESCO, tác giả đã chỉ dẫn các niệm cơ bản “di sản văn hóa”, di sản vật thể, di sản phi vật thể, hệ thống di sản tiêu biểu trên cả nước và đề xuất các giải pháp bảo tồn di sản phù hợp với các loại hình di sản khác nhau.

Tác giả Nguyễn Minh Quang trong nghiên cứu *“Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”* (2022), chỉ rõ thực trạng công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa ở Đồng Nai hiện nay.

Tác giả Nguyễn Thị Vĩnh Linh với nghiên cứu *“Thực trạng và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị của các đình làng trên địa bàn thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam”* (2023), đã miêu tả hiện trạng và những biến đổi của các đình, làng dưới tác động của quá trình đô thị hoá và bước đầu đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của đình làng trong đời

sống tinh thần của cộng đồng cư dân Tam Kỳ hiện nay; những nhận định khách quan, khoa học về các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các công trình tín ngưỡng đặc biệt này.

Tác giả Đảng Năng Hòa trong tác phẩm “Thực trạng và giải pháp nhằm bảo tồn đền tháp Chăm hiện nay” (2023), *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, tác giả đề cập đến thực trạng của các đền tháp Chăm hiện nay, các vấn đề liên quan đến các nhà quản lý, nghiên cứu và người dân trong quá trình trùng tu, tôn tạo, bảo tồn giá trị của các di tích.

2. Về nhân vật Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi và các di tích lịch sử - văn hóa nơi thờ cúng ông nhận được các nghiên cứu, thống kê sau:

Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê (2004), trong “*Đại Việt sử kí toàn thư*”, tập 3 đã đề cập đến xuất thân nhân vật Phạm Tử Nghi và hoạt động của ông trong đời sống chính trị nhà Mạc.

Trong khóa luận “*Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi ở Hải Phòng và một số hướng khai thác phục vụ du lịch*” (2020), tác giả Nguyễn Thị Vân Anh đã nghiên cứu tổng quan về tín ngưỡng thờ nhân thần của người Việt và việc khai thác tín ngưỡng phục vụ du lịch ở Việt Nam; nhân vật Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, đánh giá về đền và lễ hội Phạm Tử Nghi phục vụ phát triển du lịch ở Hải Phòng.

Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2020), trong Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, đã thống kê được các di tích lịch sử - văn hóa tại các địa phương trong toàn tỉnh, trong đó tại 4 xã thuộc huyện Yên Khánh có 4 di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi tại bốn xã: Khánh Cường, là di tích đền Hải Đức (xóm 5 Nam Cường), thời gian xây dựng thời Nguyễn, di tích Khánh Hồng là di tích đền Đông Thổ Mật tại xóm 1 làng Thổ Mật, di tích được xếp hạng văn hóa cấp tỉnh năm 2005, thời gian xây dựng theo Sắc phong sớm nhất năm Tự Đức thứ 6 (1853); xã Khánh Trung có đền Kiến Ốc, tại xóm 8, di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm 1996 (02 sắc phong), thời gian xây dựng theo Sắc phong sớm nhất năm Vĩnh Thịnh 6 (1798); Xã Khánh Mậu, di tích đền Đức

Thánh Tứ tại xóm 10, thôn 9, cấp tỉnh năm 2004 (03 đạo sắc phong, 01 bản thần tích), thời gian xây dựng theo sắc phong sớm nhất Thành Thái nguyên niên (1889).

Tác giả Phan Kế Bính, trong cuốn “Nam Hải dị nhân liệt truyện” (2022) đã giới thiệu về 55 anh hùng hào kiệt nước Nam gồm các bậc đại anh kiệt, các bậc danh thần, các vị thần linh ứng, các bậc tiên tích, người có danh tiếng và các bậc mãnh tướng. Phạm Tử Nghi được xếp vào bậc các mãnh tướng cùng Lê Phụng Hiểu, Đoàn Thượng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Xí,... Ghi chép về quê hương và thần tích của Phạm Tử Nghi với sức khỏe hơn người, có công lao to lớn trong công cuộc bảo vệ tổ quốc, việc nhân vật đã hiển thánh bảo hộ cho nhân dân đặc biệt với các làng ven sông.

Trong *Hồ sơ di tích* tại các đền thờ Phạm Tử Nghi: Đền Hải Đức, Đền Kiến Ốc, Đền Đức Thánh Tứ, Đền Đông Thổ Mật, phần lý lịch di tích có đề cập đến nhân vật Phạm Tử Nghi, tổng quan về di tích, các hiện vật được thờ cúng và giá trị lịch sử - văn hóa.

Trên trang báo điện tử nhân vật Phạm Tử Nghi cũng được ghi nhận trong các bài viết:

“*Hệ thống di tích thờ Tứ dương hầu Phạm Tử Nghi tại quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng*”(03/5/2021) của tác giả ThS Đào Bích Nguyệt (Khoa Du lịch - Trường Đại học Hải Phòng) đã đề cập đến thân thế và sự nghiệp cùng những truyền thuyết và ghi chép lịch sử về Tứ dương hầu Phạm Tử Nghi. Đồng thời hệ thống di tích thờ danh tướng Phạm Tử Nghi tại quận Lê Chân - thành phố Hải Phòng.

“*Lăng Phạm Tử Nghi - thờ Nhân thần của người dân thành phố Cảng*” trên An ninh Hải Phòng (28/10/2022) đã giới thiệu về Phạm Tử Nghi - Đức Thánh Niệm từ nguồn gốc xuất thân, tư chất thông minh và tài năng của Ngài lúc sinh thời. Thông qua các lễ hội tri ân, tưởng nhớ công lao của Ông - vị thành thành hoàng làng là ghi nhận của thế hệ sau về ảnh hưởng của Phạm Tử Nghi - vị tướng, người anh hùng trong đời sống nhân dân quê hương.

Đến nay, chưa có tài liệu nào nghiên cứu hệ thống về các di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi trên địa bàn 4 xã (Khánh Cường, Khánh Trung, Khánh

Mậu, Khánh Hồng) thuộc huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Những công trình nghiên cứu trên là cơ sở quan trọng để tôi kế thừa phát triển phục vụ nghiên cứu đề tài.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu về nhân vật Phạm Tử Nghi, giá trị lịch sử - văn hóa tại các di tích thờ cúng Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh (tỉnh Ninh Bình) và thực trạng của các di tích đó, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn giá trị của di tích.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Các di tích lịch sử - văn hóa thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu về nhân vật Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, thực trạng các di tích lịch sử - văn hóa thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, các biện pháp để bảo tồn giá trị các di tích.

Các di tích lịch sử văn hóa thờ nhân vật Phạm Tử Nghi tại xã Khánh Trung, xã Khánh Cường, xã Khánh Mậu, Khánh Hồng huyện Yên Khánh tỉnh Ninh Bình. (từ ngày 1/7/2025 các địa danh đã thay đổi xã Khánh Trung vẫn giữ nguyên, xã Khánh Cường nay thuộc xã Khánh Thiện, xã Khánh Mậu nay thuộc xã Khánh Hội và xã Khánh Hồng nay thuộc xã Khánh Nhac).

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận lý thuyết - thực trạng - giải pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp lịch sử và phương pháp logic*: để tìm hiểu về nhân vật Phạm Tử Nghi trong lịch sử dân tộc và ảnh hưởng của ông trong đời sống tinh thần của nhân dân hiện nay.

- *Phương pháp điền dã*: tiến hành điền dã tại các thôn làng, đền sưu tầm tài liệu, hình ảnh; quan sát, ghi chép, hiểu vùng đất Yên Khánh nhằm thu thập thông tin ở các di tích lịch sử - văn hóa thờ Phạm Tử Nghi.

- *Phương pháp điều tra xã hội học*: khảo sát thực trạng di tích và bảo tồn di tích; phỏng vấn lãnh đạo và nhân dân địa phương (dân thường, người thủ từ) về tín ngưỡng thờ Tứ Dương hầu trong đời sống; đóng góp của nhân dân trong việc gìn giữ bảo tồn và phát huy giá trị của di sản tại các xã; công lao, đóng góp của Phạm Tử Nghi đối với địa phương; hoạt động thờ cúng Phạm Tử Nghi của cư dân địa phương.

Đề tài cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu đặc trưng của các ngành Bảo tàng để đánh giá hiện trạng, đưa ra các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa thờ Phạm Tử Nghi ở huyện Yên Khánh.

NỘI DUNG

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Một số khái niệm liên quan

a. Khái niệm Di tích

Di tích là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất có ý nghĩa về mặt văn hóa và lịch sử. Di tích là một phần của Di sản văn hóa vật thể, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

b. Di tích lịch sử văn hóa

Theo Hiến chương Venice (Italia, 1964), “Di tích lịch sử không chỉ là một công trình kiến trúc riêng lẻ, mà còn bao gồm cả không gian đô thị hoặc nông thôn có lưu giữ dấu tích của một nền văn minh, một quá trình phát triển mang ý nghĩa đặc biệt hoặc một sự kiện lịch sử. Khái niệm này không chỉ áp dụng đối với những công trình nghệ thuật lớn, mà còn mở rộng đến cả những công trình khiêm tốn hơn nhưng đã tích lũy giá trị văn hóa theo thời gian.”

Theo Luật Di sản văn hóa Việt Nam (2001) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (2009), di tích lịch sử - văn hóa (DTLSVH) được hiểu là công trình xây dựng, địa điểm cùng với các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia gắn liền có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học. Một DTLSVH phải đáp ứng ít nhất một trong những tiêu chí sau:

1. Là công trình, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử - văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương;
2. Là công trình, địa điểm gắn với cuộc đời và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân hoặc nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của đất nước hay địa phương qua các thời kỳ;
3. Là địa điểm khảo cổ học có giá trị tiêu biểu;

4. Là công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị hoặc nơi cư trú tiêu biểu cho một hay nhiều giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật

Từ những khái niệm trên, có thể rút ra đặc điểm chung của DTLSVH như sau:

Một là, di tích là một không gian vật chất cụ thể, khách quan, bao gồm công trình, địa điểm, di vật, bảo vật quốc gia cùng với cảnh quan thiên nhiên kết hợp với các yếu tố kiến trúc hay địa điểm ghi dấu hoạt động của con người. Di tích tồn tại trong không gian và thời gian nhất định, có quy mô và hình thức kiến trúc khác nhau.

Hai là, di tích không chỉ là kết tinh của lao động sáng tạo trong lịch sử, mà còn chứa đựng những giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa và khoa học. Chính vì vậy, di tích vừa thuộc quyền sở hữu của những người sáng tạo ra nó, vừa là tài sản chung của quốc gia bởi nó phản ánh những giá trị điển hình của xã hội.

Ba là, di tích gồm nhiều thành tố: môi trường và cảnh quan thiên nhiên bao quanh; công trình hay địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa; cùng với những giá trị văn hóa tinh thần, hay còn gọi là văn hóa phi vật thể, gắn liền với công trình, địa điểm đó.

Với những đặc điểm trên, có thể thấy khái niệm DTLSVH trong Luật Di sản văn hóa Việt Nam đã phản ánh đầy đủ nhất bản chất, giá trị và nội dung của loại hình di sản này, đồng thời tạo cơ sở cho công tác nghiên cứu và bảo tồn.

c. Tiêu chí xếp hạng di tích

Theo điều 24. Luật di sản năm 2024 đã quy định rõ: “1. Di tích được xếp hạng ở phạm vi quốc gia bao gồm:

a) Di tích cấp tỉnh là di tích có giá trị tiêu biểu của địa phương và đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí quy định tại Điều 22 của Luật này;

b) Di tích quốc gia là di tích có giá trị tiêu biểu của quốc gia và đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí quy định tại Điều 22 của Luật này;

c) Di tích quốc gia đặc biệt là di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia và đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí quy định tại Điều 22 của Luật này” [13, tr55]

Theo đó, việc phân loại DTLSVH, là cơ sở quan trọng nhằm thống kê, đánh giá chính xác hiện trạng và giá trị của kho tàng di sản văn hóa, bao gồm cả di sản vật thể và phi vật thể. Công tác này góp phần phục vụ cho nghiên cứu khoa học, bảo tồn, tôn tạo, cũng như khai thác và phát huy giá trị của di tích lịch sử – văn hóa trong phát triển du lịch và giáo dục truyền thống.

Theo đặc trưng và tính chất, di tích lịch sử – văn hóa (DTLSVH) được chia thành ba nhóm cơ bản: Di tích văn hóa – khảo cổ, Di tích lịch sử và Di tích kiến trúc – nghệ thuật. Cụ thể điều 22. Luật di sản về “Tiêu chí nhận diện di tích theo loại hình” gồm có: *“1. Di tích lịch sử phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:*

a) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương trong quá trình dựng nước và giữ nước;

b) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử;

c) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với lịch sử phát triển công nghiệp, đô thị, nông thôn có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.

2. Di tích kiến trúc, nghệ thuật phải đáp ứng tiêu chí là công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc đô thị, nông thôn, địa điểm cư trú, khu vực đô thị và nông thôn, công trình công nghiệp chứa đựng công trình kiến trúc và không gian lịch sử, văn hóa có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển của lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật.

3. Di tích khảo cổ phải đáp ứng tiêu chí là địa điểm phát hiện dấu tích liên quan đến hoạt động của con người, có tầng văn hóa chứa đựng di tích, di vật phản ánh

lịch sử văn hóa, con người, có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.” [13, tr53]

Di tích văn hóa – khảo cổ là những công trình, địa điểm còn lưu giữ các di vật, cổ vật, vết tích sinh tồn của con người trong quá khứ, tồn tại trên mặt đất, trong lòng đất hoặc dưới nước. Những dấu tích này phản ánh quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng cư dân qua các thời kỳ lịch sử xa xưa. Trong khoa học khảo cổ học, loại hình di tích này còn được gọi là “di chỉ khảo cổ”, tức là những địa điểm nghiên cứu, khai quật, thăm dò nhằm tìm hiểu các bằng chứng vật chất của xã hội cổ đại. Thông qua các di chỉ, các nhà khảo cổ có thể tái hiện đời sống vật chất, tinh thần, và tổ chức xã hội của cộng đồng cư dân cổ.

Di tích lịch sử, di tích lịch sử là những địa điểm, khu vực hoặc công trình mang dấu ấn các sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu có ảnh hưởng sâu sắc đến tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Đây là những không gian vật chất lưu giữ ký ức lịch sử, phản ánh bản sắc và truyền thống đấu tranh, lao động, sáng tạo của con người Việt Nam qua các thời kỳ.

Dựa trên nội dung và giá trị lịch sử, di tích lịch sử có thể được phân thành các nhóm: di tích gắn với các sự kiện chính trị, quân sự quan trọng; di tích ghi dấu chiến công của quân và dân trong kháng chiến; di tích lưu giữ chứng tích chiến tranh; di tích lưu niệm danh nhân, anh hùng liệt sĩ, nhà văn hóa lớn của dân tộc.

Di tích kiến trúc – nghệ thuật. Di tích kiến trúc – nghệ thuật bao gồm các công trình kiến trúc, điêu khắc, tác phẩm nghệ thuật có giá trị lịch sử, thẩm mỹ và văn hóa cao, được tạo dựng để phục vụ đời sống tinh thần, tôn giáo – tín ngưỡng, văn hóa – xã hội của nhân dân qua nhiều thời kỳ.

Hệ thống di tích lịch sử – văn hóa của Việt Nam là nguồn tư liệu quý giá, phản ánh tiến trình phát triển lịch sử, văn hóa, tư tưởng và nghệ thuật dân tộc. Việc phân loại, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích không chỉ góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, mà còn là nền tảng để phát triển giáo dục truyền thống, du lịch văn hóa và xây dựng ý thức cộng đồng trong bảo tồn di sản.

d. Giá trị của di tích

Giá trị lịch sử

Di tích lịch sử là minh chứng vật chất và tinh thần cho quá trình hình thành, phát triển của dân tộc qua các thời kỳ. Mỗi di tích chứa đựng dấu ấn của những sự kiện, nhân vật lịch sử, phản ánh bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội của từng giai đoạn. Đây là nguồn tư liệu xác thực, có giá trị khoa học và giáo dục sâu sắc, góp phần tái hiện diện mạo lịch sử dân tộc một cách sinh động. Đồng thời, di tích còn thể hiện truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường và tinh thần tự tôn dân tộc của con người Việt Nam. Ví dụ: Các di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh là những minh chứng sinh động về quá trình hình thành, phát triển của cộng đồng cư dân vùng đồng bằng Ninh Bình, đồng thời ghi nhận công lao của một nhân vật lịch sử tiêu biểu thời nhà Mạc. Phạm Tử Nghi là võ tướng văn võ song toàn, có nhiều đóng góp trong việc bảo vệ bờ cõi, dẹp giặc yên dân, được nhân dân tôn kính, suy tôn thành Đức Thánh Tứ. Hệ thống các đền thờ như đền Kiến Ốc (xã Khánh Trung), đền Đức Thánh Tứ (xã Khánh Mậu), đền Đông Thổ Mật (xã Khánh Hồng) và đền Hải Đức (xã Khánh Cường) không chỉ lưu giữ những dấu ấn vật chất về tín ngưỡng thờ nhân thần, mà còn phản ánh rõ mối quan hệ giữa lịch sử và đời sống tâm linh của cư dân địa phương. Đây là nguồn tư liệu chân thực, có giá trị khoa học và giáo dục cao, góp phần tái hiện tiến trình phát triển lịch sử - văn hóa của vùng đất Yên Khánh cũng như tôn vinh tinh thần yêu nước, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam.

Giá trị văn hóa

Di tích là kết tinh của bản sắc văn hóa dân tộc, phản ánh đời sống tinh thần, tín ngưỡng, phong tục và quan niệm thẩm mỹ của cộng đồng qua từng thời kỳ. Với tư cách là không gian lưu giữ ký ức tập thể, di tích gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa – tâm linh của nhân dân, đồng thời tạo nên sự kết nối giữa truyền thống và hiện đại. Các hoạt động lễ hội, giáo dục và du lịch tại di tích góp phần lan tỏa, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong đời sống đương đại. Ví dụ: các di tích thờ Phạm Tử Nghi là kết tinh của bản sắc văn hóa địa phương, phản ánh sâu sắc đời sống tinh thần, tín ngưỡng và phong tục thờ thành hoàng làng của người Việt. Trong đời sống cộng đồng, việc thờ phụng Đức Thánh Tứ

đã trở thành biểu tượng văn hóa – tâm linh thiêng liêng, góp phần củng cố khối đoàn kết làng xã và giáo dục đạo lý truyền thống cho các thế hệ. Hằng năm, các lễ hội tại đền Kiến Ốc, đền Đức Thánh Tứ, đền Đông Thổ Mật và đền Hải Đức được tổ chức trang trọng với các nghi thức tế lễ, rước kiệu, diễn xướng dân gian, thu hút đông đảo nhân dân và du khách. Những lễ hội này không chỉ mang ý nghĩa tri ân tiên nhân, mà còn là dịp để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể như hát chèo, trò diễn dân gian, nghệ thuật tế lễ cổ truyền. Nhờ đó, hệ thống di tích thờ Phạm Tử Nghi trở thành không gian văn hóa đặc trưng, góp phần duy trì bản sắc văn hóa của vùng đất Yên Khánh trong đời sống hiện đại.

Giá trị kiến trúc

Kiến trúc di tích là sự hội tụ của nghệ thuật, kỹ thuật và thẩm mỹ, phản ánh trình độ sáng tạo và tư duy nghệ thuật của các thế hệ tiên nhân. Cấu trúc không gian, vật liệu, họa tiết và kỹ thuật xây dựng thể hiện sự hài hòa giữa yếu tố tự nhiên, tôn giáo và nhân sinh quan của thời đại. Mỗi di tích mang phong cách riêng, có thể là cung đình, tôn giáo, dân gian hoặc giao thoa văn hóa, qua đó góp phần hình thành diện mạo kiến trúc truyền thống Việt Nam. Đây cũng là nguồn tư liệu quan trọng phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và bảo tồn di sản kiến trúc cổ.

Ví dụ: về phương diện kiến trúc các di tích thờ Phạm Tử Nghi mang đậm phong cách kiến trúc truyền thống Việt Nam, kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật tạo hình dân gian và kỹ thuật xây dựng cổ truyền. Cấu trúc tổng thể thường gồm nghi môn - sân tế - đại bái - hậu cung, được bố trí theo trục thần đạo, thể hiện tư duy phong thủy và quan niệm “thiên - địa - nhân” trong văn hóa Việt. Các công trình sử dụng chủ yếu vật liệu gỗ lim, ngói mũi hài, đá xanh, cùng với các họa tiết trang trí rồng, phượng, hoa văn tứ linh, thể hiện trình độ thẩm mỹ và kỹ thuật điêu khắc tinh xảo của nghệ nhân xưa. Đặc biệt, đền Kiến Ốc (xã Khánh Trung) - di tích cấp Quốc gia - là một minh chứng tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc thời Nguyễn với không gian hài hòa, cân đối và giàu tính biểu tượng. Hệ thống di tích này không chỉ là di sản vật thể có giá trị nghệ thuật và lịch sử, mà còn là nguồn tư liệu quý phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và giáo dục truyền thống về kiến trúc - mỹ thuật cổ Việt Nam.

Các di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi ở huyện Yên Khánh vừa mang giá trị lịch sử - phản ánh công lao và tín ngưỡng tôn vinh danh nhân; vừa mang giá trị văn hóa - biểu trưng cho bản sắc, đời sống tinh thần của cư dân địa phương; đồng thời chứa đựng giá trị kiến trúc - nghệ thuật đặc sắc của nền văn minh Việt cổ. Đây là những di sản quý báu cần được bảo tồn, trùng tu và phát huy bền vững trong bối cảnh phát triển kinh tế - văn hóa của tỉnh Ninh Bình hiện nay.

1.1.2. Vấn đề bảo tồn di sản văn hóa

a. Khái niệm bảo tồn

Theo Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, “bảo tồn di sản văn hóa” có nghĩa là đảm bảo khả năng tồn tại của di sản.

Bảo tồn di sản văn hoá là việc giữ gìn nguyên dạng giá trị gốc của di sản hoặc giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có. Phát huy giá trị di sản văn hóa là sự kế thừa, phát triển, khai thác, sử dụng hiệu quả những giá trị của di sản văn hoá trong đời sống hiện tại và tương lai.

Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá có mối quan hệ biện chứng, thống nhất gắn bó chặt chẽ với nhau và đều nhằm mục đích chung là lưu truyền và phát triển những giá trị của di sản văn hoá. Công tác bảo tồn là cơ sở để phát huy giá trị to lớn của di sản văn hóa. Phát huy giá trị của di sản văn hoá sẽ góp phần trọng vào việc giữ gìn, bảo vệ sự tồn tại của di sản văn hoá theo dạng thức vốn có của chúng. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá phải đặt trong bối cảnh phát triển bền vững của quốc gia, gắn liền với sự phát triển kinh tế đất nước, đặc biệt là ngành dịch vụ du lịch; đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài.

b. Các nguyên tắc bảo tồn di sản văn hóa

Mục đích và ý nghĩa của bảo tồn: nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và làm giàu kho tàng di sản văn hóa của cộng đồng các dân tộc

Việt Nam; phục vụ giáo dục truyền thống; di sản không phải là di sản chết mà phải đóng góp vào sự phát triển bền vững.

Bảo tồn di sản là một quá trình liên tục và đa diện nhằm gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của các sản phẩm vật chất và tinh thần mà cha ông để lại, đồng thời tìm cách phát huy những giá trị đó một cách bền vững trong đời sống đương đại, vì lợi ích của xã hội.

Các quan điểm bảo tồn: bảo tồn nguyên vẹn, theo đó những sản phẩm của quá khứ nên được bảo vệ nguyên vẹn như vốn có, cố gắng phục hồi nguyên gốc và cách ly di sản khỏi môi trường đương đại. Cách này phù hợp với di sản vật thể như công trình kiến trúc, di chỉ khảo cổ, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; bảo tồn trên cơ sở kế thừa (bảo tồn thích ứng), đây là xu hướng được quan tâm nhất hiện nay, coi di sản như một ngành công nghiệp và cần có cách thức quản lý tương tự. Mục tiêu là đảm bảo cân bằng giữa bảo tồn di sản và khai thác giá trị kinh tế của chúng.

Các nguyên tắc bảo tồn di sản văn hóa

Bảo tồn di sản văn hóa là một quá trình khoa học, lâu dài và liên ngành, đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc nhằm đảm bảo tính xác thực, toàn vẹn và giá trị bền vững của di sản. Dưới đây là một số nguyên tắc cơ bản được áp dụng phổ biến trong công tác bảo tồn ở Việt Nam hiện nay:

Một là, nguyên tắc tôn trọng tính nguyên gốc và xác thực của di sản. Nguyên tắc này yêu cầu việc bảo tồn phải giữ gìn tối đa các yếu tố gốc cấu thành di sản, bao gồm chất liệu, hình thức, không gian, kỹ thuật và các giá trị tinh thần gắn liền với nó. Mọi hoạt động tu bổ, tôn tạo, hoặc phục dựng phải dựa trên cơ sở tư liệu khoa học, tránh can thiệp làm thay đổi cấu trúc, công năng hoặc ý nghĩa lịch sử – văn hóa của di sản. Đây là nguyên tắc cơ bản bảo đảm tính chân xác yếu tố cốt lõi để di sản có giá trị trong nghiên cứu, giáo dục và truyền thông văn hóa.

Hai là, nguyên tắc bảo đảm tính toàn vẹn. Tính toàn vẹn được hiểu là sự trọn vẹn của các yếu tố cấu thành di sản, bao gồm cả môi trường tự nhiên, không gian văn hóa và mối liên hệ xã hội - tín ngưỡng. Bảo tồn di sản không thể tách rời khỏi không gian gốc và bối cảnh văn hóa của nó. Do vậy, mọi hoạt động quy

hoạch, xây dựng hay phát triển kinh tế - xã hội cần đảm bảo không xâm hại cảnh quan, cấu trúc và giá trị văn hóa của di tích.

Việc bảo tồn toàn vẹn cũng bao gồm cả di sản vật thể và phi vật thể liên quan, đảm bảo mối liên hệ giữa di tích, lễ hội, phong tục và ký ức cộng đồng.

Ba là, nguyên tắc kế thừa và phát huy giá trị di sản. Bảo tồn không chỉ dừng lại ở việc “giữ nguyên” mà cần hướng đến sự kế thừa và phát huy giá trị di sản trong bối cảnh mới. Mỗi di sản đều mang trong nó giá trị lịch sử, nghệ thuật, khoa học và tinh thần có thể phục vụ phát triển văn hóa, giáo dục và du lịch. Vì vậy, bảo tồn cần gắn với khai thác hợp lý, giúp di sản “sống” trong đời sống đương đại, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và ý thức cộng đồng về cội nguồn dân tộc.

Bốn là, nguyên tắc cộng đồng tham gia. Di sản thuộc về cộng đồng và chỉ có thể tồn tại bền vững khi cộng đồng thực sự tham gia và gắn bó với quá trình bảo tồn. Nguyên tắc này khẳng định vai trò chủ thể của người dân địa phương – những người lưu giữ, thực hành và truyền nối di sản qua nhiều thế hệ. Công tác quản lý và bảo tồn cần khuyến khích sự tham gia chủ động của cộng đồng, từ khâu ra quyết định, huy động nguồn lực đến giám sát và khai thác giá trị di sản, trên cơ sở hài hòa giữa lợi ích cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước.

Năm là, nguyên tắc kết hợp giữa bảo tồn và phát triển bền vững. Mục tiêu của bảo tồn hiện nay không chỉ là duy trì quá khứ mà còn gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội đương đại. Di sản cần được nhìn nhận như nguồn lực văn hóa đặc thù, có thể đóng góp cho du lịch, giáo dục, sáng tạo nghệ thuật và xây dựng thương hiệu địa phương. Tuy nhiên, mọi hoạt động khai thác phải tuân thủ giới hạn bảo tồn, đảm bảo không thương mại hóa quá mức, không làm biến dạng giá trị văn hóa và không gian gốc của di sản.

Sáu là, nguyên tắc khoa học, pháp lý và liên ngành, bảo tồn di sản phải dựa trên cơ sở khoa học, tư liệu đáng tin cậy và quy định pháp luật hiện hành như Luật Di sản văn hóa (2001, sửa đổi 2009) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, công tác bảo tồn cần sự phối hợp của nhiều lĩnh vực khoa học - lịch sử, khảo

cổ, kiến trúc, mỹ thuật, dân tộc học, xã hội học, môi trường... nhằm đưa ra giải pháp toàn diện, hiệu quả và phù hợp với từng loại hình di sản.

Các nguyên tắc trên cho thấy bảo tồn di sản văn hóa không đơn thuần là hoạt động kỹ thuật hay hành chính, mà là một quá trình văn hóa – xã hội mang tính nhân văn sâu sắc. Việc tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc bảo tồn chính là điều kiện tiên quyết để gìn giữ, phát huy và lan tỏa giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong tiến trình phát triển bền vững của đất nước.

1.2. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu

1.2.1. Vài nét về địa lí, lịch sử

a. Vị trí địa lý, tự nhiên

Huyện Yên Khánh nằm ở phía đông nam tỉnh Ninh Bình, cách thành phố Ninh Bình 14km, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 107km; phía bắc giáp huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (nay thuộc Ninh Bình), phía đông giáp huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (nay thuộc Ninh Bình), lấy sông Đáy làm địa giới; phía nam giáp huyện Kim Sơn; phía tây nam giáp huyện Yên Mô, lấy sông Vạc làm địa giới; phía tây bắc giáp thành phố Ninh Bình. Yên Khánh là huyện ven đô thị có hệ thống giao thông khá thuận lợi, có các tuyến đường cao tốc Bắc - Nam, cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng chạy qua; có quốc lộ 10 chạy dọc theo suốt chiều dài của huyện nối liền với thành phố Ninh Bình và huyện Kim Sơn, phía đông là tuyến đường du lịch Cúc Phương - Bái Đính - Kim Sơn. Hệ thống sông ngòi phân bố khá đồng đều với tổng chiều dài 85km, trong đó có hai sông chính là sông Đáy ở phía đông và sông Vạc ở phía tây, thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy và thủy lợi phục vụ phát triển sản xuất.

Địa hình Yên Khánh tương đối bằng phẳng, không có đồi núi, chia thành hai vùng kinh tế. Phía tây đê Hồng Đức (đường 58B) là vùng đất sa bồi, đồng ruộng không thật bằng phẳng, xen kẽ các dải đồng màu (các doi cát bồi) là các cánh đồng hẹp và trũng dễ bị úng cục bộ khi có mưa lớn. Vùng này có khả năng tăng vụ quay vòng nhanh. Phần lớn diện tích đất màu được gieo trồng từ 2 - 4 vụ/năm. Ruộng thấp trước đây chỉ cấy một vụ lúa chiêm, nay đã cấy 2 vụ chiêm, mùa ăn chắc và đạt năng suất cao. Phía đông nam đê Hồng Đức là vùng sa bồi, đồng ruộng bằng phẳng thoải dần từ phía đông bắc đến phía đông nam. Đây là

vùng thâm canh hai vụ lúa và lúa đặc sản của huyện Yên Khánh và của tỉnh Ninh Bình. Yên Khánh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, gần biển nên mát mẻ. Tuy vậy, thời tiết vẫn chia thành 2 mùa rõ rệt. Mùa hạ nắng nóng, có ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam. Mùa đông, ảnh hưởng khá lớn của gió mùa Đông Bắc, có sương muối nhưng không nhiều như các huyện phía bắc của tỉnh.

b. Tài nguyên nhân văn

Huyện Yên Khánh là vùng đất có lịch sử lâu đời, nằm ở phía Đông Nam tỉnh Ninh Bình, là nơi hội tụ nhiều giá trị văn hóa – lịch sử đặc sắc. Theo Quyết định 392/QĐ-UBND ngày 05/6/2020, toàn huyện có 222 di tích được kiểm kê, trong đó gồm 55 chùa, 11 đình, 87 đền, 13 miếu, phủ, tĩnh, lầu, lăng mộ, và 46 nhà thờ họ, 10 nhà thờ Công giáo cùng 45 loại hình di tích khác. Hệ thống di tích này thể hiện rõ mật độ dày đặc của tài nguyên nhân văn và đời sống tâm linh phong phú của cộng đồng cư dân nơi đây.

Giá trị lịch sử – văn hóa

Các di tích của huyện Yên Khánh gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của vùng đồng bằng châu thổ sông Đáy, phản ánh sinh động lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Nhiều di tích thờ nhân vật lịch sử có công với dân, với nước, như: Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, danh tướng thời Mạc, được thờ tại các xã Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hồng, Khánh Cường.

Các vị thần, danh nhân văn võ thời Lý – Trần – Lê – Nguyễn, như Nguyễn Minh Không, Trần Hưng Đạo, Tô Hiến Thành, Đông Hải Đại vương... Ngoài ra, hệ thống đình, đền, chùa, miếu cùng nhà thờ họ còn lưu giữ sắc phong, bia ký, ngọc phả cổ, phản ánh mối quan hệ giữa con người và lịch sử, giữa tín ngưỡng dân gian và chính sử. Các lễ hội truyền thống như lễ rước Thánh Phạm Tử Nghi, lễ hội cầu an, cầu mùa... là di sản văn hóa phi vật thể quý giá, góp phần bảo tồn bản sắc dân tộc và bồi dưỡng ý thức cộng đồng.

Giá trị kiến trúc – nghệ thuật

Tài nguyên nhân văn của Yên Khánh không chỉ phong phú về số lượng mà còn đa dạng về phong cách kiến trúc. Các công trình đình, đền, chùa trong huyện hầu hết mang dáng dấp kiến trúc truyền thống Việt Nam, với bố cục “tiền nhất hậu công”, kết cấu gỗ lim, mái ngói mũi hài, chạm khắc tứ linh, tứ quý, hoa văn dân gian tinh xảo. Một số di tích tiêu biểu có giá trị kiến trúc nghệ thuật cao như: Đền Kiến Ốc (Khánh Trung) – Di tích cấp Quốc gia, tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc tôn giáo thời Nguyễn; Đền Đức Thánh Tứ (Khánh Mậu), đền Đông Thổ Mật (Khánh Hồng), đền Hải Đức (Khánh Cường) - hệ thống kiến trúc tôn vinh danh

nhân địa phương, hài hòa giữa thiên nhiên và nhân tạo. Những công trình này là nguồn tư liệu quý giá phục vụ nghiên cứu, giáo dục và bảo tồn di sản văn hóa, đồng thời là điểm nhấn du lịch văn hóa - tâm linh của địa phương.

Tài nguyên nhân văn của huyện Yên Khánh có vai trò to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay: là cơ sở để phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, gắn với các di tích lịch sử và lễ hội truyền thống. Góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức bảo tồn di sản cho thế hệ trẻ. Là nguồn lực quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, gắn phát triển văn hóa với phát triển bền vững.

Là vùng đất giàu tài nguyên nhân văn, Yên Khánh hội tụ đầy đủ các giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và tâm linh. Hệ thống di tích phong phú, đặc biệt là các đền thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, không chỉ là biểu tượng của lòng tri ân tiền nhân mà còn là nguồn lực văn hóa to lớn, cần được bảo tồn, khai thác hợp lý để phục vụ phát triển bền vững của địa phương trong giai đoạn mới.

c. Lịch sử hình thành

Huyện Yên Khánh được hình thành và có cư dân sinh sống từ khá sớm. Vùng đất này thời Hồng Bàng nằm trong bộ Giao Chỉ, sau thuộc phủ Trường Yên. Từ thời Trần (1225 - 1400) trở về trước, có tên gọi là huyện Yên Ninh. Đầu thời Lê Trung hưng, do kỵ húy vua Lê Trang Tông Lê Ninh (trị vì 1533 - 1548), đổi tên là huyện Yên Khang. Năm đầu đời Gia Long (1802), do kỵ húy chữ Khang đổi thành Yên Khương! Đến năm Quý Hợi, Gia Long năm thứ 2; ngày Giáp Thìn, tháng Ba, tiết thanh minh, vua ngự ở điện, bày tiệc dâng biểu khen mừng. Ban yến theo thứ bậc, xuống chiếu bố cáo trong ngoài, "đổi dinh Bình Khang làm dinh Bình Hòa, phủ Bình Khang làm phủ Bình Hòa, huyện Yên Khang ở Thanh Hoa ngoại làm huyện Yên Khánh" thuộc phủ Trường Yên. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821), đổi tên thành phủ Yên Khánh. Huyện Yên Khánh do tri phủ đồng tri huyện kiêm quản. Năm Minh Mệnh thứ 10 (1829), huyện Yên Khánh thuộc đạo Ninh Bình; đến năm Minh Mệnh thứ 10 (1829), đạo Ninh Bình đổi làm trấn Ninh Bình; năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), trấn Ninh Bình đổi thành tỉnh Ninh Bình. Như vậy, địa danh huyện Yên Khánh có từ năm 1803 cho đến ngày nay.

Phần lớn diện tích đất đai Yên Khánh (ngày nay) trước đây là biển cả. Ngã ba Độc Bộ, phần đất xã Khánh Tiên giáp huyện Ý Yên và Nghĩa Hưng (Nam Định)

là cửa biển Đại Nha. Nhờ phù sa bồi đắp, đến thời Lê, niên hiệu Hồng Đức thứ 2 (1471), khi đất bồi đã rộng, Vua Lê Thánh Tông cho đắp đê từ cửa biển Đại Nha (Khánh Cường ngày nay) đến Tiểu Nha (Yên Lâm, huyện Yên Mô ngày nay) để ngăn mặn lấy đất cho dân cày cấy. Như vậy, cho đến thế kỷ thứ X, vịnh biển còn loang sâu vào tới bến Bạc (Khánh An) và Đại Nha (Độc Bộ, Khánh Tiên ngày nay). Trên các doi đất chắn ngang bờ biển theo hướng đông - tây có cư dân sinh sống từ những năm 865 - 8752. Phía đông nam đê Hồng Đức, sau khi đắp đê (năm 1471), làng xã mới được xây dựng bên dòng kênh rạch hoặc đào ao vượt thổ lấy đất làm nhà. Mỗi làng xã thường cách nhau 1- 2km vào quần tụ ở nơi bên cầu, tiện cho sự đi lại, sinh sống và làm ruộng. Lúc đầu, các làng mới có ở ven đê Hồng Đức, sau đó cứ theo chân sóng tiến về phía đông, tiếp liền với biển. Cứ như thế, làng xã ngày càng phát triển, dân cư đông đúc trù phú như ngày nay.

Từ khi hình thành đến nay, địa giới hành chính huyện Yên Khánh có nhiều sự biến đổi vào các năm: 1906, 1961, tháng 4/1977, tháng 7/1994. Trong thời gian đó cũng dẫn đến nhiều lần biến đổi về địa giới hành chính của huyện lỵ *“Do nhiều lần biến động về địa giới hành chính nên huyện lỵ Yên Khánh cũng nhiều lần chuyển dời. Thời kỳ đầu, huyện lỵ cũng là phủ lỵ, năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) ở Thiện Trạo (huyện Hoa Lư ngày nay), sau chuyển về Phúc Am (thị xã Ninh Bình, nay là thành phố Ninh Bình). Năm Tự Đức thứ 34 (1881), huyện lỵ di trú về Bình Sơn (Phủ mới). Kiến Phúc nguyên niên (1884), lại dời về Phúc Am. Từ năm 1906, huyện lỵ chuyển về xã Yên Ninh (nay là thị trấn Yên Ninh). Năm 1996, thành lập thị trấn Yên Ninh thuộc huyện Yên Khánh.”*

Tính đến *“năm 2020, huyện Yên Khánh có 19 đơn vị hành chính, bao gồm 1 thị trấn và 18 xã. 1. Chín xã gồm: Khánh Ninh, Khánh Cư, Khánh Hải, Khánh Thiện, Khánh Lợi, Khánh An, Khánh Vân, Khánh Hòa, Khánh Phú. 2. Chín xã gồm: Khánh Hồng, Khánh Nhạc, Khánh Hội, Khánh Mậu, Khánh Cường, Khánh Trung, Khánh Thành, Khánh Công, Khánh Thủy. 3. Gồm thị trấn Yên Ninh và 18 xã là: Khánh An, Khánh Công, Khánh Cư, Khánh Cường, Khánh Hải, Khánh Hòa, Khánh Hội, Khánh Hồng, Khánh Lợi, Khánh Mậu, Khánh Nhạc, Khánh Phú, Khánh Tiên, Khánh Thành, Khánh Thiện, Khánh Thủy, Khánh Trung, Khánh Vân.”* [2, tr22]

1.2.2. Tình hình kinh tế - xã hội

Yên Khánh là huyện đồng bằng được phù sa bồi đắp của sông Đáy nằm ở phía đông, nền kinh tế thế mạnh chủ yếu của huyện là nông nghiệp. Yên Khánh cũng là một huyện có tài nguyên nhân lực lao động dồi dào. Phần lớn vẫn phải làm việc tại các nơi khác.

Thời hiện đại, đặc biệt từ năm 2007, huyện Yên Khánh phát triển mạnh mẽ các khu công nghiệp nằm ở các xã Khánh Phú, Khánh An để thúc đẩy phát triển kinh tế. Thị trấn Yên Ninh nằm trên Quốc lộ 10, nối thành phố Ninh Bình và huyện Kim Sơn. Yên Khánh nằm cạnh khu công nghiệp Khánh Phú và cảng Ninh Phúc rất thuận lợi giao lưu kinh tế nội tỉnh.

Huyện Yên Khánh có nhiều làng nghề, trong đó nghề chế biến cói bèo thường chiếm khá nhiều trong số các làng nghề tại một huyện khá gần biển phía nam tỉnh Ninh Bình: nghề đan cói, bèo Bình Hòa, Đồng Mới và Đức Hậu (Khánh Hồng), nghề chế biến cói xóm 8 (Khánh Mậu), làng nghề bún, bánh, thực phẩm Yên Ninh, làng mây tre đan Đông Thịnh và La Bình (Khánh Vân), làng nghề ẩm thực Phong An, Làng nghề cây cảnh xóm 1 và Làng nghề cói xóm 10 (Khánh Thiện), một số ít có nghề cơ khí ở Khánh Lợi.

Chợ là nơi trao đổi buôn bán đảm bảo các điều kiện sinh hoạt của nhân dân địa phương, các chợ nổi tiếng như: Chợ Cát (Thôn 8, xã Khánh Trung), Chợ Dầu (Xóm Chợ, xã Khánh Hoà), chợ Ninh (phố 2, thị trấn Yên Ninh), Chợ Khánh Hồng (xóm 3, xã Khánh Hồng), Chợ Nhạc (xóm 3, xã Khánh Nhạc), Chợ Trung (xóm 9, xã Khánh Mậu), Chợ Xanh (xóm Chợ, xã Khánh Thiện).

Trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân dân Yên Khánh nói chung đều thực hiện tốt những nhiệm vụ kinh tế xã hội tương ứng với nhiệm vụ kinh tế xã hội của từng giai đoạn: *“Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954 nhân dân đã đảm bảo tổ chức sản xuất phát triển kinh tế và đời sống văn hóa, nhân dân các xã thực hiện lập hũ gạo tiết kiệm, không dùng gạo, ngô nấu rượu như các xã Xuân Dương, Yên Khê, Yên Cư lập được 500 hũ với số gạo là 4000kg thực hiện khẩu hiệu “tắc đất tắc vàng”, hưởng ứng lời kêu gọi tăng gia sản xuất. Trong “tuần lễ vàng” nhân dân đã quyên góp được hàng chục đôi*

khuyên nhân vàng đồ trang sức...đặc biệt như các xã Xuân Dương, Yên Khê, Yên Cư, Yên Công, Yên Bắc, Yên Phú...” [2, tr49]

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân Yên Khánh cùng với nhân dân cả nước đã tiến hành khôi phục kinh tế hoàn thành cải cách ruộng đất (1954 - 1957) trong đó có sự tham gia của nhân dân các xã Khánh Hải, Khánh Nhạc, Khánh Hội, Khánh Thủy, Khánh Cường trong hoạt động làm thủy lợi; nhân dân xã Khánh Mậu tham gia 869 ngày công nạo vét 5.400m ngòi cũ, phục vụ nước tưới cho 789 mẫu lúa màu; nhân dân Yên Khánh nô nức hưởng ứng chiến dịch mùa xuân "sản xuất và tiết kiệm" do Trung ương Đảng phát động (từ ngày 03/01 đến ngày 30/8/1955). Kết thúc chiến dịch, toàn huyện khai hoang, phục hóa được hơn 500 mẫu ruộng; cấy 23.692 mẫu lúa chiêm (vượt chỉ tiêu trên giao 3.718 mẫu). Sản lượng đạt 14.932.860kg thóc (vượt mức kế hoạch 6.790kg); trồng 7.657 mẫu hoa màu (vượt mức chỉ tiêu 3.750 mẫu), huy động hàng vạn ngày công đắp đê và làm thủy lợi đồng ruộng. Sản xuất nông nghiệp dần được khôi phục, kinh tế bước đầu đạt được kết quả quan trọng, đời sống của nhân dân lao động từng bước ổn định. Trên cơ sở đó để hoàn thành việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch 3 năm cải tạo kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960), thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).[2, tr189]

Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân huyện Yên Khánh cùng với nhân dân cả nước đã chuyển hướng mọi hoạt động kinh - tế xã hội sang thời chiến, chống cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, ra sức chi viện cách mạng miền Nam (5/1965 - 11/1968), bước sang năm 1966 - năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện cả nước có chiến tranh, cũng là năm chuyển hẳn sản xuất, phát triển kinh tế sang thời chiến, chiến tranh phá hoại ngày càng ác liệt, sản xuất và chiến đấu là hai nhiệm vụ trọng tâm. Huyện ủy phát động toàn dân “biến căm thù thành hành động cách mạng”, toàn huyện tập trung sản xuất lương thực, ra sức tiết kiệm giành nhiều thóc cho Nhà nước, làm tốt thủy lợi, đẩy mạnh vụ mùa, thực hiện bằng được mục tiêu 5 tấn thóc/ha”. Với ý chí quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ trên mặt trận sản xuất trong 3 năm 1966 - 1968, cán bộ, đảng viên, toàn dân đồng loạt ra quân tiến vào sản

xuất. Vụ mùa năm 1966, năng suất đạt bình quân 23,56 tạ/ha, cao hơn năm 1965. Năm 1967, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX (tháng 4/1967), tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 105% kế hoạch, tăng 7.000 tấn so với năm 1966, năng suất lương thực tăng 640kg/ha so với năm 1961. Một số nơi như Kiến Ốc (Khánh Trung), Bình Minh (Khánh Thủy), Đại Thành (Khánh Thành) đạt 9 tấn/ha, trên cơ sở đó để hoàn thành khôi phục và phát triển kinh tế, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, tăng cường chi viện miền Nam (11/1968 - 12/1972) và đẩy mạnh sản xuất, xây dựng địa phương vững mạnh, dốc sức chi viện giải phóng miền Nam (1973 - 1975). [2, tr272]

Trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội (1975 - 2000) huyện Yên Khánh cùng với nhân dân đã khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân (1975 - 1977) Yên Khánh là huyện có truyền thống sản xuất các mặt hàng tiểu thủ công như: dệt chiếu cói hàng xuất khẩu, đan lát, vật liệu xây dựng... Mặc dù thời tiết bất lợi, phức tạp ảnh hưởng đến nguyên liệu sản xuất, ngành tiểu thủ công nghiệp vẫn phấn đấu hoàn thành vượt kế hoạch nhà nước năm 1975. Về các mặt hàng chủ yếu, so với năm 1974, giá trị sản lượng tăng 50%. Hai mặt hàng chủ công, chủ lực là sản xuất gạch và chế biến cói có tốc độ tăng khá. Gạch tăng 15%, chiếu cói tăng 11%. Riêng chiếu cói xuất khẩu tăng 4,6%. Nhiều mặt hàng chủ yếu của các xí nghiệp công nghiệp tăng từ 3 - 5%. Một số cơ sở sản xuất trở thành đơn vị tiêu biểu của tỉnh, như Hợp tác xã thủ công chiếu cói xuất khẩu Ninh Tiến (xã Khánh Ninh), Đội sản xuất gạch hợp tác xã Khánh Hội... Công tác giao thông thủy lợi, đắp đê sông Đáy, làm kênh mương chưa có quy hoạch hoàn chỉnh gây lãng phí đất, nhiều thửa đất canh tác biến thành đất bỏ hoang (diện tích thung đào năm 1962 chỉ có 162ha, đến năm 1975 tăng lên 250ha). Có những công trình đào đắp hết 3 - 4ha ruộng mà không phát huy tác dụng phục vụ cho sản xuất, như kênh Yên Khang (Khánh Hòa), kênh Tân Thịnh (Khánh Lợi), kênh Ấp Bắc (Khánh Vân). Một số xã cấp đất tùy tiện, quản lý đất ở độ sâu chưa tốt, chưa khai thác triệt để mặt nước sản xuất đạt hiệu quả kinh tế. [2, tr323]

Trên cơ sở đẩy mạnh công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn phát huy tiềm năng, thế mạnh huyện Yên Khánh đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật (2000 - 2010).

Trong kế hoạch phát triển toàn diện kinh tế - xã hội (2010 - 2020) huyện Yên Khánh đã thực hiện toàn diện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (2010 - 2015) trong việc phát triển cơ sở hạ tầng huyện Yên Khánh đã hưởng ứng *“phong trào làm đường giao thông nông thôn trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn huyện tiến hành nâng cấp, chỉnh trang hàng nghìn tuyến đường giao thông thôn, xóm, trị giá hàng chục tỉ đồng. Nhiều hộ dân tình nguyện hiến đất, hiến ngày công để xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi. Đến năm 2015, 100% các tuyến đường giao thông xã, thị trấn được cứng hóa; tỷ lệ kênh mương cấp I, cấp II được kiên cố hóa đạt 90%.”* [2, tr532]

Trong các thời kỳ lịch sử, nhân dân Yên Khánh luôn phát huy tinh thần cần cù, đoàn kết, tăng gia sản xuất, vừa đảm bảo phát triển kinh tế vừa phục vụ nhiệm vụ cách mạng theo từng thời kỳ đưa kinh tế - xã hội Yên Khánh phát triển ổn định, đời sống nhân dân được nâng cao, thể hiện bản sắc cần cù và năng động của cư dân vùng đồng bằng Ninh Bình.

1.2.3. Dân cư và truyền thống lịch sử - văn hóa

Nhân dân Yên Khánh có truyền thống yêu nước nồng nàn, ngay từ thế kỷ X có những nhân vật nổi bật như Cao Lự và Cao Khiển đã chiêu tướng mộ binh, hỗ trợ ứng cứu, giúp Đinh Bộ Lĩnh lập nhiều chiến công. Vào thời Trần, khi vua Trần lui quân về Ninh Bình xây dựng căn cứ chống quân Nguyên, nhiều trai tráng Yên Khánh đã sung vào cánh quân này. Nhân dân Yên Khánh đã góp phần quan trọng trong trận đánh Toa Đô (6/1285). Khi thực dân Pháp đánh vào nước ta, nhân dân Yên Khánh đã hưởng ứng phong trào Cần Vương đứng lên chống Pháp mạnh mẽ. Năm 1938, nhân dân vùng Bồng Hải đấu tranh chống thuế chợ Xanh thắng lợi, đưa truyền đơn rải vào tư dinh quan phủ, vạch trần bộ mặt hại nước, hại dân của chúng, khiến Tri phủ Yên Khánh và bè lũ tay sai lo sợ. Ngày 05/09/1945, Chi bộ Đảng đầu tiên ở Yên Khánh được thành lập. Trong hai cuộc kháng chiến trường

kì của dân tộc huyện Yên Khánh cũng là vùng đất anh hùng, tích cực hỗ trợ sức người, sức của cho cuộc kháng chiến toàn dân.

Yên Khánh là đất học, có bề dày truyền thống khoa bảng và tôn sư trọng đạo, có người đỗ đại khoa (tiến sĩ) từ rất sớm, có vị đã thành "cây nfeu văn học", "núi cao, sao sáng của nho lưu". Có vị chỉ đỗ tiến sĩ nhưng tài cao, được vua Tầu đặc phong Bắc trượng. Trong số 11 tiến sĩ được thờ ở Văn Từ hàng phủ (Xuân Dương, Khánh Cư) thì Yên Khánh có 4 vị: Đinh Đình Thụy (Khánh Cư), 31 tuổi đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thân, niên hiệu Vĩnh Trị thứ 5 (1860), đời vua Lê Hy Tông, làm quan tới chức Hiến sát sứ; Nguyên Bật Luân, người xã Trát Cầu, 35 tuổi đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn, hiệu Vĩnh Thịnh thứ 8 (1712), đời vua Lê Dụ Tông, làm quan đến chức Hiến sát sứ; Nguyễn Hữu Đăng, ở An Phúc, đỗ Tiến sĩ thời Trần, làm quan đến chức Đô sát viện Ngự sử; Dương Ngô Đặc, ở An Phúc, đỗ Tiến sĩ năm Bính Tuất, triều Trần, làm quan đến chức Binh Bộ Thượng thư hành khiển; Vũ Hành Khiển (Phúc Nhạc), Vũ Duy Thanh đỗ Bảng nhãn thị Trạng nguyên triều Nguyễn (Vân Bồng). Vũ Duy Thanh là người có học vị nho học cao nhất Ninh Bình, có tấm lòng yêu nước, đề xuất nhiều biện pháp canh tân hưng lợi nước nhà.

Yên Khánh còn là nơi lưu giữ nhiều loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống, tiêu biểu là nghệ thuật hát chèo và múa trống. Nghệ thuật hát chèo được giữ gìn và trao truyền trong cộng đồng dân cư. Đến nay, trên 260 thôn, xóm có câu lạc bộ hát chèo, trong đó có 64 câu lạc bộ hát chèo thường xuyên tham gia các hội thi, hội diễn văn nghệ và có 4 nghệ nhân được Nhà nước phong tặng Nghệ nhân ưu tú. Nghệ thuật múa trống là nét văn hóa đặc sắc, quen thuộc không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt hằng ngày ở xã Khánh Tiên, được lấy cảm hứng từ niềm vui của người nông dân mừng ngày hội mùa. Năm 2006, múa trống ở xã Khánh Tiên đã được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch đưa vào chương trình sưu tầm để bảo tồn và phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống.

Tiểu kết chương 1

Huyện Yên Khánh nằm ở phía đông nam tỉnh Ninh Bình, là vùng đồng bằng được phù sa sông Đáy và sông Vạc bồi đắp, có địa hình bằng phẳng, giao thông thuận lợi, thuận tiện phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Vùng đất này được hình thành sớm, có cư dân sinh sống từ thời Hồng Bàng, từng thuộc phủ Trường Yên, đến đầu thế kỷ XIX chính thức mang tên Yên Khánh. Quá trình khai hoang và đắp đê Hồng Đức (1471) đã mở rộng đất canh tác, tạo nền tảng cho hệ thống làng xã ổn định và trù phú.

Kinh tế Yên Khánh phát triển trên nền nông nghiệp truyền thống, kết hợp làng nghề thủ công và khu công nghiệp Khánh Phú, Khánh An, hướng tới công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn. Về văn hóa - xã hội, đây là vùng đất hiếu học, giàu truyền thống yêu nước, có nhiều danh nhân khoa bảng và nghệ thuật dân gian đặc sắc như hát chèo, múa trống Khánh Tiên. Nhìn chung, Yên Khánh là vùng đất giàu tiềm năng, có giá trị lịch sử - văn hóa sâu sắc, góp phần quan trọng trong tiến trình phát triển của tỉnh Ninh Bình.

Chương 2.

HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA THỜ TỨ DƯƠNG HẦU PHẠM TỬ NGHI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN KHÁNH VÀ CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA CỦA DI TÍCH

2.1. Nhân vật Phạm Tử Nghi

Phạm Tử Nghi (2-2-1590 - 14-9-1578, Âm lịch) là tướng nhà Mạc, người làng Vĩnh Niệm, tổng An Dương, huyện An Dương, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương – nay là phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Ông xuất thân trong gia đình họ Phạm, cha là Phạm Hành, mẹ là Nguyễn Thị Bèo. Từ nhỏ, Phạm Tử Nghi nổi tiếng sức khỏe phi thường, trí dũng song toàn.

Khi nhà Mạc mới thành lập, ông được trọng dụng và được phong Tứ Dương hầu, trấn thủ miền thượng du. Ông nhiều lần lập công dẹp giặc, giữ yên biên cương. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Phạm Tử Nghi từng mưu việc lập Hoàng Vương Chính Trung nhưng thất bại, sau chống lại triều đình, rồi chạy sang đất Minh, đánh phá vùng Quảng Đông - Quảng Tây khiến quân Minh khiếp sợ.

Trong dân gian, Phạm Tử Nghi được ca ngợi là vị tướng văn võ toàn tài, có sức mạnh siêu phàm, gắn với nhiều giai thoại như đắp đê, kéo thuyền rồng và chiến đấu dũng mãnh vì dân vì nước. Ông mất tại Trung Quốc, thi thể trôi về Vĩnh Niệm, được nhân dân vớt và lập đền thờ. Sau khi mất, ông được phong là Linh ứng Đại vương, được thờ phụng rộng khắp từ Hải Dương đến Hải Phòng, trở thành biểu tượng của người anh hùng - hiển thánh, tiêu biểu cho tinh thần trung nghĩa, nhân văn và sức mạnh dân tộc Việt Nam.

Theo Đại Nam nhất thống chí, phần tỉnh Hải Dương, trong “*Cổ tích*” về “*Đường Thiên Lô*” có ghi: “ở địa phận hai xã An Dương và Vĩnh Niệm huyện An Dương. Xưa Phạm Tử Nghi người xã Vĩnh Niệm có sức khỏe, từng đắp con đê dài ước 3 dặm, lại đắp hai đống đất cao 5 thước ở hai đầu trên mặt đê, sau đó, cầm gậy chạy đến chỗ đống đất hết đánh một cái thì quét sạch đất. Đê nay vẫn còn, hàng năm dân sở tại bài đắp để ngăn nước mặn”[14, tr481].

Về nguồn gốc của Phạm Tử Nghi, theo Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê trong “Đại Việt sử ký toàn thư”, trong quyển XVI Kỷ nhà Lê phần Trang Dụ Tông hoàng đế đã ghi: “*Tướng Mạc là Tử Dương hầu Phạm Tử Nghi mưu lập người họ Mạc là Hoảng Vương Chính Trung làm chúa, không xong, bèn nổi loạn, bức dời Chính Trung về xã Hoa Dương, huyện Ngự Thiên. Họ Mạc sai Khiêm Vương Kính Điển cùng bọn Tây quận công Nguyễn Kính đem quân đi bắt, bị Tử Nghi đánh bại. Sau Tử Nghi nhiều lần đánh không được, mới ép Chính Trung ra chiếm cứ vùng Yên Quảng. Dân hạt Hải Dương bị nạn binh lửa luôn luôn, nhiều người phải lưu vong. Tử Nghi lại chạy vào đất nhà Minh, thả quân đi bắt người cướp của Quảng Đông, Quảng Tây. Người Minh không kiềm chế nổi. (Tử Nghi người huyện An Dương).*” [10, tr1075]

Theo Phan Kế Bính trong “*Nam Hải dị nhân liệt truyện*”, Phạm Tử Nghi được xếp trong “*Các bậc mãnh tướng*” cùng với Lê Phụng Hiệu, Đoàn Thượng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Xí, Đinh Văn Tả, Võ Văn Tính, Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt. “*Phạm Tử Nghi là người văn võ toàn tài, Tử Nghi thường đắp một con đường dài trên mặt đê, đôi đầu đắp ụ cao 5 thước, rồi vác gậy chạy trên mặt đê, cứ đến chỗ ụ cao nhất thì đánh một cái, ụ đất sụt xuống như đất phẳng.*

Một lần, Tử Nghi đến kinh thành Thăng Long trông thấy hàng trăm quân lính đang kéo một chiếc thuyền rồng từ mặt đất xuống sông mà kéo không nổi. Tử Nghi cười mà nói rằng:

- *Khéo những đồ bị thịt kia, có một cái thuyền như thế, xúm xít vào mà kéo không nổi thì làm trò gì được?*

Chúng tức giận, kẻ nghiêng răng, người chọn mắt toan xúm vào đánh, thì Tử Nghi nói rằng:

- *Vậy thì các anh để đấy, chỉ một mình ta kéo cho mà xem!*

Chúng nghe nói thế bỏ cả đi ra, bắt Tử Nghi kéo thuyền, nếu kéo không xong thì sẽ hay. Tử Nghi vén tay áo dùng hết sức bình nhật, chỉ một tay lôi tuột chiếc thuyền rồng xuống sông. Chúng ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi, chịu ông ta là người có sức khỏe gấp nghìn người.” [7, tr182 - 183]

Nhà Mạc mới lên ngôi, “*đã cử Phạm Tử Nghi làm đại tướng, cho lên trấn thủ mạn thượng du. Nhận trọng trách với triều đình, Phạm Tử Nghi ở trấn vài năm dẹp tan đám giặc cỏ, có tiếng lẫy lừng đến tận Bắc triều.*” Về sau nhân dịp giặc, phá lây cả các tỉnh ven Tàu. Tàu đưa hịch trách đến triều đình nước Nam. Tử Nghi đến dinh quan tổng đốc Quảng Đông, xin chịu tội để cho yên tâm vua nước mình.

Tại Khánh Trung, nhân vật Phạm Tử Nghi cũng được nhắc nhớ trong giai thoại của người dân “*Phạm Tử Nghi có sức khỏe như thần, Tử Nghi thường đắp một con đường dài ở trên mặt đê, đôi đầu đắp ụ cao 5 thước, rồi vác gậy chạy trên mặt đê, cứ đến chỗ ụ cao thì đánh một cái, ụ lại sụt xuống như đất phẳng. Có lần Tử Nghi đến thành Thăng Long, trông thấy hàng trăm người lính đang kéo thuyền rồng ở trên mặt đất xuống sông mà không kéo nổi, Tử Nghi cười nói rằng:*

Khéo những đồ bị thịt kia! Có một cái thuyền xún xít mà kéo không nổi thì làm trò gì được. Chúng tức giận, kẻ nghiêng rặng, người trợn mắt toan xúm vào đánh, thì Tử Nghi nói rằng:

Vậy thì các anh để đấy, chỉ một mình ta kéo cho mà xem.

Chúng nghe nói vậy, bỏ ra đi, bắt Tử Nghi phải kéo thuyền, nếu kéo không xong thì sẽ hay. Tử Nghi vén tay áo, dùng hết sức bình nhật, chỉ một tay lôi tuột chiếc thuyền rồng xuống sông, chúng ai nấy đều lắc đầu thè lưỡi, chịu ông ta là người có sức khỏe gấp “nghìn người”. [16, tr3 - 4]

Tại các đền Hải Đức, đền Thổ Mật và đền Thánh Tứ cũng khẳng định về nguồn gốc xuất thân trên của Phạm Tử Nghi. “*Bấy giờ nhà Mạc mới lên ngôi, nghe nói có người hùng dũng làm vậy, cử làm đại tướng, cho lên trấn thủ mạn thượng du. Tử Nghi ở trấn vài năm dẹp tan đám giặc cỏ, có tiếng lẫy lừng đến tận Bắc triều. Về sau nhân dịp giặc, phá lây cả các tỉnh ven Tàu. Tàu đưa hịch trách đến triều đình nước Nam Tử Nghi đến dinh quan tổng đốc Quảng Đông, xin chịu tội để cho yên tâm vua nước mình.*

Theo truyền lại ở địa phương nơi có di tích:

Bấy giờ giặc Minh xâm lược nước ta. Vua quan triều đình thấy quân Minh thế mạnh như chẻ tre, bàn định sẽ mở cửa thành, nộp giáo quy hàng để khỏi bị

tiêu diệt. Nhưng ông vẫn một mực xin đánh, vua bằng lòng phong ông làm Thái úy kiêm Đại tướng quân thủy bộ. Sau khi thụ phong, ông liền đem quân đi đánh giặc, khi cách trại giặc 50 dặm, ông cho đóng doanh trại, sai một viên tướng đem quân đến lừa giặc. Đại tướng quân giặc tưởng là ông đem quân đến, liền đem quân ra quyết chiến một phen. Hai bên giao chiến độ ba hiệp, quân ta giả thua bỏ chạy. Ngay đêm ấy quân giặc chạy đến trại của ta để thu chiến lợi phẩm. Bỗng có tiếng nổ ầm, ông đánh thốc ra, quân ta đánh từ ngoài vào. Giặc trở tay không kịp đều bị giết chết. Thừa thắng, ông đưa quân tiến lên phía bắc đến Thiều Châu (Trung Quốc), Thiều Châu đóng chặt cửa thành cố thủ, ông đánh và tìm mọi cách để dụ, nhưng giặc không dám ra. Ông bày đàn cầu vũ, trời đổ mưa 5 ngày đêm, trong thành nước dâng cao 5 thước. Quân ta thừa kế phá thành, giặc chết vô số.

Quân ta kéo đến động Đình Hồ, bấy giờ tiết mùa đông gió bắc thổi ào ào. Thuyền không thể vượt qua hồ, ông lập đàn cầu đảo, tức thì gió nam nổi lên thuyền ta tiến như bay. Quân địch đóng đồn ở phía bờ bắc thấy vậy rất kinh sợ, đem quân chạy trốn.

Thừa cơ quân ta tiến đánh Quảng Đông, nghe tin ông kéo đến chúng chia số quân làm hai, nửa ở trong thành, nửa ở ngoài thành cố thủ. Ông một mình một ngựa tả xung hữu đột vào giữa trận giặc. Quân giặc chết không biết bao nhiêu mà kể. Sau đó ông đem quan đánh vào thành, nhân việc chém đầu 500 quân giặc, ông trương kế tặc kế, cho quan ta cải trang thành quân giặc đi theo chúng vào thành, bản thân ông cũng đi trong số quân đó. Sau khi vào thành, ông phi ngựa giết chết hai tướng giặc, đoạt cờ xí tướng phù của chúng rồi quát to: Giặc đã vào thành sao các tướng không mau đánh giặc?

Sỹ tướng trong thành đang đêm không biết đâu là giặc đâu là ta, đâm chém hỗn loạn, đâm đạp lên nhau, thây chết thành đống, quân ta chiến thắng thu được thành Quảng Đông. Ông liền đưa quân đánh thành Quảng Tây, quân ta vừa tới quân giặc đã mở cổng thành xin hàng. Ông vào thành khao thưởng quân sỹ, xong bèn bàn định kế hoạch tiến đánh Biện Kinh. Vua Minh ở Biện Kinh rất đổi hoảng sợ, bèn triệu tập triều thần bàn bạc phòng thủ. Bấy giờ một viên quan nhỏ biết Tứ Nghi rất có hiếu với mẹ, liền hiến kế bắt mẹ của ông về Biện Kinh, tất ông sẽ đến

đầu hàng. Vua Minh đồng tình theo mưu kế đó. Quả nhiên vì tình nghĩa tử mẫu, ông đến Biện Kinh thụ mệnh để chọn hiếu. Ông thảo một tờ tâu gửi cho vua Nam triều, một tờ biểu gửi vua Minh, xin mẹ được về nước, rồi xin đến cửa Khuyết chịu tội để yên qua nước mình. Giặc đem ông ra hành tội, bỏ đầu lâu và thả vào một cái hòm, che một cái lọng, thả xuống sông cho trôi về nước Nam.

Trôi từ Nam quan về mãi đến gian phận làng Vĩnh Niệm (Hải Dương), thì dừng lại không trôi nữa, rồi đem báo mộng cho dân làng ấy phải ra vớt về mai táng và lập đền phụng sự.

Dân làng sáng mai ra vớt, lập miếu thờ ngay bên cạnh sông từ đấy linh ứng lắm. Về sau hiển linh báo các làng ven sông, cho nên từ Nam quan về mãi đến Hải Dương, Sơn Nam nội chỗ nào có bến là cũng phải lập miếu thờ cả.

Lịch triều bắc sắc phong làm Linh ứng Đại vương thần.”

Lâu thờ ngoài tòa trung đường đắp tượng thờ hai võ sỹ tướng quân: võ sỹ là quân Tùy tông theo hầu đức thánh Tứ”[19, tr4-5].

Như vậy, từ góc nhìn của nhân dân Phạm Tử Nghi được tôn vinh là vị anh hùng văn võ toàn tài, có công lớn trong khai hoang, khai khẩn và bảo vệ cuộc sống nhân dân vùng ven sông ven biển Ninh Bình. Hình tượng ông được lưu truyền qua nhiều giai thoại thể hiện sức mạnh phi thường, trí dũng song toàn và tấm lòng nhân nghĩa vì dân vì nước.

Sau khi mất, ông được nhân dân tôn làm hiển thánh, tin rằng linh khí của ông luôn hiển ứng, phù trợ cho dân lành, giúp mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt. Việc nhiều địa phương lập đền thờ ông cho thấy sự tri ân và niềm tôn kính sâu sắc. Dưới góc nhìn dân gian, Phạm Tử Nghi trở thành biểu tượng của người anh hùng - hiển thánh, hội tụ sức mạnh, đức độ và tinh thần nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam; biểu tượng của sức mạnh, lòng trung nghĩa và nhân cách anh hùng, phản ánh khát vọng của nhân dân về người anh hùng lý tưởng trong lịch sử.

Ông được các triều đều phong tặng, đời Lê Chính Hòa lập bia ký: Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi là một tướng tài của triều Mạc. Ông người Trung Hành, An Dương, Hải Dương, nay thuộc xã Đằng Lâm, An Hải, Hải Phòng.

Khi nhà Mạc mới thành lập, ông được trọng dụng, phong Tứ Dương hầu, trấn thủ miền thượng du, nhiều lần lập công dẹp giặc, giữ yên biên cương. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, ông từng mưu việc lập Hoàng Vương Chính Trung nhưng thất bại, sau chống lại triều đình, rồi chạy sang đất Minh, đánh phá vùng Quảng Đông - Quảng Tây khiến quân Minh khiếp sợ.

Trong dân gian, Phạm Tử Nghi được ca ngợi là vị tướng văn võ toàn tài, có sức mạnh siêu phàm, gắn với nhiều giai thoại như đắp đê, kéo thuyền rồng, và chiến đấu dũng mãnh vì dân vì nước. Ông mất tại Trung Quốc, thi thể trôi về Vĩnh Niệm, được nhân dân vớt và lập đền thờ. Sau khi mất, ông được phong là Linh ứng Đại vương, được thờ phụng rộng khắp từ Hải Dương đến Hải Phòng, trở thành biểu tượng của người anh hùng - hiền thánh, tiêu biểu cho tinh thần trung nghĩa, nhân văn và sức mạnh dân tộc Việt Nam.

2.2. Các di tích lịch sử - văn hóa thờ Phạm Tử Nghi

2.2.1 Đền Kiến Ốc xã Khánh Trung

Đền Kiến Ốc được xếp hạng di tích cấp Quốc gia năm 1996[PL 1.1.8]. Đơn vị hành chính sau ngày 1/7/2025 không thay đổi đền vẫn thuộc xã Khánh Trung. Từ thị xã Ninh Bình theo đường quốc lộ 10 đi Phát Diệm khoảng 8,5km đến ngã ba Thông rẽ tay trái theo trục đường 58 đi 8 km đến chợ Xanh (thuộc Khánh Thiện), theo đường liên xã đi khoảng 4km là đến thôn Kiến Ốc, nơi có di tích. Đây là con đường thuận lợi nhất.

a) Thực trạng cảnh quan di tích và hiện vật

*** Cảnh quan di tích**

Đền Kiến Ốc được xây dựng trên một khu đất cao thoáng mát, nằm phía Đông Nam thôn Kiến Ốc, xã Khánh Trung [PL 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3]. Đền quay hướng Tây Nam. Phía Bắc sau hội trường Hợp tác xã Kiến Thái là vùng canh tác. Phía Nam đền là những cánh đồng lúa nước năm cấy hai vụ, đất đai màu mỡ. Phía Đông và Đông Nam đều là trường cấp I và khu dân cư Kiến Ốc, cách 50m về phía Tây là hồ nước. Theo các cụ cao niên, hồ này trước đây là cửa đền, khi hợp tác hóa nông nghiệp, xã lấy ra dùng vào diện tích chung. Năm 1990, nhân dân thôn

Kiến Ốc đề nghị xã giải quyết giao quyền quản lý cho đền. Hiện nay là thuộc đất nhà đền.

Đền Kiến Ốc có quy mô lớn, được xây dựng khá vững chắc, đẹp cả về dáng điệu bên ngoài và cả các chi tiết bên trong.

Hiện nay đền thờ Phạm Tử Nghi ở Ninh Bình chủ yếu tập trung ở ven sông. Ngoài thôn Kiến Ốc, chúng tôi thấy ở xã Khánh Hồng, Khánh Cường...cùng thờ nhân vật này. So với những đền trên, quy mô của đền Kiến Ốc rộng rãi, uy nghiêm. Tổng thể ngoại hình của đền là một khối được các nghệ nhân tạo dựng lên một cách công phu, thể hiện đôi bàn tay khéo léo có thẩm mỹ cao của người thợ tạo hình dựa trên sự tích của vị danh tướng, danh thần được thờ cúng trong đền.

Từ Tiền bái vào trong nội cung, đền được cấu trúc tới 5 tòa rộng [PL, 1.1.13], nghệ thuật trang trí dựa trên hình mẫu có liên quan đến sự tích vị thần được thờ cúng, được nhân dân tôn kính là “Thần linh ứng nghiệm” là đại vương thần.

Song điều có giá trị hiện thực đối với tác dụng giáo dục niềm tự hào về truyền thống văn hóa của quê hương góp vào kho tàng văn hóa của dân tộc là đền Kiến Ốc còn bảo tồn được tương đối nhiều di vật quý, đồ thờ tự, tự chế, nghệ thuật trang trí, kiến trúc, các loại hình hoa văn.

Tòa thứ 5 (đệ ngũ): từ cổng qua một sân lát gạch là tới tòa thứ 5 [PL 1.1.4, 1.1.5, 1.1.6]. Tòa nhà này thay cho nhà Tiền Bái. Giữa sân và nền nhà là hai bậc lên xuống được xây bằng gạch. Tòa thứ 5 được xây dựng bằng gạch, tường dày 30cm, lòng nhà dài 12,2m, rộng 4,6m, được chia làm 5 gian. Gian chính giữa rộng 3,0m, còn lại các gian bên có chiều rộng là 2,5m. Hệ thống cột gồm 6 cột bằng lim, chu vi mỗi cột 71cm, nâng đỡ toàn bộ phần mái, mỗi cột đặt trên bệ đá cổ bông cao 66cm. Tương truyền, xưa kia ngôi đền được xây dựng bằng hệ thống gỗ vững chắc, do gần biển, nhiều năm lụt lội, đền bị ngập nước. Lần trùng tu năm Duy Tân thứ 8 (1914) nhân dân đã dùng những bệ đá cổ bông nâng cao đền tránh lụt lội. những bệ đá được chạm trổ công phu mang tính nghệ thuật cao, trang trí chủ yếu chạm khắc chìm. Đầu bẩy có trang trí hoa văn lá cuộn lá dất, trụ

đầu được chạm hình đài sen. Tòa thứ 5 thay cho nhà Tiền Bái dùng để ngựa chiến (tay phải là ngựa hồng, tay trái là ngựa bạch).

Tòa Độ tứ: tòa thứ năm và tòa Độ tứ cách nhau một khoảng trống 0,5m, được cấu trúc hệ thống thống máng nước chắc chắn. Tòa thứ 4 gồm 5 gian, lòng nhà dài 12,2m, rộng 5,9m. Hệ thống cột làm bằng gỗ lim, chu vi 82cm. Theo thượng lương, nhà được trùng tu năm Bảo Đại thứ 8 (1933). Gian chính giữa thờ công đồng, hai gian dĩ dùng để ngồi, là nơi để kiệu bát công, song hành. Chất liệu chính của tòa nhà là vôi vữa, được trang trí đẹp, nhẹ nhàng nhưng vẫn giữ được vẻ tôn nghiêm. Những mê, đầu bẩy được trang trí hoa văn rồng cuốn, lá cuộn, chạm bong khá độc đáo. Phần mái lợp ngói Nam, còn tốt.

Tòa Độ Tam: gian tòa thứ 4 và tòa thứ 3 lại có hệ thống cửa ra vào bằng gỗ lim, cửa cao 2m, được lắp ghép vững chắc. Tòa Độ tam được chia làm 5 gian, gian chính giữa rộng 3m, cột nhà làm bằng gỗ lim, có chu vi 95cm. Tòa nhà dùng để tế lễ và đồ khí tự như bát biểu.

Tòa Độ Nhị: tòa Độ Nhị cách tòa Độ Tam là hệ thống máng nước. Nhà có chiều dài 12,2m, được chia làm 5 gian, gian đầu và gian thứ 5 được xây lại bệ thờ, mỗi bệ có chiều dài 1,3m, chiều rộng 0,75m, chiều cao 0,85m, trên mỗi bệ thờ là long ngai bài vị của 12 họ ở thôn Kiến Ốc, những người đầu tiên đến đây khai hoang lập làng, lập xóm.

Tòa Độ Nhất: tòa Độ Nhất (Hậu cung) nối với tòa Độ Nhị [PL 1.1.7], ở gian chính giữa gồm hai cấp tạo thành hình chuỗi vồ, ba mặt Nam, Bắc, Đông được xây vít kín. Phía ngoài nội cung rộng 3,2m, sâu 2,85m. Chính giữa là một long đình dài 0,9m, rộng 0,8m, cao 1,5m, trong long đình gồm một mũ quan làm bằng đồng lá, một đôi hài và hai chiếc kiếm bằng gỗ.

Giữa hương án có một bát hương đồng, hình vuông, được chạm khắc lưỡng long châu nguyệt, đường nét tinh xảo. Đây là bát hương bằng đồng tương đối đẹp và lớn. Phía trong cùng Hậu cung ngăn cách với phía ngoài bởi hệ thống cửa ra vào, cao 1,45m, trên đầu cửa ra vào là bức đại tự viết bằng chữ Hán “Tối linh từ” (nhân dân quen gọi là cung cấm). Cung này rộng 3,2m, sâu 4,65m. Chính giữa là

chiếc khám cao 2,5m, rộng 1,2m, dài 1,05m, trong có long ngai bài vị thờ Phạm Tử Nghi. Trước khám là hương án.

*** Thực trạng các hiện vật**

Theo kết quả điền dã của nhóm tác giả tại đền Kiến Ốc (9/7/2025), tại đền Kiến Ốc còn lưu giữ được nhiều di sản quý báu, tiêu biểu như:

Bảng 2.1: Danh mục kiểm kê hiện vật tại đền Kiến Ốc (9/7/2025)

STT	Tên hiện vật	Số lượng	Ghi chú
1	Già chiêng thời Nguyễn sơn son thếp vàng	1	
2	Gia trống (1 quả trống) thời Nguyễn sơn son thếp vàng	1	
3	Ngựa hồng	1	
4	Ngựa bạch bằng gỗ	1	
5	Cỗ kiệu long đình thời Nguyễn	2	
6	Cỗ kiệu bát nhang thời Nguyễn	1	
7	Hạc to, cao 2,2m	2	
8	Hạc con bằng gỗ	2	
9	Nhang án triều Nguyễn, trang trí hoa văn lưỡng long châu nguyệt, rồng cuốn	2	
11	Đèn đồng	6	
12	Ổng hương đồng	2	
13	Mâm đồng	2	
14	Đài đồng	3	
15	Mâm đồng cao 39cm	1	
16	Long ngai thời Nguyễn, sơn son thếp vàng	3	
17	Giáo, mác, dùi, phù việt	16	
18	Bát biểu	8	
19	Câu đối gỗ	12	
20	Đại tự	1	

Đối chiếu với hồ sơ di tích chúng tôi nhận thấy lệch thông tin về “một bát hương đồng, hình vuông, cao 26cm, rộng 14cm, dài 16cm, hoa văn lưỡng long châu nguyệt” [17, tr9]

Như vậy, hệ thống hiện vật được bảo lưu tại đền Kiến Ốc mang giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật thờ tự thời Nguyễn: chuông đồng [PL 1.1.17]; các hiện vật như long ngai, nhang án, kiệu long đình, giá chiêng, trống, hạc, đèn đồng,... đều được sơn son thếp vàng, chạm khắc tinh xảo với các mô típ “lưỡng long châu nguyệt”, “rồng cuộn mây”, phản ánh trình độ kỹ thuật thủ công và tư duy thẩm mỹ cao của người xưa. Nhóm đồ thờ gỗ và đồng thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa tín ngưỡng dân gian và nghi lễ cung đình, đồng thời minh chứng cho tầm ảnh hưởng sâu rộng của tín ngưỡng thờ Thánh Phạm Tử Nghi trong đời sống tinh thần nhân dân. Toàn bộ hiện vật không chỉ mang giá trị nghệ thuật và tâm linh, mà còn là nguồn tư liệu quý giá phục vụ nghiên cứu lịch sử - văn hóa vùng Yên Khánh, Ninh Bình.

b) Thực trạng quản lý và bảo tồn

Hiện nay, di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật Đền Kiến Ốc (xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình) được bảo tồn trong trạng thái tương đối ổn định. Công tác quản lý di tích được tổ chức theo cơ chế phối hợp giữa chính quyền địa phương, Ban quản lý di tích thôn Kiến Ốc, và nhân dân sở tại, đảm bảo duy trì việc trông coi, tu sửa, bảo vệ và phát huy giá trị của di tích.

Ban quản lý di tích gồm các cán bộ hưu trí và đại diện cộng đồng dân cư địa phương, do ông Nguyễn Kim Trọng (làm trưởng ban, có trách nhiệm giám sát, bảo vệ hiện vật, đồng thời sưu tầm thêm các tư liệu, hiện vật, tài liệu liên quan đến danh tướng Phạm Tử Nghi – nhân vật được thờ phụng tại đền. Sự phối hợp giữa ban quản lý và các tổ chức đoàn thể trong xã được duy trì thường xuyên, đặc biệt vào dịp tu bổ, tôn tạo, tổ chức lễ hội truyền thống ngày 2 tháng 2 âm lịch, góp phần giữ gìn nghi thức thờ cúng và phong tục văn hóa địa phương.

Những hạn chế trong công tác quản lý, qua khảo sát, công tác quản lý di tích Đền Kiến Ốc hiện nay còn tồn tại một số hạn chế: thiếu chiến lược quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích; nguồn kinh phí tu bổ, tôn tạo phụ thuộc chủ yếu vào xã hội hóa, chưa có ngân sách ổn định từ nhà nước; công tác ghi chép, lưu trữ và thống kê hiện vật chưa được thực hiện khoa học; công tác phát huy giá

trị văn hóa – giáo dục của di tích chưa tương xứng, chưa khai thác hết tiềm năng phục vụ HS và khách tham quan: chưa có chính sách phù hợp cho bộ phận người dân vì gần bó, gìn giữ văn hóa dân tộc của địa phương, muốn bảo tồn mà phụ trách công việc trông coi đền.

2.2.2. Đền Thánh Tứ xã Khánh Mậu

Đền Thánh Tứ được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2004 [PL 2.1.5]. Từ nay 1/7/2025 đền Thánh Tứ thuộc xã Khánh Hội. Từ thị xã Ninh Bình, theo đường quốc lộ số 10 (đường đi Ninh Bình - Phát Diệm) 8,5km đến ngã ba Thông, rẽ trái theo trục đường 58 đi 9,5km đến cầu Xanh, từ đây rẽ phải lên đường Hồng Đức 2km là đến Cầu Đầm. Tiếp tục rẽ phải lên đường Hồng Đức 2km là tới thôn 9, nơi có di tích.

a) Thực trạng cảnh quan di tích và hiện vật

*** Cảnh quan di tích**

Ngày nay, đền Thánh Tứ tọa lạc trên khu đất bằng phẳng, có diện tích 814m². cửa đền quay hướng Đông Nam, trông ra hồ bán nguyệt với quan niệm đó là nơi tụ thủy, tụ phúc. Để bảo vệ di tích, xung quanh đền có tường bao cao khoảng 1,5m. [PL 2.1.1]. Đền có kiến trúc kiểu Tiền nhất (—) Hậu đình (⊥) với 3 tòa: Tiền bái, Trung đường và Hậu cung.

Nghi môn đền quay hướng Đông. Cửa chính cao 4,3m, rộng 2,3m, được xây theo kiểu chồng diêm 2 tầng 8 mái. Trên nóc mái đắp nổi lưỡng long chầu nguyệt. Hai bên cổng chính là hai cổng phụ thấp hơn, xây kiểu cuốn vòm (nhưng hiện nay hai cổng này đang tạm xây bít lại). Phía ngoài và trong Nghi môn đều đắp nổi câu đối viết bằng chữ Hán nói về sự linh ứng của Thánh.

Hồ bán nguyệt có diện tích 70m², xung quanh hồ xây tường hoa [PL 2.1.2]. Từ đây, qua một khoảng sân hình chữ nhật được trát xi măng, có chiều dài 15m, chiều rộng 13m là tới tòa Tiền bái.

Chất liệu chính của tòa nhà là vôi vữa, nhưng được trang trí đẹp, hài hòa nên vẫn giữ được nét tôn nghiêm. Hai bên hiên tiền bái là hai cột đồng trụ. Phần giữa hiên đắp nổi hai con rồng uốn lượn chầu mặt nguyệt. Tòa này 5 gian, lợp

ngói nam, nền lát gạch đỏ, chiều dài lòng nhà 10,5m, chiều rộng 3,5m, với hai bộ vì xây kiểu vì ván mê.

Gian giữa đặt nhang án hình hộp chữ nhật khá lớn với chiều cao 190cm, chiều dài 123cm, chiều rộng 106cm. Mặt trước của nhang án bỗ ô, trong các ô trang trí rồng, mặt nguyệt, hoa lá với nét chạm khoáng đạt và rất sinh động. Trên nhang án đặt một bát hương thờ công đồng bằng chất liệu đá.[PL 2.1.4]

Để thiêng hóa vị thánh, đồ chấp kích được tạc bằng gỗ, cắm vào giá, chống thẳng, đặt hai bên nhang án. Phía trước là hai con hạc gộc đứng trên lưng rùa châu vào giữa. Từ Tiền bái vào tòa Trung đường cũng bằng 3 cửa (1 cửa chính, 2 cửa phụ) tương ứng với 3 cửa vào của Tiền bái. Tòa Trung đường có chiều dài 7,3m, chiều rộng 3,8m, mái lợp ngói nam, nền lát gạch hoa. Hệ thống mái được liên kết bởi hai bộ vì bằng gỗ có kết cấu đơn giản, được nâng đỡ trên hai cột tròn xây khá lớn, có đường kính 104cm. Hoàn, mè vuông. Gian giữa, trên nhang án đặt bát hương thờ đức Thánh và bộ đao được mang tư cách là vũ khí của nhà Thánh. Hai bên là hai ông phỗng trong tư thế chân quỳ, tay dâng hương. Phía trên là bức đại tự với bốn chữ Hán “Lưỡng quốc hiển Thánh” (tạm dịch “làm Thánh của hai nước”) và có câu đối có niên đại Bảo Đại năm thứ 13 (1943) được đặt trên cân xứng nhau qua nhang án. Ngang hàng với nhang án, ở hai gian bên là ban thờ quan văn, quan võ được xây theo dạng hình hộp chữ nhật, trên đặt bát hương bằng chất liệu gốm. Phía trước ban thờ trang trí hai con hạc tô vẽ màu đang châu mặt nguyệt.

Hậu cung hai gian dọc là phần kéo dài của gian giữa tòa Trung đường, chiều dài 3,5m, chiều rộng 3,1m. Gian phía ngoài, trên ban thờ đặt bộ Tam sự bằng đồng khá đẹp (hai cây đèn, một đỉnh đồng). Gian trong, để tăng thêm ý nghĩa thâm nghiêm, trọng tâm của Hậu cung là tượng Đức Thánh trong khám thờ. Tượng với kích thước vừa phải, ngồi ngay ngắn trên ngai, phục trang theo lối của một viên quan, đầu đội mũ cánh chuồn, mặc áo thụng dài, chân buông trên bệ, tay đặt trên gối.

Nhìn chung, bố cục toàn cảnh của di tích với những hình khối kiến trúc tuy không lớn nhưng hài hòa trong từng bộ phận công trình, phù hợp với cách bài trí.

***Thực trạng các di vật trong di tích**

Theo kết quả điền dã của nhóm tác giả tại đền Thánh Tứ (9/7/2025), đền còn lưu giữ được nhiều di sản quý báu, tiêu biểu như:

Bảng 2.2: Danh mục kiểm kê hiện vật tại đền Thánh Tứ (9/7/2025)

STT	Tên hiện vật	Số lượng	Ghi chú
1	Bát hương	1	
2	Ngai	2	
3	Chấp kích	10	
4	Y môn	2 gỗ	
5	Câu đối	6	
6	Nhang án	4	
7	Bộ đao	1	
8	Đèn thờ	12	
9	Đỉnh	2	
10	Đại tự	2	
11	Tượng đức Thánh	1	
12	Mâm mịch	6	
13	Khám thờ	2	
14	Sắc phong Thành Thái nguyên niên (1889)	1	
15	Sắc phong Duy Tân tam niên (1909)	1	
16	Sắc phong Khải Định cửu niên (1925)	1	
17	Thần phả có niên đại Bảo Đại năm thứ 13 (1938)	1	

Hệ thống hiện vật tại đền Thánh Tứ hiện được bảo tồn khá đầy đủ, có giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật cao, phản ánh quá trình hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ Thánh Phạm Tử Nghi ở địa phương. Các hiện vật như ngai, nhang

án, đỉnh, đèn thờ, câu đối, đại tự, tượng Đức Thánh được chế tác tinh xảo bằng gỗ và đồng, mang đậm phong cách mỹ thuật thời Nguyễn. Đặc biệt, ba đạo sắc phong (1889, 1909, 1925) và bản thân phủ niên đại Bảo Đại 1938 là nguồn tư liệu quý, khẳng định vị thế linh thiêng của di tích và sự tôn vinh của triều đình nhà Nguyễn đối với Phạm Tử Nghi.

Nhìn chung, các hiện vật được nhân dân gìn giữ chu đáo, vừa phục vụ nghi lễ tín ngưỡng, vừa có giá trị sử học và văn hóa tiêu biểu cho truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của cư dân vùng Yên Khánh – Ninh Bình.

b) Thực trạng quản lý và bảo tồn

Hiện nay, công tác quản lý di tích được thực hiện theo mô hình “Nhà nước quản lý – Nhân dân tham gia”, trong đó UBND xã Khánh Mậu giữ vai trò chủ quản, chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Phòng Văn hóa – Thông tin huyện Yên Khánh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình.

Tại địa phương, Ban khánh tiết của đền được thành lập từ năm 1992, do đại diện nhân dân và người cao tuổi đảm nhiệm. Ban có 3 thành viên, chịu trách nhiệm trông coi, duy trì nghi lễ, bảo quản cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động tín ngưỡng – lễ hội. Tuy nhiên, mô hình này vẫn mang tính tự quản, thiếu đội ngũ chuyên môn được đào tạo bài bản về bảo tồn di tích và quản lý di sản.

Qua khảo sát, công tác quản lý di tích Đền Thánh Tứ hiện nay còn tồn tại một số hạn chế: Thiếu chiến lược quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích;; nguồn kinh phí tu bổ, tôn tạo phụ thuộc chủ yếu vào xã hội hóa, chưa có ngân sách ổn định từ nhà nước; công tác ghi chép, lưu trữ và thống kê hiện vật chưa được thực hiện khoa học; công tác phát huy giá trị văn hóa – giáo dục của di tích chưa tương xứng, chưa khai thác hết tiềm năng phục vụ HS và khách tham quan. Bên cạnh đó cảnh quan di tích bị thay đổi ít nhiều do việc dựng các khung mái che bằng sắt thép làm thay đổi cảnh quan di tích [PL 2.1.3].

2.2.3. Đền Đông Thổ Mật xã Khánh Hồng

Đền Thổ Mật được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2005 [PL 3.1.4]. Từ ngày 1/7/2025 đền Đông Thổ Mật thuộc xã Khánh Nhạc. Chúng ta đến di tích theo con

đường chính: từ thị xã Ninh Bình theo quốc lộ số 10 (Ninh Bình – Kim Sơn) 17km đến ngã tư Phúc Nhạc, rẽ phải theo đường 58B (đê Hồng Đức cũ) 1km, qua sông Khánh Nhạc là đến di tích. Đây là con đường thuận tiện nhất, có thể đi bằng nhiều phương tiện: ô tô, xe máy, xe đạp...

a) Thực trạng cảnh quan di tích và hiện vật

**** Cảnh quan di tích***

Đền tọa lạc trên thửa đất rộng mà bằng phẳng, quay mặt ra đê Hồng Đức [PL 3.1.1] bên tả có sông Khánh Nhạc chảy qua, phía sau là cánh đồng lúa bát ngát trải dài. Qua hai cột trụ là khuôn viên sân đền với cây cảnh hoa lá. Tòa tiền đường do chiến tranh Pháp bắn phá hỏng nay chỉ còn lại trung đường và chuôi vò. Kiến trúc đền Đông nay trùng tu lại theo kiểu chữ Đinh (3 gian trung đường, 2 gian hậu cung). Trung đường phía trước xây rộng hai bên thành lầu thờ, đắp tượng thờ võ sỹ. trung đường có hệ thống cánh cửa bức bàn làm bằng gỗ lim. Hai gian bên tòa trung đường, xây tường lồi về phía sau, tạo thành ban thờ quan văn, quan võ. Nguyên vật liệu làm trung đường: gỗ, gạch, ngói, vôi vữa...[PL 3.1.2]

Trung đường làm nơi tế lễ, bái vọng, hội họp[PL 3.1.3]. Tiếp giáp với trung đường là hậu cung thờ thánh hình chuôi vò gồm hai gian dọc. Cung trong trên nhang án xây là khám thờ bài vị của thánh Tứ, bát hương sứ có chữ hán “Vạn thọ vô cương” để thờ chính. Bát hương đồng đặt trên mâm triện dùng rước chân nhang trong ngày hội, chứ không rước bát hương ở công đồng như một số di tích khác.

Cung ngoài trên nhang án gỗ là long cung, phía trong đặt mũ ô sa làm bằng đồng lá kích thước khá lớn. Trước long cung là mâm triện gỗ đặt bát hương thờ công đồng, bát hương đúc bằng đồng trạm chữ hán: bản xã phụng sự, Phạm tộc tiến cúng, Ất Tỵ niên cổ tạo, Bính Dần niên sáng tạo.

Hoành phi phía trên đền: Lưỡng quốc hiển thánh. Câu đối treo hai bên do cựu Chánh xã phạm Khải bái tiến. Bên tả treo quả chuông nhỏ khắc: Hoàng triều Khải Định Nhâm Tuất niên trọng đồng hợp đồng chư công tử tiến cúng. Giáp với trung đường, cung ngoài treo bức hoành phi đề: Thượng đẳng tối linh, do xóm Tây cung tiến. Câu đối do Hàn Lâm viện cung phụng tú tài Nguyễn Vi Chính bái tiến.

Vật liệu kiến thiết hậu cung: gỗ, ngói, gạch, vôi vữa...

****Các hiện vật trong di tích***

Theo kết quả điền dã của nhóm tác giả tại đền Thổ Mật (10/7/2025), đền còn lưu giữ được nhiều di sản quý báu, tiêu biểu như:

Bảng 2.3: Danh mục kiểm kê hiện vật tại đền Thổ Mật (10/7/2025)

STT	Tên hiện vật	Số lượng	Ghi chú
1	Sắc phong: Tự Đức lục niên chính nguyệt thập nhị nhật (12/01/1853)	1	
2	Sắc phong: Thành Thái lục niên thập nhất nguyệt nhị thập nhật (20/11/1894);	1	
3	Sắc phong: Duy Tân tam niên bát nguyệt thập nhất nhật (11/8/1909);	1	
4	Sắc phong: Khải Định tam niên lục nguyệt thập tứ nhật (14/6/1921)	1	
5	Hoành phi	2	
6	Câu đối	6	
7	Quả chuông	2	
8	Bài vị thờ	1	
9	Ngai thờ	3	
10	Long cung thờ	2	
11	Mũ ô sa thờ	1	
12	Mâm trện	2	
13	Đài gỗ	9	
14	Bát hương đồng	2	
15	Bát hương sứ	2	
16	Ổng hương gỗ		

17	Mâm bông	2	
18	Tắc tải	1	
19	Giá kiểng thờ	1	
20	Chiêng	1	
21	Trống	1	
22	Bao chiêng	2	
23	Hạc đồng	2	
24	Mâm mịch	1	
25	Chấp kính	6	

Di tích đền Thổ Mật được hình thành và tu bổ qua nhiều thời kỳ, gắn liền với quá trình phát triển tín ngưỡng thờ Thánh Phạm Tử Nghi tại vùng Yên Khánh, Ninh Bình. Hệ thống hiện vật còn lưu giữ gồm bốn sắc phong các triều Tự Đức (1853), Thành Thái (1894), Duy Tân (1909) và Khải Định (1921) cùng nhiều đồ thờ như hoành phi, câu đối, chuông, ngai, long cung, hạc đồng, trống, chiêng, bát hương, giá kiểng thờ... Các hiện vật được chế tác tinh xảo bằng gỗ, đồng, sứ, thể hiện trình độ mỹ thuật, tín ngưỡng và kỹ thuật thủ công truyền thống thời Nguyễn.

Nhìn chung, đền Thổ Mật hiện được bảo tồn tương đối nguyên vẹn, là trung tâm sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng quan trọng của cộng đồng, đồng thời là chứng tích lịch sử có giá trị, khẳng định sự trường tồn của tín ngưỡng thờ Thánh Phạm Tử Nghi trong đời sống tinh thần nhân dân địa phương.

b) Thực trạng quản lý và bảo tồn

Đền Đông Thổ Mật hiện do UBND xã Khánh Hồng trực tiếp quản lý, chịu sự chỉ đạo của Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Yên Khánh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình. Tại địa phương, Ban bảo vệ di tích được thành lập do Phó Chủ tịch UBND xã phụ trách văn hóa - xã hội làm trưởng ban, cùng các thành viên là nhân dân cao tuổi, đại diện dòng họ Phạm và các chi hội đoàn thể. Mô hình này thể hiện sự kết hợp giữa quản lý nhà nước và quản lý cộng đồng,

song vẫn còn mang tính kiêm nhiệm, thiếu đội ngũ chuyên môn được đào tạo về bảo tồn di sản.

2.2.4. Đền Hải Đức xã Khánh Cường

Đền Hải Đức được xếp hạng di tích cấp tỉnh năm 2010[PL 4.1.13]. Từ ngày 1/7/2025 đền Hải Đức thuộc xã Khánh Thiện, tỉnh Ninh Bình. Từ trung tâm thành phố Ninh Bình, theo quốc lộ 10 (hướng đi Kim Sơn) khoảng 8km, đến ngã ba Thông, rẽ trái vào đường 58 đi khoảng 9km (qua chợ Xanh - Khánh Thiện), đi tiếp vào đường trục xã, đến địa phận xóm 5 Nam Cường, theo đường ra đê sông Đáy khoảng 500m là đến di tích.

a) Thực trạng cảnh quan di tích và hiện vật

**** Cảnh quan di tích***

Về tổng thể, đền Hải Đức nằm ở vị trí ven đê thoáng đãng[PL 4.1.1, 4.1.2]. Phía trước là sông Đáy, bên kia sông là đất Nam Định. Diện tích đất di tích là 200m². Đền Hải Đức được xây dựng theo kiến trúc “~~tiền~~hát hậu đình” (), gồm Tiền đường, Trung đường, Hậu cung. Do vị trí nằm ven sông nên đền Hải Đức được xây dựng kiên cố, toàn bộ mái cuốn vòm và gắn ngói đỏ.

Tiền đường, gồm 3 gian, 2 dĩ, tường hồi bít đốc, chiều dài 10m, rộng 3,5m. Đây là nơi đặt nhang án thờ công đồng, ở gian chính giữa. Ban thờ bố trí khá đầy đủ đồ thờ tự như bát hương, đài thờ, hạc thờ, ống hương, cây đèn... Hai bên là hệ thống bát biểu, giá chiêng, giá trống. Đây là hạng mục được xây dựng bổ sung trong lần tu sửa năm 2004[PL 4.1.5].

Trung đường, gồm 3 gian, tường hồi bít đốc. Chiều dài 6,75m, chiều rộng 3,6m. Gian giữa Trung đường là nơi đặt nhang án thờ công đồng, phía trên ban thờ có bức đại tự đề bốn chữ Hán “Hải Đức linh từ”. Hai bên là hai ban thờ sứ giả.

Hậu cung có một gian, kích thước 4,3m x 3,4m. Hậu cung là nơi đặt ban thờ Thánh Tứ Dương hầu và ban thờ Thánh Tản Viên [PL 4.1.12]. Phía trên ban thờ Thánh Tứ Dương hầu có bức đại tự đề “Lưỡng quốc hiển Thánh”, phía trên ban thờ Thánh Tản Viên có bức đại tự đề “Tản Viên giáng trần”.

Nền được xây giạt cấp, cao dần vào phía trong. Toàn bộ nền của đền được lát gạch. Thân nhà với hệ thống tường (được xây bằng gạch, trát vôi vữa, kiên cố); hệ thống cửa (tiền đường có 3 cửa ra vào, cửa ở gian giữa rộng hơn cửa hai bên, kích thước rộng 1,35m, cao 1,94m. Hai cửa bên bằng nhau, rộng 1,25m, cao 1,9m. Mỗi ô cửa gồm 2 cánh, thiết kế kiểu bức bàn); trung đường có 3 cửa tương ứng với 3 cửa Tiền đường. Cửa gian giữa rộng 1,34m, cao 1,94m, hai cửa bên rộng 0,87m, cao 1,94m. Hậu cung có một cửa vào, rộng 1,32m, cao 1,78m. Các cửa đều có cánh, cánh cửa đều thiết kế theo kiểu bức bàn. [20, tr 6]

Trên mái hiên Tiền đường đắp nổi hai con rồng ở tư thế chầu vào trung tâm. Ở giữa là hình tượng hổ phù đội hình tượng lưỡng nghi; nóc mái Tiền đường đắp nổi hình tượng hổ phù đội “quả lô”. Hai đầu bờ nóc trang trí con kìm hoa văn chữ “triện”; ở giữa bờ nóc Trung đường được trang trí hoa văn chữ “triện”. [20, tr6]

Đền Hải Đức được xây dựng nhìn về hướng Tây Bắc. Các ban thờ trong di tích cũng đều quay theo hướng này. Trước cửa di tích có 4 cột đồng trụ. Trên đầu hai cột ở giữa là hình tượng nghê chầu, hai cột hai bên là hình tượng búp sen. Phía ngoài trang trí hòn non bộ và đắp nổi hai con rồng chầu mặt trời. Đây được coi như bức “bình phong” của đền.

*** Các hiện vật trong di tích**

Do trong kháng chiến chống Pháp, di tích bị giặc đóng chiếm làm đồn bốt, vì vậy, các hiện vật cổ tại đền đều bị chúng tàn phá, làm thất lạc. Hiện nay, tại di tích các đồ thờ cúng đều do nhân dân công đức trong thời gian gần đây. Các đồ thờ tự khá đầy đủ như ngai thờ, bài vị, bát hương, nhang án, cây đèn, cây nến, hạc thờ, đài thờ...

Nhóm tác giả đã tiến hành điền dã tại đền Hải Đức (10/7/2025) và hệ thống được danh mục đồ thờ cúng tại đền như sau

Bảng 2.4: Danh mục kiểm kê hiện vật tại đền Hải Đức (10/7/2025)

STT	Tên hiện vật	Số lượng	Ghi chú
1	Tượng thánh	2	
2	Ngai	2	
3	Đèn đồng	2	

4	Đèn gỗ	2	
5	Đỉnh đồng	1	
6	Bát hương đá	2	
7	Đài đồng	6	
8	Đèn gỗ	2	
9	Khám thờ	2	
10	Hoàng phi	4	
11	Câu đối	8	
12	Bát hương đồng	1	
13	Hạc gỗ cao 1,5m	2	
14	Hạc gỗ cao 40cm	4	
15	Hạc gỗ cao 30cm	2	
16	Bát biểu	2	
17	Đèn đá to	2	
18	Lô hương đá to	1	

Di tích Đèn Hải Đức được hình thành và hoàn thiện qua nhiều giai đoạn, gắn liền với quá trình hình thành tín ngưỡng thờ Thánh Phạm Tử Nghi tại xã Khánh Cường. Trong quá trình tạo dựng, nhân dân địa phương đã đóng góp công sức, vật lực để xây dựng kiến trúc và sưu tầm, bảo quản hệ thống hiện vật phong phú.

Các hiện vật như tượng Thánh, ngai, khám thờ, đỉnh đồng, hạc gỗ, câu đối, hoành phi, bát hương, đèn thờ... được chế tác công phu, phản ánh kỹ thuật thủ công, mỹ thuật thời Nguyễn và sự phát triển của nghệ thuật tôn giáo dân gian.

Nhìn chung, qua thời gian, đèn vẫn giữ được cấu trúc và hệ thống đồ thờ cơ bản, thể hiện truyền thống tôn kính anh hùng – hiền thánh và ý thức bảo tồn di sản văn hóa tâm linh của cộng đồng cư dân Khánh Cường.

Tuy nhiên trong 2 năm gần đây do ảnh hưởng của thiên tai, bão Hải Đức thường bị ngập lụt nhiều đồ vật trong đền bị hư hại nặng nề đặc biệt là cột đèn, chân móng, tường và cảnh quan xung quanh.

b) Thực trạng quản lý và bảo tồn

Hiện nay, di tích được quản lý theo mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, trong đó UBND xã Khánh Cường là cơ quan chủ quản, chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Phòng Văn hóa – Thông tin huyện Yên Khánh và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình.

Tại cơ sở, Ban khánh tiết đền Hải Đức gồm 13 thành viên, do đại diện Hội Người cao tuổi làm trưởng ban, đảm nhiệm việc trông coi, bảo vệ, duy trì hương khói, tổ chức nghi lễ và huy động nguồn lực xã hội hóa. Mặc dù hoạt động nề nếp, song mô hình này vẫn mang tính tự quản, thiếu cán bộ chuyên môn, chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng trong quản lý tài chính và hiện vật di tích.

Những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý, Thực trạng quản lý di tích Đền Hải Đức hiện nay cho thấy một số hạn chế cơ bản: nguồn kinh phí phụ thuộc hoàn toàn vào xã hội hóa, thiếu nguồn đầu tư ổn định từ ngân sách nhà nước; Hoạt động phát huy giá trị di sản (giáo dục, du lịch, truyền thông) còn hạn chế, chưa khai thác tương xứng với tiềm năng lịch sử – văn hóa của di tích.

2.2.5. Đánh giá thực trạng các di tích

2.2.5.1. Đền Kiến Ốc

Hiện nay, di tích Đền Kiến Ốc vẫn giữ được dáng dấp kiến trúc truyền thống của đền thờ vùng đồng bằng Bắc Bộ, gồm các hạng mục chính như Tiền đường, Trung đường, Hậu cung cùng hệ thống nghi môn, tường bao và sân đền. Kết cấu kiến trúc chủ yếu bằng gỗ lim, mái lợp ngói mũi, các chi tiết chạm khắc hoa văn “lưỡng long châu nguyệt”, “tứ linh”, mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn. Tuy đã trải qua nhiều lần trùng tu, đặc biệt vào đầu thế kỷ XX, song các yếu tố gốc của di tích vẫn được bảo lưu khá nguyên vẹn.

Về hiện vật, đền hiện còn lưu giữ nhiều đồ thờ có giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật như long ngai, bài vị, kiệu bát cống, nhang án, hạc thờ, đèn đồng, chuông, sắc phong và thần phả[PL 1.1.15]. Phần lớn các hiện vật có niên đại thời Nguyễn, được nhân dân gìn giữ, bảo quản tốt, tuy nhiên một số hiện vật gỗ và kim loại đã có dấu hiệu xuống cấp do tác động của thời tiết và điều kiện bảo quản còn hạn chế; cảnh quan được tu bổ [PL 1.1.16]

Công tác quản lý di tích hiện do Ban quản lý Đền Kiến Ốc trực tiếp đảm nhiệm, dưới sự hướng dẫn của chính quyền xã Khánh Trung và Phòng Văn hóa – Thông tin huyện Yên Khánh. Việc duy trì hương khói, tổ chức lễ hội, tu sửa định kỳ và bảo vệ cảnh quan được thực hiện thường xuyên, có sự tham gia tích cực của nhân dân địa phương. Tuy nhiên, di tích chưa có quy hoạch tổng thể bảo tồn lâu dài, việc lập hồ sơ khoa học, thống kê hiện vật và giám sát kỹ thuật trong tu bổ còn hạn chế.

Nhìn chung, Đền Kiến Ốc hiện trong trạng thái ổn định giá trị kiến trúc, nghệ thuật và tín ngưỡng cơ bản được bảo tồn. Tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững, cần có sự quan tâm đầu tư tu bổ định kỳ, hoàn thiện công tác quản lý chuyên môn và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn di sản văn hóa.

2.2.5.2. Đền Thánh Tứ

Công tác bảo tồn, tu bổ và tôn tạo di tích

Đền Thánh Tứ có lịch sử lâu đời, cấu trúc kiến trúc hiện nay chủ yếu được khởi dựng vào thời Nguyễn (năm Bảo Đại thứ 9 – 1934) và xây mới, trùng tu nhiều hạng mục vào các năm 1996, 2002. Các hạng mục chính gồm Nghi môn, hồ bán nguyệt, Tiền bái, Trung đường, Hậu cung và khu sân vườn cảnh quan. Việc tu bổ được thực hiện chủ yếu bằng nguồn xã hội hóa, thể hiện tinh thần đóng góp của nhân dân địa phương. Tuy nhiên, công tác bảo tồn còn thiếu quy hoạch tổng thể và định hướng chuyên môn dài hạn. Một số hạng mục như đồ thờ cổ, hoành phi, câu đối, hệ gỗ và mái ngói đã xuất hiện dấu hiệu xuống cấp. Việc bảo quản hiện vật còn hạn chế, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm dân gian. Đền chưa có hồ sơ quản lý hiện vật khoa học hay hệ thống trưng bày phục vụ tham quan – giáo dục di sản.

Hoạt động lễ hội và phát huy giá trị di tích

Lễ hội đền Thánh Tứ là một trong những hoạt động tín ngưỡng tiêu biểu của xã Khánh Mậu, diễn ra vào các dịp mùng 2 tháng Giêng (khai xuân), 15 tháng 4 (lễ cầu mát), 15 tháng 7 (tán hạ), 15 tháng 9 (kỵ Thánh) và 14 tháng 12 (mộc dục). Trong đó, ngày 15 tháng 9 âm lịch là lễ chính, với các nghi thức tế Thánh,

rước lễ, phường bát âm, trò chơi dân gian, hát chèo, leo cầu phao, tổ tôm, cướp cờ.... Nhìn chung, lễ hội vẫn giữ được bản sắc dân gian truyền thống, tạo nên không gian sinh hoạt cộng đồng gắn bó, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Tuy nhiên, quy mô tổ chức còn nhỏ, mang tính tự phát, chưa được liên kết với các hoạt động giáo dục di sản trong trường học hay phát triển du lịch văn hóa địa phương, khiến giá trị lan tỏa của di tích còn hạn chế.

Vai trò của cộng đồng và công tác tuyên truyền

Cộng đồng dân cư Khánh Mậu có ý thức rõ ràng trong việc bảo vệ và duy trì di tích. Hằng năm, nhân dân chủ động đóng góp kinh phí, vật chất và công lao động để tu sửa, vệ sinh cảnh quan, tổ chức tế lễ. HS phổ thông thường xuyên đến chăm sóc, quét dọn khuôn viên đền. Tuy vậy, sự tham gia của thế hệ trẻ còn hạn chế, công tác tuyên truyền giáo dục di sản trong trường học và truyền thông địa phương chưa thường xuyên, dẫn đến việc thiếu lực lượng kế cận trong bảo tồn văn hóa truyền thống.

Có thể khẳng định rằng Đền Thánh Tứ là một trong những di tích tiêu biểu gắn với tín ngưỡng thờ danh nhân Phạm Tử Nghi tại Yên Khánh, mang giá trị lịch sử, văn hóa và nghệ thuật kiến trúc đặc sắc. Tuy nhiên, công tác quản lý hiện nay mới dừng ở mức duy trì, chưa thực sự phát huy hết vai trò của di tích trong giáo dục truyền thống và phát triển văn hóa cộng đồng.

Để đảm bảo bảo tồn bền vững, cần thiết phải xây dựng mô hình quản lý cộng đồng có hướng dẫn chuyên môn, kết hợp với tăng cường đầu tư, đào tạo cán bộ và gắn di tích với hoạt động giáo dục – du lịch văn hóa, nhằm đưa giá trị của Đền Thánh Tứ lan tỏa mạnh mẽ hơn trong đời sống đương đại.

2.2.5.3. Đền Đông Thổ Mật

Công tác bảo tồn, tu bổ và tôn tạo di tích

Đền Đông Thổ Mật là công trình có lịch sử lâu đời, được xây dựng từ thời Hậu Lê, trải qua nhiều lần trùng tu, gần nhất vào năm Kỷ Ty (1989). Sau chiến tranh chống Pháp, nhiều hạng mục bị hư hại, song nhân dân đã chủ động khôi phục trên nền kiến trúc cũ. Hiện nay, đền được bảo tồn khá tốt, có đầy đủ các hạng

mục tiền đường, trung đường, hậu cung, nghi môn, sân đền và cây cảnh phụ trợ.

Tuy nhiên, việc trùng tu chủ yếu dựa vào nguồn xã hội hóa. Một số hạng mục có dấu hiệu xuống cấp nhẹ, đặc biệt là hệ thống gỗ, hoành phi, câu đối và đồ thờ cổ. Điều này cho thấy công tác bảo tồn vẫn thiếu đồng bộ và thiếu hướng dẫn kỹ thuật bảo tồn nguyên gốc.

Hoạt động lễ hội và khai thác di sản

Lễ hội chính của đền diễn ra vào ngày 14 tháng 9 âm lịch (kỵ Thánh) và ngày 11 tháng 3 âm lịch (ngày hóa của Mẫu), với các nghi lễ truyền thống như tế Nam quan, nữ quan, rước ngai, rước bát hương và dâng lễ cộng đồng. Ngoài ra, hằng tháng vẫn duy trì nghi lễ dâng hương vào mùng 1 và ngày rằm. Hoạt động lễ hội vẫn được duy trì đều đặn, thể hiện sự gắn bó giữa đời sống tín ngưỡng và đời sống cộng đồng làng Thổ Mật. Tuy nhiên, việc tổ chức lễ hội còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ, chưa gắn kết với du lịch văn hóa hoặc giáo dục di sản học đường, do đó giá trị phát huy của di tích trong phát triển văn hóa – xã hội vẫn còn hạn chế.

Nhận thức và vai trò của cộng đồng, người dân địa phương thể hiện ý thức bảo vệ di tích khá rõ, tích cực tham gia các hoạt động tu sửa, vệ sinh cảnh quan, trồng cây xanh, và quyên góp kinh phí duy trì hương khói. Ban bảo vệ di tích còn có kế hoạch sưu tầm tư liệu lịch sử về Thánh Phạm Tứ Nghi, nhằm làm phong phú hồ sơ di sản. Tuy nhiên, sự tham gia của thế hệ trẻ và cán bộ chuyên môn còn hạn chế, phần lớn các hoạt động vẫn do người cao tuổi đảm nhiệm, khiến công tác bảo tồn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm truyền thống. Điều này đặt ra yêu cầu cần lồng ghép giáo dục di sản trong nhà trường và bồi dưỡng kỹ năng cho cộng đồng để duy trì sự kế tục văn hóa.

Những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý

Thực trạng quản lý di tích Đền Đông Thổ Mật hiện nay bộc lộ một số hạn chế: nguồn kinh phí không ổn định, phụ thuộc vào xã hội hóa; công tác giám sát chuyên môn còn yếu, chưa có hướng dẫn kỹ thuật bảo tồn theo chuẩn mực ngành di sản; chưa khai thác hiệu quả giá trị văn hóa – giáo dục của di tích trong các hoạt động cộng đồng và nhà trường.

Nhìn chung, công tác quản lý Đền Đông Thổ Mật hiện duy trì ở trạng thái ổn định, dựa trên sự phối hợp giữa chính quyền và nhân dân. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu bảo tồn trong bối cảnh hiện đại, cần xây dựng mô hình quản lý cộng đồng có định hướng chuyên môn, đồng thời tăng cường nguồn lực tài chính và nhân lực bảo tồn, hướng tới mục tiêu bảo tồn bền vững gắn với phát huy giá trị di sản trong giáo dục, du lịch và phát triển văn hóa địa phương.

2.2.5.4. Đền Hải Đức

Tổ chức quản lý và cơ cấu vận hành

Đền Hải Đức (tức Đền Đức Ông) tọa lạc tại xóm 5 Nam Cường, xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, là nơi thờ Đức Ông – Thánh Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, phối thờ Thánh Tản Viên cùng các vị quan văn, quan võ và Hội đồng các quan.

Hiện nay, di tích được quản lý theo mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, trong đó UBND xã Khánh Cường là cơ quan chủ quản, chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Phòng Văn hóa – Thông tin huyện Yên Khánh và Sở Văn hóa, Thể Tài cơ sở, Ban khánh tiết đền Hải Đức gồm 13 thành viên, do đại diện Hội Người cao tuổi làm trưởng ban, đảm nhiệm việc trông coi, bảo vệ, duy trì hương khói, tổ chức nghi lễ và huy động nguồn lực xã hội hóa. Mặc dù hoạt động nền nếp, song mô hình này vẫn mang tính tự quản, thiếu cán bộ chuyên môn, chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng trong quản lý tài chính và hiện vật di tích.

Công tác bảo tồn, trùng tu và tôn tạo di tích

Theo tư liệu dân gian và hồ sơ lưu trữ, đền Hải Đức được xây dựng từ thời Nguyễn (khoảng thế kỷ XIX), từng bị phá hủy nặng nề trong kháng chiến chống Pháp, sau đó được phục dựng nhiều lần: năm 1982 tu sửa Hậu cung, năm 1984 dựng lại Trung đường, và năm 2002 đại tu toàn bộ Tiền đường.

Đền hiện có kiến trúc “tiền nhất hậu đình” gồm ba tòa Tiền - Trung - Hậu, kết cấu tường gạch, mái vòm ngói đỏ, trang trí rồng châu, hổ phù, hoa văn chữ triện. Mặc dù được trùng tu khang trang, một số hạng mục như đồ thờ cổ, hệ thống gỗ, hoành phi, câu đối đã mất mát hoặc được thay thế mới, làm giảm phần nào giá trị gốc và tính cổ truyền của di tích.

Nguồn kinh phí tu bổ chủ yếu dựa vào công đức của nhân dân và con em xa quê, thiếu ngân sách nhà nước, dẫn đến bất cập trong quy hoạch dài hạn và kỹ thuật bảo tồn.

Hoạt động lễ hội và sinh hoạt tín ngưỡng

Hằng năm, tại đền Hải Đức diễn ra nhiều hoạt động tế lễ và sinh hoạt văn hóa dân gian, trong đó có các ngày lễ chính: Rằm tháng Giêng: lễ cầu an, khai xuân đầu năm: ngày 14 tháng 9 âm lịch (lễ kỵ Thánh Phạm Tử Nghi); ngày 20 tháng 10 âm lịch: lễ kỵ Thánh Tản Viên; ngoài ra còn có các nghi lễ theo tiết như Thanh minh, vào hạ – ra hạ, lễ Trừ tịch.

Điểm đặc sắc là mô hình “Đám Hải Đức”, gồm khoảng 600 thành viên, duy trì hai đội tế Nam quan và Nữ quan, cùng đội bát âm dân gian. Đây là hình thức tổ chức tín ngưỡng cộng đồng có tính kế thừa cao, góp phần gìn giữ nghi thức truyền thống, củng cố tình đoàn kết và bản sắc địa phương. Tuy nhiên, lễ hội vẫn mang quy mô làng xã, chưa được quảng bá và gắn kết với du lịch văn hóa hay giáo dục di sản học đườn

Vai trò của cộng đồng và công tác tuyên truyền

Cộng đồng dân cư Khánh Cường thể hiện ý thức bảo vệ di tích khá rõ rệt. Người dân tự nguyện đóng góp kinh phí, vật liệu, công lao động, trồng cây, vệ sinh cảnh quan và tổ chức lễ hội. Ban khánh tiết còn sưu tầm, lưu giữ thần phả, sắc phong, tư liệu lịch sử phục vụ nghiên cứu. Tuy vậy, lực lượng trẻ tham gia bảo tồn còn hạn chế, chủ yếu do thiếu hoạt động giáo dục di sản và trải nghiệm thực tế. Công tác tuyên truyền giá trị lịch sử – văn hóa của di tích mới chỉ dừng lại ở phạm vi làng xã, chưa lan tỏa tới trường học và các tổ chức văn hóa địa phương.

Có thể khẳng định rằng Đền Hải Đức là một trong những không gian tín ngưỡng tiêu biểu gắn với danh nhân Phạm Tử Nghi tại Yên Khánh, vừa mang giá trị lịch sử – tâm linh, vừa có tiềm năng lớn về văn hóa – du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, công tác quản lý di tích hiện vẫn thiếu tính chuyên nghiệp và định hướng lâu dài. Để phát huy hiệu quả hơn nữa, cần thiết phải xây dựng mô hình quản lý cộng đồng có hướng dẫn chuyên môn, kết hợp cơ chế tài chính hỗ trợ thường

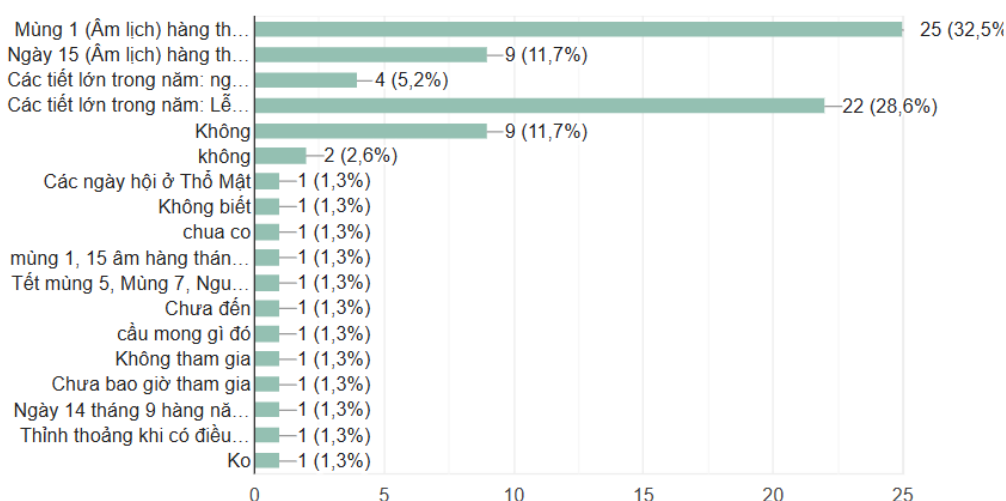
xuyên, và tăng cường giáo dục di sản trong trường học, qua đó bảo đảm sự bền vững của giá trị văn hóa – lịch sử đền Hải Đức trong đời sống hiện đại.

2.3. Thực trạng thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi trên địa bàn Yên Khánh

2.3.1 Nhân vật Phạm Tử Nghi trong đời sống tinh thần của cư dân Yên Khánh. Nhân vật Phạm Tử Nghi trong đời sống nhân dân

Trên cơ sở tiến hành khảo sát 77 cư dân ở 4 xã Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hồng, Khánh Cường để thấy được vị trí vai trò của nhân vật Phạm tử Nghi trong đời sống nhân dân địa phương.

Thứ nhất, khi được hỏi “*Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị tham gia các nghi lễ thờ cúng tại các đền vào dịp nào?*”

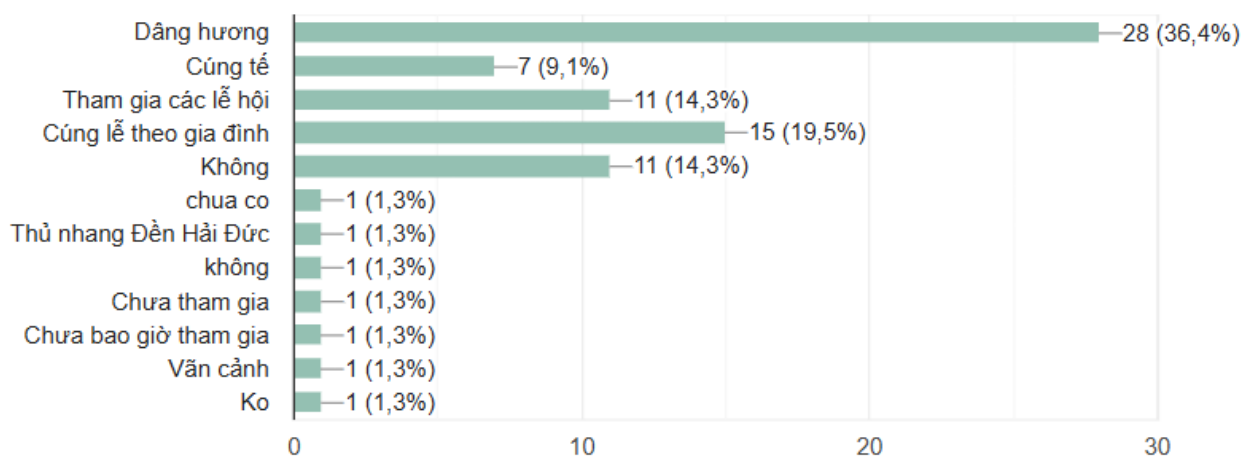


Hình 2.1. Biểu đồ tần suất tham gia nghi lễ thờ cúng tại các đền thờ

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động thờ cúng tại các đền thờ Phạm Tử Nghi vẫn được duy trì, song tần suất và mức độ tham gia có xu hướng giảm. Cụ thể, 32,5% người dân đến lễ vào ngày mùng 1 âm lịch, 11,7% vào ngày rằm, 22,86% trong các dịp lễ lớn như Thượng Nguyên, Khai hạ, Tết niên; chỉ 6,5% tham gia ngày sinh và ngày kỵ của danh nhân; 3,9% dự đầy đủ các nghi lễ trong năm, trong khi 22,1% không tham gia hoạt động nào.

Điều này phản ánh sự suy giảm thực hành tín ngưỡng truyền thống và sự phân hóa mức độ gắn bó tâm linh, bắt nguồn từ nhịp sống hiện đại, ảnh hưởng của các tôn giáo khác và hạn chế trong công tác tuyên truyền, tổ chức.

Thứ hai, về việc “*tham gia vào các hoạt động nào tại các đền thờ*” của người dân địa phương, theo số liệu khảo sát cho biết

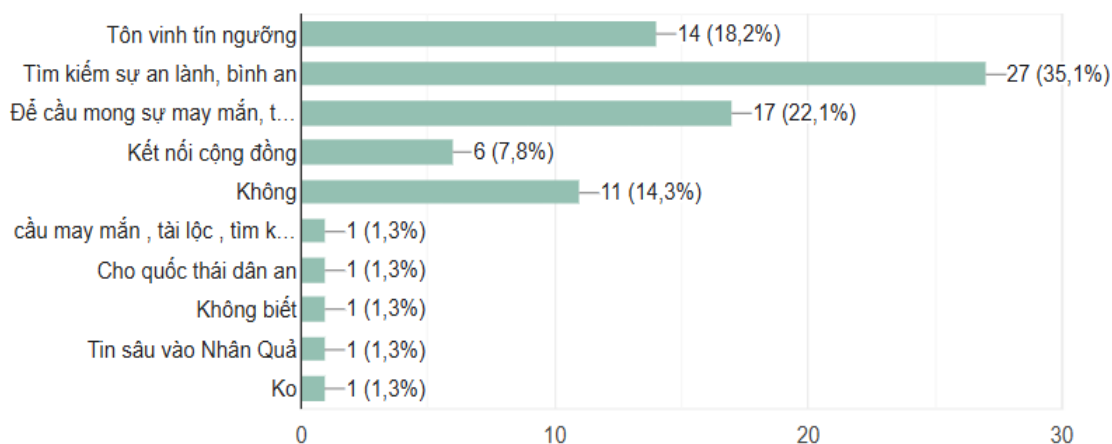


Hình 2.2 Biểu đồ các hoạt động tại các đền thờ của người dân địa phương.

Kết quả khảo sát cho thấy người dân tham gia nghi lễ thờ cúng tại đền Phạm Tử Nghi với nhiều hình thức khác nhau nhưng mức độ chênh lệch rõ rệt: 36,4% thường xuyên dâng hương, 19,5% cúng lễ theo gia đình, 14,3% tham dự lễ hội, chỉ 9,1% trực tiếp cúng tế, trong khi 22,1% không tham gia hoạt động nào.

Phần lớn người dân lựa chọn hình thức hành lễ giản dị, mang tính cá nhân hoặc gia đình, phản ánh xu hướng chuyển đổi từ tín ngưỡng cộng đồng sang tín ngưỡng cá nhân hóa trong đời sống hiện đại.

Thứ ba, phản hồi của người dân về “Mục đích tham gia của Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị là gì?” nhóm tác giả nhận được kết quả khảo sát như sau:

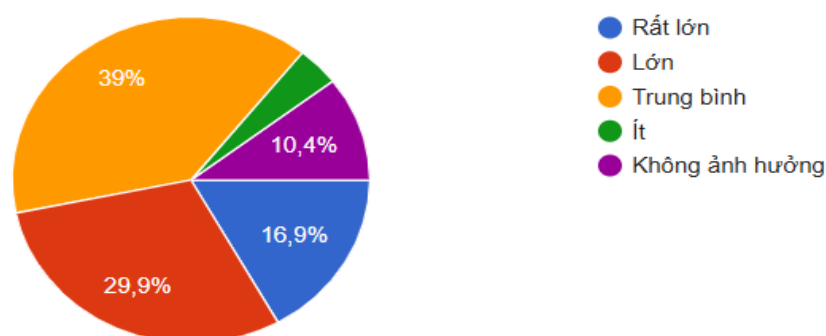


Hình 2.3. Biểu đồ mục đích tham gia thờ cúng của nhân dân tại các đền thờ

Kết quả khảo sát cho thấy người dân đến đền thờ Phạm Tử Nghi với nhiều mục đích khác nhau: 35,1% cầu an, cầu bình yên; 23,4% cầu may mắn, tài lộc; 18,2% tri ân danh nhân; 7,8% kết nối cộng đồng; và 2,6% cầu quốc thái dân an hoặc thể hiện niềm tin vào nhân quả.

Các số liệu cho thấy mục đích cá nhân (58,5%) chiếm ưu thế, phản ánh xu hướng cá nhân hóa trong thực hành tín ngưỡng. Tuy vậy, việc duy trì nghi lễ vẫn khẳng định vai trò bền vững của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi như một giá trị văn hóa – tâm linh dung hòa giữa niềm tin dân gian và đạo lý “uống nước nhớ nguồn”.

Thứ tư, phản hồi của người dân về câu hỏi “Tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống tinh thần của cộng đồng nơi đây?”



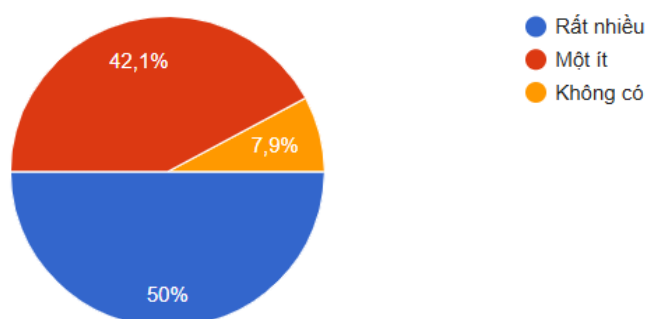
Hình 2.4. Biểu đồ ảnh hưởng của thờ Phạm Tử Nghi tới đời sống của người dân địa phương

Kết quả khảo sát cho thấy: 16,9% người dân đánh giá tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi có ảnh hưởng rất lớn, 29,9% cho rằng có ảnh hưởng lớn, 39% ở mức trung bình, 3,9% ít ảnh hưởng và 10,4% không ảnh hưởng. Điều này chứng tỏ phần lớn người dân vẫn xem tín ngưỡng này là thành tố quan trọng trong đời sống văn hóa – tâm linh, dù sức lan tỏa đang giảm do tác động của hiện đại hóa, đô thị hóa và sự xuất hiện của các hình thức tín ngưỡng mới.

Tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi vẫn giữ giá trị tinh thần cốt lõi, là biểu tượng văn hóa đặc trưng của Yên Khánh, góp phần duy trì bản sắc, nuôi dưỡng lòng tự hào và ý thức tri ân đối với danh nhân quê hương.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, mặc dù chịu tác động mạnh mẽ của hiện đại hóa và sự thay đổi trong đời sống tín ngưỡng, tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi vẫn là một trụ cột tinh thần quan trọng, thể hiện tính bền vững của ký ức lịch sử – văn hóa cộng đồng. Đây cũng là cơ sở để khẳng định sự cần thiết của việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản tín ngưỡng gắn với danh nhân, không chỉ như một thực hành tôn giáo, mà còn như một thiết chế văn hóa có vai trò giáo dục truyền thống lịch sử, đạo đức và bản sắc dân tộc cho thế hệ sau.

Thứ năm, phản hồi của dân cư về “tín ngưỡng này giúp gia tăng sự gắn kết trong cộng đồng hay không?”. Nhóm tác giả nhận được thông tin sau



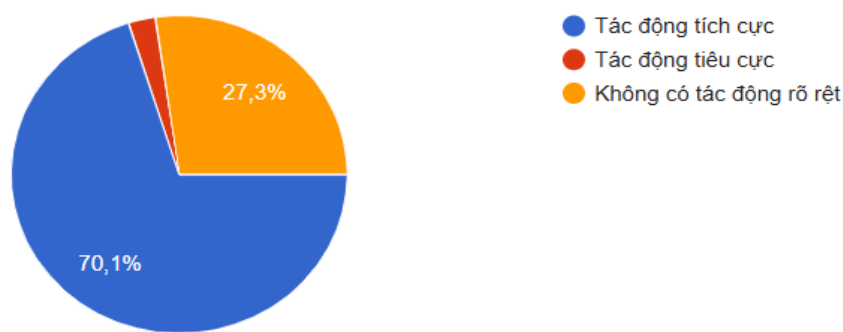
Hình 2.5. Biểu đồ nhận thức của người dân về sự gắn kết cộng đồng của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi

Kết quả khảo sát cho thấy 92,1% người dân thừa nhận tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi có vai trò gắn kết cộng đồng (trong đó 50% đánh giá “rất nhiều”, 42,1% cho rằng “có ảnh hưởng nhất định”), chỉ 7,9% cho rằng không rõ tác động. Điều này khẳng định tín ngưỡng vẫn giữ chức năng xã hội – văn hóa quan trọng, là “chất keo tinh thần” liên kết các thành viên trong cộng đồng.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi không chỉ là một hình thức sinh hoạt tâm linh, mà còn là thiết chế văn hóa có chức năng xã hội đặc biệt. Nó duy trì mối liên hệ giữa con người – cộng đồng – lịch sử, tạo nên sức mạnh tinh thần gắn kết cư dân Yên Khánh trong quá khứ cũng như hiện tại. Đây là minh chứng cho giá trị bền vững của tín ngưỡng dân gian Việt Nam trong việc bảo tồn bản sắc và củng cố sự đoàn kết xã hội ở cấp độ cơ sở.

Thứ sáu, phản hồi về “tác động của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi đến đời sống tin thần của nhân dân” kết quả khảo sát cho thấy

Hình 2.6. Biểu đồ tác động của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi đến đời sống



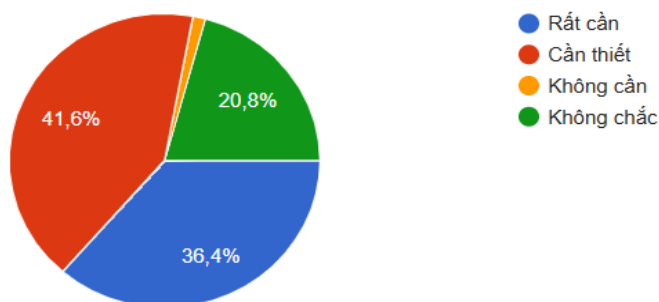
tin thần của nhân dân

Kết quả khảo sát cho thấy 70,1% người dân nhận định lễ hội thờ Phạm Tử Nghi có tác động tích cực đến đời sống văn hóa – kinh tế địa phương; 27,3% cho rằng không có tác động rõ rệt, và chỉ 2,6% đánh giá có tác động tiêu cực.

Tỷ lệ cao của nhóm đánh giá tích cực khẳng định lễ hội không chỉ mang ý nghĩa tâm linh – tín ngưỡng, mà còn là nguồn lực văn hóa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Về văn hóa, lễ hội góp phần duy trì ký ức cộng đồng, tôn vinh danh nhân Phạm Tử Nghi, bảo tồn bản sắc, và gắn kết các thế hệ. Ở góc độ kinh tế, lễ hội thúc đẩy du lịch tâm linh, thương mại địa phương, và tăng thu nhập cho người dân.

Như vậy, lễ hội thờ Phạm Tử Nghi có thể được xem là cầu nối giữa bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế, góp phần quan trọng trong việc phát huy giá trị di sản gắn với bản sắc địa phương trong bối cảnh hội nhập và hiện đại hóa nông thôn.

Khi hỏi về “*tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi cần được bảo tồn và phát triển*”, với kết quả cụ thể:



Hình 2.7. Biểu đồ về nhận thức của người dân vấn đề bảo tồn và phát triển đối với tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi

Kết quả khảo sát cho thấy 36,4% người dân cho rằng việc bảo tồn và phát triển tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi là rất cần thiết, 41,6% cho rằng cần thiết, 20,8% còn phân vân, và chỉ 1,3% cho rằng không cần thiết.

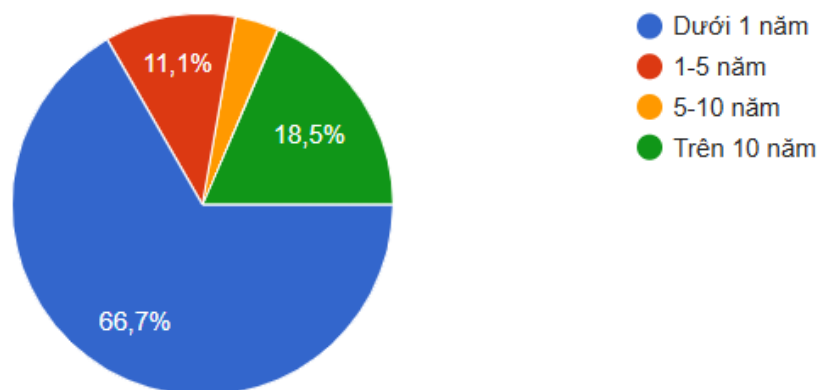
Tỷ lệ đồng thuận cao ở hai nhóm đầu cho thấy cộng đồng nhận thức rõ vai trò và giá trị văn hóa – tinh thần của tín ngưỡng thờ danh nhân trong đời sống hiện nay. Kết quả này phản ánh ý thức bảo tồn di sản đang dần được củng cố, dù vẫn còn một bộ phận chưa thống nhất về nhận thức và hành động, do sự thay đổi xã hội, khác biệt thế hệ, và hạn chế trong công tác tuyên truyền – giáo dục di sản.

Từ những kết quả khảo sát và phân tích trên có thể nhận thấy, tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi vẫn giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng cư dân huyện Yên Khánh. Dù mức độ tham gia và thực hành nghi lễ có sự biến đổi theo thời gian, tín ngưỡng này vẫn là một trụ cột của bản sắc văn hóa địa phương, nơi hội tụ các giá trị lịch sử, đạo đức và tâm linh được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Tuy nhiên, quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa và sự thay đổi trong cơ cấu xã hội – văn hóa nông thôn đang tác động mạnh mẽ đến không gian sinh tồn của tín ngưỡng này. Sự suy giảm trong tần suất thực hành nghi lễ, đặc biệt là ở lớp trẻ, cùng với sự cạnh tranh của các loại hình tín ngưỡng – tôn giáo mới, cho thấy nguy cơ mai một các giá trị truyền thống nếu không có giải pháp bảo tồn kịp thời. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân tuy còn gắn bó về mặt tinh thần, song chưa thật sự có ý thức sâu sắc và hành động cụ thể trong việc gìn giữ, phát huy di sản.

2.3.2 Nhân vật Phạm Tử Nghi trong hoạt động giáo dục tại địa phương

Trên cơ sở tiến hành khảo sát 27 giáo viên ở 4 xã Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hồng, Khánh Cường, kết quả cụ thể cho các nội dung như sau:

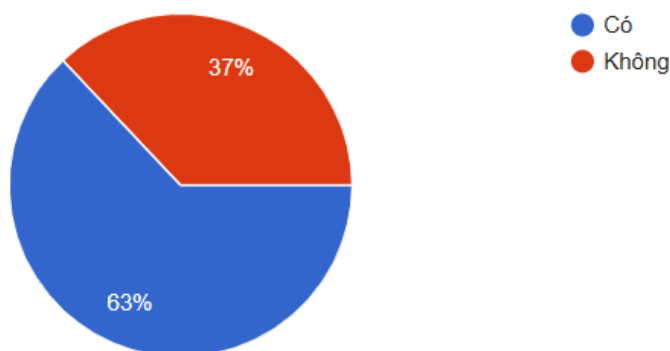
Đối với GV, phản hồi về thời gian tham gia tín ngưỡng



Hình 2.8. Biểu đồ thời gian tham gia tín ngưỡng của GV

Biểu đồ cho thấy phần lớn GV vẫn duy trì thói quen tham gia các hoạt động tín ngưỡng tại đền thờ Phạm Tử Nghi, chủ yếu vào các dịp mừng 1 và ngày Rằm hàng tháng, hoặc những ngày lễ lớn trong năm. Điều này phản ánh sự gắn bó tinh thần giữa đội ngũ giáo viên với di sản văn hóa - lịch sử địa phương, đồng thời cho thấy họ không chỉ là người truyền dạy tri thức mà còn là chủ thể thực hành văn hóa cộng đồng. Tuy nhiên, tần suất tham gia vẫn ở mức trung bình, chứng tỏ hoạt động tín ngưỡng này đang dần giản lược trong môi trường hiện đại.

Phản hồi về “Mức độ hiểu biết về nhân vật Phạm Tử Nghi”



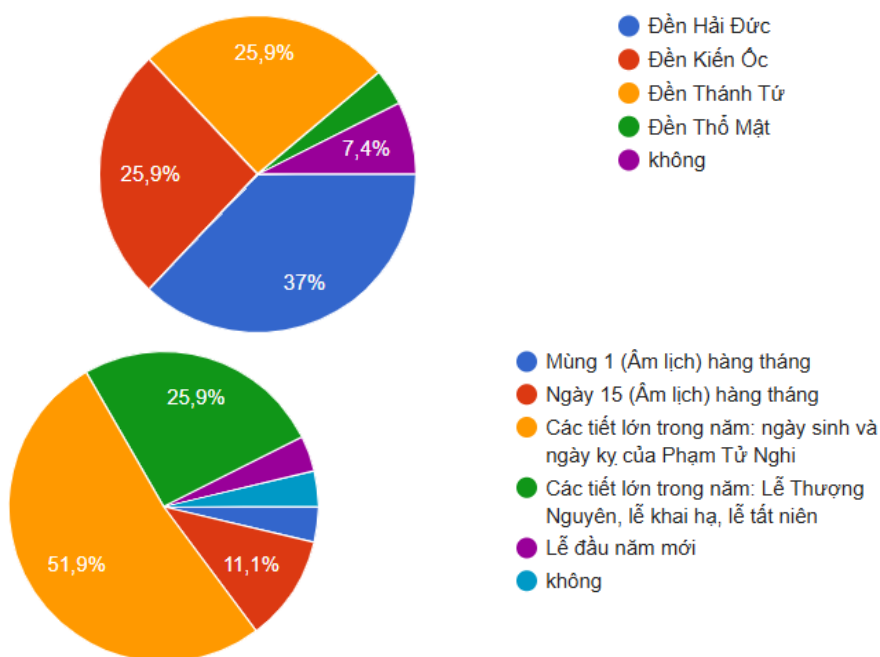
Hình 2.9. Biểu đồ hiểu biết về Phạm Tử Nghi

GV có nhận thức tương đối rõ về thân thế và công lao của danh nhân Phạm Tử Nghi, đa số chọn mức “hiểu rõ” hoặc “biết tương đối”. Điều này cho thấy di

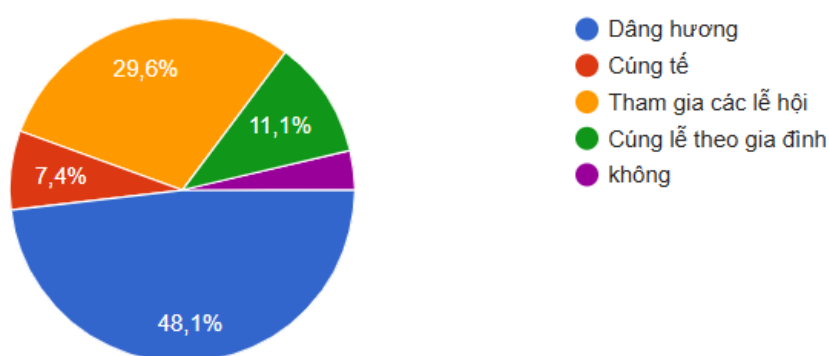
sản gắn với nhân vật lịch sử đã được đưa vào nội dung giáo dục chính khóa, góp phần củng cố kiến thức lịch sử địa phương trong nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ “biết ít hoặc mơ hồ”, thể hiện sự chênh lệch nhận thức giữa các thế hệ giáo viên hoặc giữa các bậc học khác nhau.

Về việc tham gia nghi lễ, tần suất và các hoạt động tại đền thờ của GV

Hình 2.10. Biểu đồ tham gia thờ cúng nghi lễ tại các đền của GV



Hình 2.11. Biểu đồ tần suất tham gia các nghi lễ thờ cúng

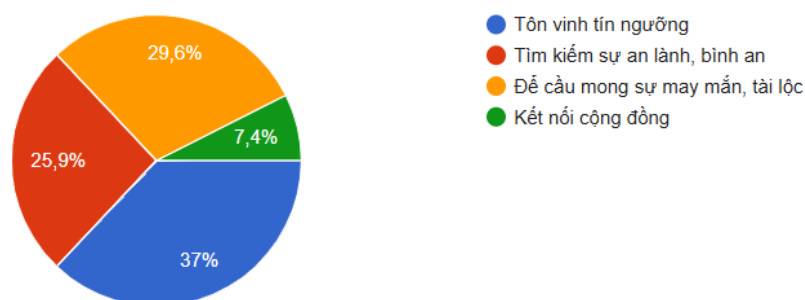


Hình 2.12. Biểu đồ các hoạt động tham gia vào các đền thờ

Các biểu đồ cho thấy GV tham gia các hoạt động dâng hương, dự lễ hội, cúng tế và cúng lễ theo gia đình ở mức độ vừa phải. Dâng hương cá nhân chiếm tỷ lệ cao nhất, trong khi tham gia tổ chức nghi lễ cộng đồng ít hơn. Đây là minh chứng cho sự chuyển đổi từ tín ngưỡng cộng đồng sang tín ngưỡng mang tính cá

nhân hóa, một đặc điểm phổ biến trong đời sống văn hóa đương đại. GV thường tham dự nghi lễ vào các dịp chính lễ trong năm, kết hợp giữa yếu tố tâm linh và giáo dục truyền thống, cho thấy vai trò của họ không chỉ là người học mà còn là người duy trì biểu tượng văn hóa của cộng đồng.

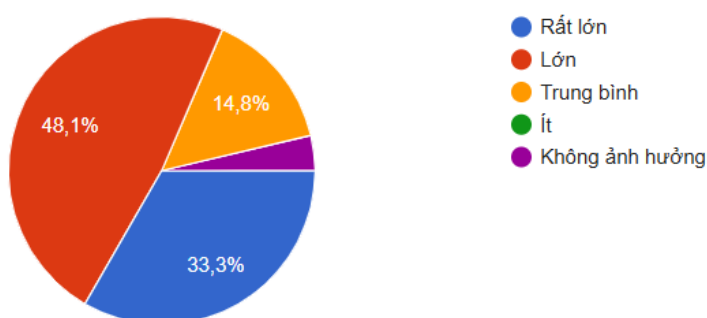
Phản hồi về của GV “mục đích tham gia tín ngưỡng”



Hình 2.13. Biểu đồ mục đích tham gia tín ngưỡng của GV

Phần lớn GV đến đền với mục đích tìm sự bình an và bày tỏ lòng tôn kính đối với danh nhân, một số hướng tới cầu phúc, cầu lộc hoặc kết nối tinh thần cộng đồng. Mục đích mang tính đạo lý và giáo dục chiếm ưu thế, phản ánh đặc trưng của tầng lớp trí thức. GV họ tiếp cận tín ngưỡng với thái độ trang trọng, tri ân và ý thức lịch sử rõ rệt hơn là mục đích cầu tài cá nhân.

Nhận định của GV về sự ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi tới đời sống tinh thần cộng đồng

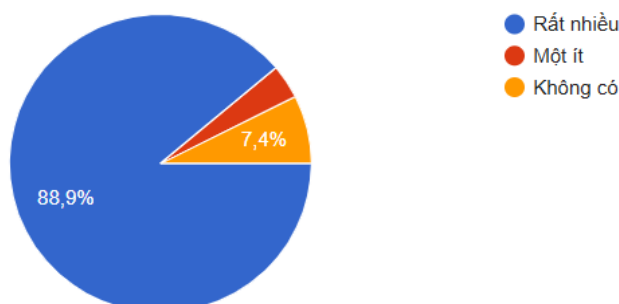


Hình 2.14. Biểu đồ về nhận thức sự ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi tới đời sống tinh thần cộng đồng

Kết quả cho thấy đa số GV thừa nhận tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi có ảnh hưởng lớn (48,1%) và rất lớn (33,3%) đến đời sống tinh thần của cộng đồng, giúp nuôi dưỡng giá trị nhân văn, đạo lý và lòng yêu quê hương. Nhận thức này thể hiện vai trò tích cực của GV trong việc truyền dẫn giá trị văn hóa - lịch sử tới thế

hệ HS, đồng thời cho thấy di sản vẫn giữ sức sống trong tâm thức cộng đồng trí thức địa phương.

Nhận thức của GV về sự gắn kết cộng đồng qua tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi

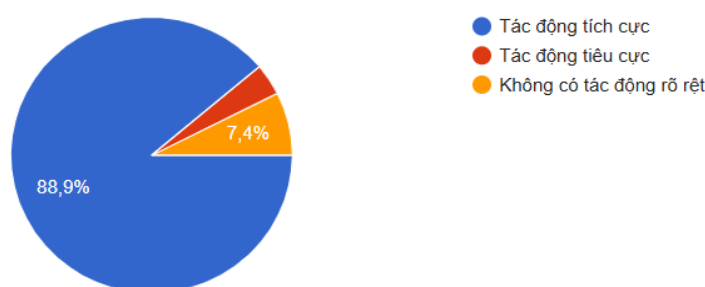


Hình 2.15. Biểu đồ nhận thức về sự gắn kết cộng đồng

Phần lớn (88,9%) GV đánh giá tín ngưỡng này có tác dụng rõ rệt trong việc củng cố tinh thần đoàn kết và gắn bó cộng đồng. Nghi lễ thờ cúng và lễ hội trở thành không gian gặp gỡ, kết nối giữa nhà trường, hs và nhân dân, qua đó tăng cường mối quan hệ giữa giáo dục - văn hóa - xã hội. Đây là cơ sở thực tiễn cho việc đưa giáo dục di sản vào hoạt động sư phạm.

Nhận thức của GV về tác động đến đời sống văn hóa – kinh tế địa phương

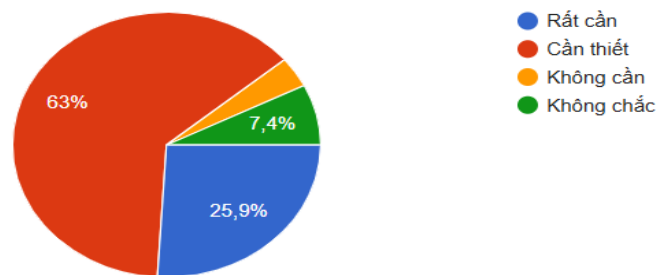
Hình 2.16. Biểu đồ tác động của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi đối với đời



sống văn hóa, kinh tế khu vực Yên Khánh

Đa số GV (88,9%) nhận định lễ hội và tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi có tác động tích cực đến văn hóa - kinh tế Yên Khánh. Hoạt động lễ hội góp phần thúc đẩy du lịch tâm linh, dịch vụ văn hóa và quảng bá hình ảnh địa phương, đồng thời gắn kết giáo dục với phát triển bền vững cộng đồng – hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu di sản hiện nay.

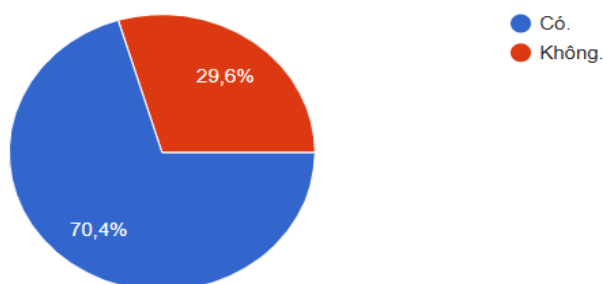
Về quan điểm về bảo tồn và phát triển tín ngưỡng của GV



Hình 2.17. Biểu đồ ý kiến bảo tồn và phát triển tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi

Đa số (63%) và (25,9%), GV cho rằng việc bảo tồn và phát triển tín ngưỡng là cần thiết hoặc rất cần thiết, thể hiện ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của người làm giáo dục. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ còn thiếu rõ ràng về hành động cụ thể, cho thấy cần có chính sách và chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về giáo dục di sản để chuyển hóa nhận thức thành thực tiễn.

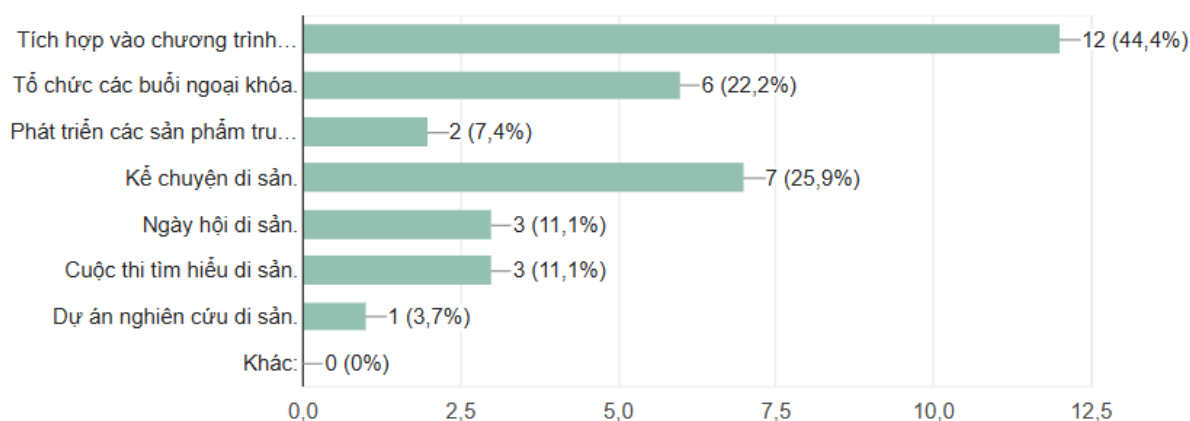
Vấn đề tham gia bảo vệ, gìn giữ di sản



Hình 2.18. Biểu đồ tham gia bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa tại các đền thờ

Có 70,4% số GV có tham gia trực tiếp vào hoạt động bảo vệ, gìn giữ di sản, chủ yếu thông qua hướng dẫn HS, tổ chức ngoại khóa hoặc tuyên truyền văn hóa địa phương. Điều này thể hiện vai trò tiên phong của GV trong bảo tồn di sản phi vật thể, tuy nhiên cũng đặt ra yêu cầu về tăng cường cơ chế phối hợp giữa nhà trường - chính quyền - di tích.

Phản hồi của GV về “*Hình thức giáo dục di sản gắn với các đền thờ Phạm Tử Nghi mà Thầy/cô đã sử dụng trong hoạt động dạy học?*” với kết quả nhận được:



Hình 2.19. Biểu đồ hình thức giáo dục di sản được sử dụng trong dạy học

Kết quả khảo sát cho thấy, trong quá trình giảng dạy, giáo viên (GV) đã vận dụng đa dạng các hình thức giáo dục di sản gắn với đền thờ Phạm Tử Nghi, tuy nhiên mức độ triển khai giữa các hình thức còn chênh lệch đáng kể.

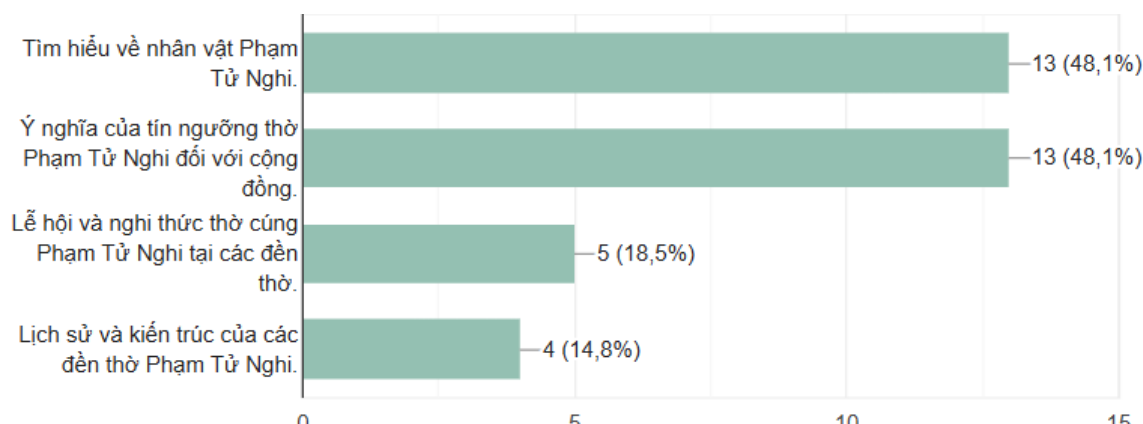
Cụ thể có 44,4% GV tích hợp nội dung di sản vào chương trình chính khóa; 25,9% kể chuyện di sản trong bài giảng; 22,2% tổ chức hoạt động ngoại khóa; 11,1% tổ chức ngày hội di sản hoặc cuộc thi tìm hiểu; 7,4% phát triển sản phẩm truyền thông; và chỉ 3,7% thực hiện dự án nghiên cứu di sản.

Các số liệu cho thấy tích hợp di sản vào dạy học chính khóa là hình thức phổ biến và hiệu quả nhất, thể hiện nhận thức ngày càng rõ của GV về giá trị sư phạm của di sản văn hóa như một nguồn học liệu chân thực, giúp tăng tính trực quan, gắn tri thức với thực tiễn lịch sử địa phương, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục phổ thông 2018.

Tuy nhiên, tỷ lệ GV tổ chức hoạt động ngoại khóa, truyền thông hay nghiên cứu di sản còn thấp, phản ánh việc khai thác di sản vẫn thiên về minh họa tri thức hơn là tổ chức trải nghiệm và sáng tạo văn hóa.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, dù mức độ triển khai còn khác nhau, đa số GV đã thể hiện thái độ tích cực và tinh thần đổi mới trong việc đưa di sản văn hóa vào hoạt động dạy học, qua đó góp phần gắn kết giữa lịch sử dân tộc và không gian văn hóa địa phương, đồng thời tạo nền tảng cho việc hình thành năng lực công dân văn hóa ở HS trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

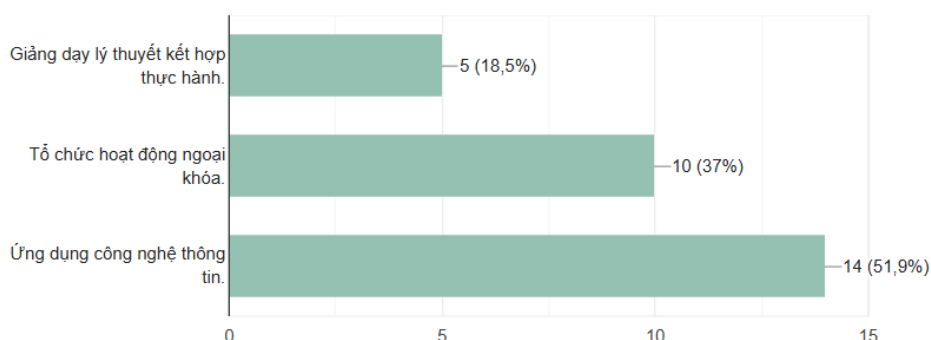
Khi được khảo sát về “*Thầy/cô đã sử dụng nội dung giáo dục di sản nào gắn với các đền thờ Phạm Tử Nghi trong hoạt động dạy học?*” với kết quả nhận được:



Hình 2.20. Biểu đồ nội dung giáo dục di sản được sử dụng trong dạy học

Các nội dung được sử dụng nhiều nhất là tìm hiểu về nhân vật Phạm Tử Nghi và ý nghĩa tín ngưỡng thờ tự (đều 48,1%), cho thấy trọng tâm giảng dạy hướng vào giá trị lịch sử – đạo đức của danh nhân. Trong khi đó, nội dung về nghi lễ, kiến trúc và lễ hội chiếm tỷ lệ thấp, phản ánh thiếu sự đa dạng trong truyền đạt kiến thức văn hóa vật thể và phi vật thể.

Khi được khảo sát về “*Thầy/cô đã sử dụng phương pháp giáo dục di sản nào gắn với các đền thờ Phạm Tử Nghi trong hoạt động dạy học?*” với kết quả nhận được:



Hình 2.21. Biểu đồ phương pháp giáo dục di sản được sử dụng trong dạy học

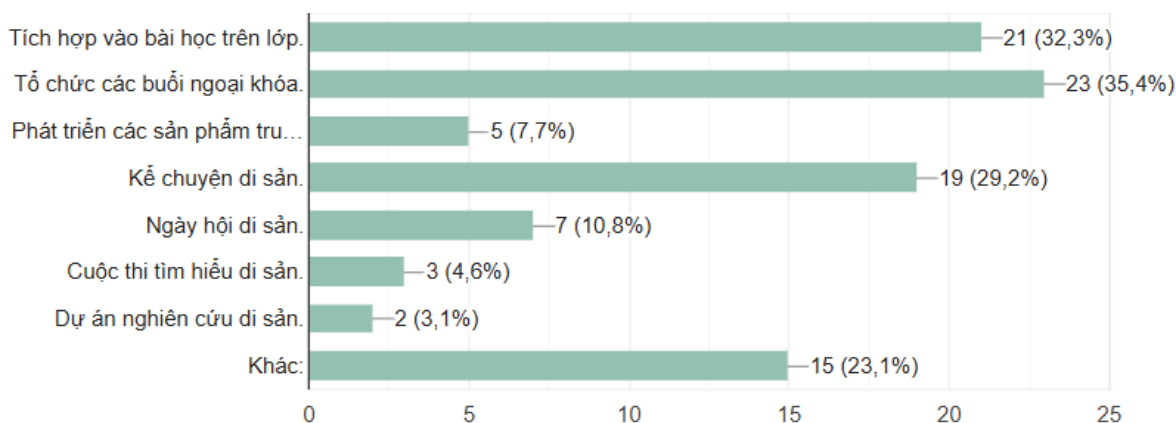
Phương pháp giáo dục di sản được giáo viên sử dụng trong quá trình dạy học đã được áp dụng như có 18,5% giảng dạy lý thuyết kết hợp thực hành; tổ

chức các hoạt động ngoại khóa chiếm 37%; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy học chiếm 51,9%.

Tóm lại, thực tế đã phản ánh một cách toàn diện vai trò kép của đội ngũ giáo viên – vừa là người thực hành tín ngưỡng, vừa là người truyền dẫn giá trị di sản vào môi trường giáo dục. Họ giữ vị trí trung gian giữa nhà trường – di tích – cộng đồng, góp phần duy trì mạch kết nối văn hóa và giáo dục. Tuy nhiên, để phát huy hơn nữa hiệu quả này, cần có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng kỹ năng giáo dục di sản, phát triển học liệu số, và liên kết hoạt động dạy học với không gian di sản thực tế, hướng tới mục tiêu bảo tồn và phát huy di sản Phạm Tử Nghi như một công cụ giáo dục văn hóa – lịch sử bền vững.

Đối với HS

Phản hồi của HS về “*Trong nhà trường, em đã biết đến các đền thờ nhân vật Phạm Tử Nghi thông qua hình thức giáo dục di sản nào mà Thầy/cô đã sử dụng?*” đã nhận được kết quả như sau:

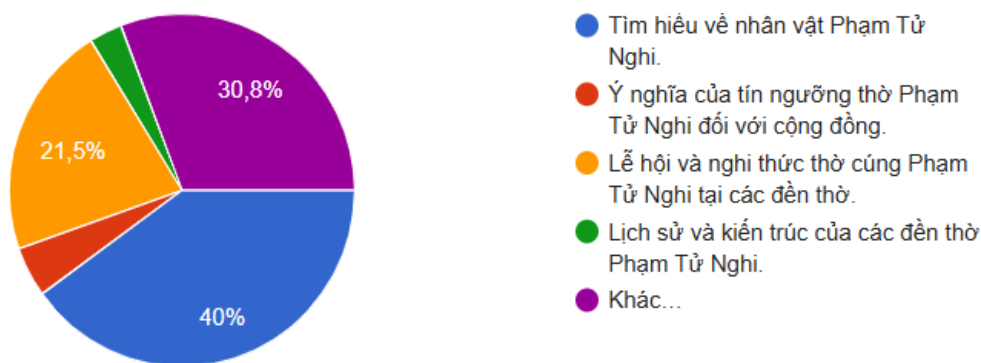


Hình 2.22. Biểu đồ hình thức giáo dục di sản đã được học

Trong quá trình dạy học học sinh được biết đến Phạm Tử Nghi thông qua các hình thức như tích hợp vào bài học trên lớp chiếm 33,3%; có 34,8% giáo viên dùng tổ chức các buổi ngoại khóa; phát triển các sản phẩm truyền thông chiếm 7,6%; kể chuyện di sản chiếm 28,8%; có 10,6% sử dụng hình thức ngày hội di sản; 4,5% tổ chức các cuộc thi tìm hiểu di sản; dự án nghiên cứu di sản chiếm 3%; các

hình thức khác chiếm 22,7% tuy nhiên vẫn chưa nêu rõ các hình thức khác được sử dụng trong quá trình dạy học.

Khi tiến hành khảo sát HS về “*Các em đã được học nội dung giáo dục di sản nào gắn với đền thờ Phạm Tử Nghi ở địa phương*” đã nhận được ý kiến khảo sát như sau:



Hình 2.23. Biểu đồ nội dung giáo dục di sản đã được học

HS được GV tổ chức trải nghiệm về nhân vật Phạm Tử Nghi như tìm hiểu về nhân vật Phạm Tử Nghi chiếm 39,4%; HS học về ý nghĩa của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi đối với cộng đồng chiếm 4,5%; có 21,2% học sinh được GV dạy về lễ hội và nghi thức thờ cúng Phạm Tử Nghi tại các đền thờ; 4,5% học sinh được học về lịch sử và kiến trúc của các đền thờ Phạm Tử Nghi; còn lại 30,3% là nội dung giáo dục khác nhưng không được nêu rõ.

2.2.3. Thực hành tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi tại địa phương

* *Đối với nhân dân xã Khánh Trung*

Theo lời kể của ông Nguyễn Kim Trọng (Ban kiến thiết) và Bà Rệu [PL1.2.1, 1.2.2] các ngày lễ lớn trong năm (tính theo âm lịch) tại các tiết lớn: Giao thừa, rằm tháng giêng, Đản sinh (2/2), Giỗ mẫu (3/2), Nhập hạ (1-15/4), Tán hạ (1-15/6), Mộc dục (1-15/11), Tắt niên (cuối tháng Chạp) [PL 1.1.10, 1.1.11, 1.1.12, 1.1.13].

Thủ nhang đền Kiến Ốc (bà Rệu) cho biết về bài văn chính tế Đản sinh Thánh Tử dương hầu năm 2025 với nội dung: “*Phò mã Đô úy thái uy Phạm tướng quân húy Thánh tự Tử Nghi nguyên tặng Lưỡng quốc thượng đẳng thần hiển linh*

*cảm ứng hoàng mô khuông hựu./ Đương quốc Tử dương hầu thiêng quốc công
Nam Dương đông đạo nguyên sai tổng lương quốc tiết chế kiêm các sứ thủy bộ
binh mã chư sinh./ Thập bát long thần giá nam chân tế liệt vị thánh chúng thánh
tiền vị tiền cung duy./ Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn thiên thủ thiên nhãn
linh cảm Quan thế âm bồ tát hồng liên tọa hạ./ Cảm minh cáo vu kính phụng nam
mô Phật vương vô lượng thường trụ tạo bảo liệt vị thánh hiền kim liên tọa hạ./
Nam phụ lão ấu thân biến hộ rịch đồng bản làng cần phụng phúc lang thanh trước
hàn âm minh tư bạch duy khiết sinh thứ phẩm chi nghi./ Ninh Bình tỉnh Yên Khánh
huyện Khánh Trung xã Kiến Ốc thôn hương dân bản làng lệ hữu đáng nhật khiết
thuộc xuân thiên kính kị Dẫn sinh./ Duy cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thất
thập cửu niên tuế thứ giáp thìn kiến nghị nguyệt đình mào việt sở nhị nhật giáp
tuất sóc.”*

Bài văn tế Dẫn sinh tại đền Kiến Ốc thể hiện tấm lòng tri ân sâu sắc của nhân dân Khánh Trung đối với Thái úy Phạm Tử Nghi, vị tướng tài triều Mạc được tôn xưng là “Lương quốc thượng đẳng thần, Dực bảo Trung hưng”. Nội dung bài tế ca ngợi công lao của ông trong giữ nước, an dân, khai khẩn đất đai và bảo vệ biên cương, đồng thời khẳng định sự hiển linh, phù hộ của ngài đối với dân làng. Ngôn ngữ bài tế kết hợp giọng điệu trang nghiêm của lễ nghi Nho - Phật - Thần, thể hiện rõ tín ngưỡng dân gian hòa quyện với tinh thần yêu nước và đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Qua lễ Dẫn sinh, nhân dân Kiến Ốc không chỉ tưởng niệm ngày sinh của vị anh hùng - hiển thánh, mà còn khẳng định truyền thống tôn vinh nhân thần, cố kết cộng đồng và gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương.

Như vậy, thực hành tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi ở đền Kiến Ốc, đền Thánh Tứ, đền Đông Thổ Mật, đền Hải Đức tại địa phương các xã đã góp phần quan trọng vào việc bảo tồn giá trị của di tích lịch sử văn hóa.

*** Đối với nhân dân xã Khánh Mậu**

Tín ngưỡng của nhân dân thôn 9, Khánh Mậu (Đền Tử dương hầu) còn lưu truyền rằng: phần lớn diện tích đất đai Khánh Mậu trước đây là biển cả, người dân cần cù lao động nhưng vẫn phải sống trong cảnh bần cùng do thường xuyên bị nạn lụt hoành hành. Có lần đi qua vùng đất này, thấu hiểu được sự khổ cực của

người nông dân, Phạm Tử Nghi đã cùng họ quai đê lấn biển để ngăn mặn, lấy đất cho dân cày cấy. Lúc đầu, các làng mới có ở ven đê Hồng Đức, sau đó cứ theo chân sóng tiến dần về phía biển. Và cứ như thế làng, xã ngày càng phát triển, dân cư đông đúc, trù phú như ngày nay. Khi ông mất, để tỏ lòng biết ơn người đã có công giúp dân dựng làng giữ nước, nhân dân đã lập đền thờ ông. [5, tr4 - 5]

Theo niềm tin đó, các hình thức sinh hoạt dân gian lễ hội trong dân gian được thực hành sôi nổi [PL 2.1.7, 2.1.8, 2.1.9]; tương truyền, trước đây mỗi dịp làng tổ chức vào đám, tại di tích có tế lễ 7 ngày với các trò chơi như: tổ tôm, cờ người, chơi đu, hát chèo, leo cầu phao, chơi cướp cờ... Hiện nay, tại di tích có các ngày lễ lớn sau: Ngày mùng 2 tháng 1: Tế khai Xuân; ngày 15 tháng 4: Lễ cầu mát; ngày 15 tháng 7: Lễ tán hạ; ngày 15 tháng 9: Tế lễ nhân ngày kỵ của đức Thánh; ngày 14 tháng 12: Lễ Mộc dục

Theo lời kể của ông Lê Đình Cẩn cho biết : *“Trong các ngày lễ như: tế khai Xuân, Lễ cầu mát, Lễ tán hạ...dân trong làng làm cỗ xôi thịt mang ra cúng thần tại đền. Riêng ngày sinh và ngày kỵ của thánh, dân làng tổ chức tế lễ rất linh đình.”* [PL 2.2.1]

Ngày lễ chính tế và tế tạ, từ sáng sớm, dân làng nghiêm trang khởi hành về đền, đi đầu là cờ lọng rồi tới phường bát âm, đến bảng văn trên đặt văn tế, tiếp đến là lễ vật, quan viên hành lễ và đoàn người nối nhau đi. Khi đến đền, dân làng tập trung ở sân để ngồi thị lễ. Ông chủ tế và đội tế vào đền dâng ba tuần rượu: tuần sơ, tuần á, tuần trung. Mỗi tuần rượu kéo dài trong khoảng 30 - 45 phút. Sau khi ban lễ tế xong, dân làng lần lượt vào tế thánh. [17, tr8]

*** Đối với nhân dân xã Khánh Hồng**

Đền Đông Thổ Mật là nơi sinh hoạt tín ngưỡng quan trọng của người dân Khánh Hồng [PL 3.1.5, 3.1.6, 3.1.7, 3.1.8]. Theo ông Phạm Văn Mười và ông Phạm Văn Dũng [PL 3.2.1] cho biết: Nghi lễ thường niên, ngày thắp hương hai chiều, trừ mùa hạ thắp hương ba chiều: sáng, trưa, tối. Vào các ngày: ngày 1, 15 hàng tháng lễ chân tửu tại vị; Kỵ thánh ngày 14 tháng 9 có tế nam quan, nữ quan; ngày 11 tháng 3 ngày hóa của mẫu, ở đền Tây mở hội, đền Đông Thổ Mật, đội tế rước ngai và bát hương từ đền thánh Tứ sang đền thánh mẫu cùng tế lễ.

Hiện nay, tại đền Thổ Mật còn lưu giữ được bài văn cúng thánh như sau:

“Duy...Kiến...Sóc...Việt...Ninh Bình tỉnh, Yên Mô huyện, Thổ Mật tổng, Thổ Mật xã. Hợp đồng thôn nội chư lão thành, chư gia, chư nhân, nam phụ lão ấu cự tiểu đẳng.

Cần dĩ...Kim ngân, sinh lễ phù lang thanh tửu, hương nạp phẩm vật cảm chiêu cốc vu. Đương cảnh thành hoàng, đông đảo tiết chế, kim chi thủy bộ, thuộc nội chi dinh Tứ Dương hầu thành quốc công. Sắc phong lưỡng quốc hiển thánh, chiêu linh cảm ứng hoàn mô khuông hựu, quang úy trác vĩ. Dực bảo Trung hưng thượng đẳng thần. Tôn thân Mạc triều bình tiết ngoại quốc chiến qua danh nam bắc, trấn uy sơn hà, thời lâm thu tiết liệt, hữu kỳ hòa ngưỡng kỳ đại đức giám lâm, phúc kiến quân chiêm ư hợp cảnh thứ đắc đại điền đa giá phong nhượng toại bá vị thời ca thực lại, tôn thân chi bảo hựu. Tôn thân vị quán miếu đường, chức lãng kỳ nhất đại danh thần, thiên thu chính khí. Bảo quốc hộ dân, Nam Thiên cộng hưởng kỳ linh thanh phụ ảnh y quan, dân xã cửu chương kỳ tự sự, tư thích thu thiên cung lâm thánh húy. Kính trần phi lễ thức chiêu kỳ niệm, tri khốn thân ngưỡng vọng giám lâm tích dĩ bình khang tri phúc lý.

Thượng hưởng.

Kính phụng văn võ quan liêu, hội đồng sứ giả, liệt vị vũ sỹ tướng quân đồng cách phụ. /Cẩn cáo.” [18, tr8 - 9]

Bài văn tế tại đền Thổ Mật thể hiện tấm lòng tri ân và tôn kính của nhân dân đối với Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, vị tướng tài triều Mạc được phong là “Lưỡng quốc hiển thánh - Dực bảo Trung hưng thượng đẳng thần.” Ngôn từ trang trọng, kết hợp yếu tố lễ nghi - đạo lý - lịch sử, nêu bật công lao của ông trong giữ nước, bảo dân, trấn an biên cương và khai mở vùng đất Ninh Bình. Bài tế không chỉ khẳng định đức độ, trí dũng và khí tiết trung nghĩa của Phạm Tử Nghi, mà còn phản ánh niềm tin dân gian về sự hiển linh, phù hộ độ trì của ông đối với quốc thái dân an. Qua đó, văn tế mang ý nghĩa giáo dục truyền thống yêu nước, tôn vinh nhân thần và củng cố bản sắc tâm linh - văn hóa cộng đồng làng Thổ Mật.

*** Đối với nhân dân xã Khánh Cường**

Đối với nhân dân Khánh Cường, hàng năm theo lịch âm vào “...ngày rằm tháng Giêng, đám Hải Đức tập trung tại đền tế lễ, kết hợp lễ đầu năm, cầu một năm

mới gia đình an khang thịnh vượng, mùa màng tốt tươi. Quy trình tế lễ diễn ra như sau: Đầu tiên là kiểm soát lễ vật. Lễ vật gồm lễ chay (hương hoa, sớ) và lễ mặn (xôi, thịt). Bắt đầu tế lễ, chủ tế dâng 1 tuần hương, 3 tuần rượu. Tiếp đó, đội tế nam quan, đội tế nữ quan và đội bát âm của “đám” cử hành nghi lễ. Cuối cùng, chủ tế đọc chúc văn và hóa chúc văn. Sau đó, tư gia dâng lễ (nếu có). Sau khi tế lễ, “đám Hải Đức” tổ chức ăn uống, thụ lộc tại đền”. [19, tr8]

Theo bác Hoàng Văn Tám chủ từ tại đền Hải Đức cho biết việc thờ cúng Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi ngoài các tiết chính còn có các: “Tiết thanh minh. Lễ vào hạ, lễ ra hạ (theo tiết). Ngày kỵ Thánh Tứ Dương hầu: Ngày 14 tháng 9. Thời gian diễn ra trong 1 ngày, quy trình tế lễ như lễ rằm tháng Giêng. Ngày kỵ thánh Tản Viên: Ngày 20 tháng 10. Lễ Trừ tịch: Đêm giao thừa. Ngoài các ngày lễ chính trong năm như đã đề cập ở trên, tại di tích, hàng ngày vẫn bố trí người hương khói. Vào dịp lễ tết, các ngày rằm, ngày mùng một hàng tháng, nhân dân trong xóm, trong vùng đến đền thắp hương cầu may.”

Ông Nguyễn Ngọc Châu trưởng ban kiến thiết đã cung cấp về bài văn tế của đền Hải Đức:

“Duy Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Ninh Bình tỉnh. Yên Khánh huyện Khánh Cường xã Phụng Công thôn tuế thứ niên nguyệt nhật./ Bàn đám Hải Đức. Tế chủ tư văn Khánh tiết hiệp thừa kỳ lão chư gia Chư nhân dân Đồng đám đẳng/ Thành tâm cấn phụng phù lang hương tửu. chúc phong, tư thành. hoa quả duyên tư lễ hữu nghệ miếu đường cung thần bái đảo/ Thiên tiên Phật thánh Cảm minh Cáo vu. Cung duy/ Đức tảo viên Sơn thánh Tam tiên Quốc chủ Đông quang Hiển ứng dực thuận Sắc phong Long động Hậu trạch hồng hy Tụy linh Cảnh sáng Tuấn tĩnh Tước phong/Các tĩnh gia tặng Dực bảo Trung hưng thượng thượng Đẳng thần vị vị tiên/ Đức Thánh Dương quốc Tử dương hầu Thiêng quốc công Nam dương Đông đạo Nguyên soái Lưỡng quốc tiết chế kiêm các sứ thủy bộ binh mã chư rinh Đô úy/ Thái úy dực bảo trung hưng Phạm tướng công tự tử nghi nguyên tặng lưỡng quốc thượng đẳng thân chiêu linh cảm ứng hoành mô khuông hựu gia phong quảng úy/ Gia tăng trác vĩ thượng thượng đẳng thân vị vị tiên/ Viết kỳ rinh rã anh kỳ tự rã lịch dịch hồ chi hóa giả vạn thể chi danh thượng thân hải hà dục

*tú sơn lạc/Trung anh Thánh thần văn vũ chính trực thông minh Vĩ đại kinh thiên
tài kiêm văn vũ dư mộc dịch tương úy chấn đế đỉnh thử hồi dương quốc đại vương/
Vĩ vi công nghiệp chân thị trung thần hiếu, tử hiển hách quyết thanh tự tương bản
bộ gia bình nhất chiến phục đông tây chi quảng thị rỹ đệ niên quốc tế/ Thiên thu
lưu hương hỏa chi tình ngọt kim thể tự tuy viễn tự điển khả tâm thời duy/phục lâm
thứ cơ tại chỉ phủ dám đan thâm hâm mộ cao phong quốc lạc khởi tình hộ thể
đồng chiếu giám cung vọng/ Tả hữu văn vũ chư vị thần linh bản Đền thần huệ đại
vương long mạch hậu thổ tôn thần lịch đại khoa đài hào trưởng chư tiên linh chân
linh/ Liệt sĩ bản đấm bản phường hạ ban quan tướng đồng lai phụ hưởng phục
vọng/ Dương dương tại thương thần hiển ư trúc đạt chi công/ Trạc trạc quyết linh
đại táo. hoãn trờ tai chi lực/ Thông minh chính trực bảo tư nhân khang vật thịnh
Xử tứ phương chi an tĩnh rĩ an ninh tứ thời. Vô hạn ách bát tiết hữu tình tường
chi khánh/ Bản đấm bản phường chư gia chư nhân bình an khang thái tài lộc
phong hanh thực lại chư vị mặc cảm mặc tướng âm phù chi đức rã. Cẩn cáo!”*

Chúng ta nhận thấy, trong đời sống tinh thần của nhân dân xã Khánh Cường, Phạm Tử Nghi giữ vai trò trung tâm tín ngưỡng và biểu tượng văn hóa - lịch sử. Ông không chỉ được tôn thờ như vị anh hùng có công khai hoang, bảo vệ dân làng, mà còn được nhân dân suy tôn là Thánh Tứ Dương hầu, vị thần phù hộ cho quốc thái dân an. Các lễ hội hằng năm như Rằm tháng Giêng, lễ kỵ ngày 14 tháng 9 âm lịch, lễ Trừ tịch... được tổ chức trang trọng, phản ánh truyền thống tri ân, tưởng nhớ công đức của bậc tiền nhân. Thông qua các nghi thức tế lễ, diễn xướng và sinh hoạt cộng đồng tại đền Hải Đức, hình tượng Phạm Tử Nghi đã trở thành biểu tượng cổ kết cộng đồng, giáo dục đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, đồng thời góp phần duy trì bản sắc văn hóa và niềm tin tâm linh bền vững của nhân dân Khánh Cường.

2.2.4 Đánh giá chung về vai trò của Phạm Tử Nghi trong đời sống tinh thần của dân Yên Khánh

Một là, hình tượng Phạm Tử Nghi không chỉ được tôn thờ tại các đền, mà còn được đưa vào môi trường giáo dục, đặc biệt thông qua đội ngũ giáo viên địa phương. Khảo sát cho thấy hơn 80% giáo viên hiểu rõ và đánh giá cao vai trò của

danh nhân này, coi đây là một nguồn tư liệu quý cho giáo dục lịch sử - đạo đức - truyền thống yêu nước. Nhiều hình thức giáo dục di sản đã được áp dụng: tích hợp trong bài học, kể chuyện di sản, tổ chức ngoại khóa, dự án nghiên cứu... Điều này khẳng định Phạm Tử Nghi trở thành biểu tượng sư phạm, giúp học sinh hiểu về lịch sử quê hương và hình thành lòng tự hào dân tộc.

Hai là, Phạm Tử Nghi là biểu tượng tinh thần và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của người Yên Khánh. Qua kết quả khảo sát, có thể thấy tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi vẫn giữ vị trí trung tâm trong đời sống tâm linh - văn hóa của cộng đồng Yên Khánh. Dù mức độ tham gia nghi lễ có xu hướng giảm do ảnh hưởng của hiện đại hóa, đa số người dân (hơn 85%) vẫn thừa nhận tín ngưỡng này có ảnh hưởng từ trung bình đến rất lớn đối với đời sống tinh thần. Điều đó chứng tỏ rằng hình tượng Phạm Tử Nghi không chỉ tồn tại trong ký ức lịch sử mà còn trở thành một biểu tượng văn hóa – tâm linh, kết nối giữa con người hôm nay với truyền thống “tri ân danh nhân”, “tôn vinh người có công với nước”.

Ba là, tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi có thể coi một trụ cột văn hóa cộng đồng. Tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi đã và đang thực hiện chức năng gắn kết xã hội mạnh mẽ. Có đến 92,1% người dân khẳng định tín ngưỡng này giúp củng cố sự đoàn kết cộng đồng, trở thành “chất keo tinh thần” nối kết các thế hệ trong làng xã. Thông qua các lễ hội, nghi lễ và hoạt động cúng tế, cư dân cùng nhau tưởng niệm, tri ân, đồng thời củng cố mối liên hệ giữa con người – cộng đồng – lịch sử. Đây chính là chức năng xã hội - văn hóa đặc biệt của tín ngưỡng dân gian, góp phần duy trì sức sống văn hóa làng quê trong bối cảnh hiện đại.

Bốn là, tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi như cầu nối giữa văn hóa và phát triển. Với khoảng 70% người dân và gần 90% giáo viên được khảo sát cho rằng tín ngưỡng này có tác động tích cực đến phát triển văn hóa – kinh tế địa phương. Lễ hội gắn với danh nhân trở thành nguồn lực du lịch tâm linh, góp phần quảng bá hình ảnh Yên Khánh, thúc đẩy dịch vụ văn hóa và sinh kế cộng đồng. Có thể nói, Phạm Tử Nghi không chỉ là một nhân vật lịch sử được tưởng niệm, mà còn

là nguồn tài nguyên nhân văn, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của địa phương.

2.4. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa tại các di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi ở huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

2.4.1. Cơ sở pháp lý để bảo tồn

Thứ nhất, Luật Di sản văn hóa năm 2024, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2024 là cơ sở pháp lý cao nhất điều chỉnh việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam, theo đó “xác định di sản văn hóa gồm hai loại: vật thể (di tích, danh lam thắng cảnh, cổ vật, bảo vật quốc gia...) và phi vật thể (ngôn ngữ, tín ngưỡng, lễ hội, tri thức dân gian, nghề thủ công...);

Luật quy định: nguyên tắc quản lý: mọi di sản trên lãnh thổ Việt Nam đều phải được bảo vệ và phát huy giá trị; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích quốc gia, cộng đồng và cá nhân; giữ gìn yếu tố gốc, tính nguyên bản của di tích và di sản.

Chính sách của Nhà nước: Ưu tiên ngân sách cho di sản có giá trị đặc biệt, di sản vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo; khuyến khích xã hội hóa, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, và thành lập Quỹ bảo tồn di sản văn hóa ở trung ương và địa phương.

Quyền và trách nhiệm: Cộng đồng, tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, khai thác, sử dụng di sản hợp pháp; đồng thời có nghĩa vụ bảo vệ, ngăn chặn xâm hại, báo cáo và giao nộp hiện vật khi phát hiện.

Bảo vệ và phát huy: Di sản được kiểm kê, lập hồ sơ, ghi danh trong Danh mục quốc gia hoặc UNESCO; quy định cụ thể việc tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích phải dựa trên cứ liệu khoa học và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Hành vi bị cấm: Chiếm đoạt, xâm hại, làm sai lệch, mua bán trái phép, phục dựng không đúng nguyên gốc, hoặc lợi dụng di sản để trục lợi, xuyên tạc. Luật 45/2024/QH15 là nền tảng pháp lý toàn diện cho công tác bảo tồn di sản, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ hai, Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình) Phê duyệt đề án “bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư” Giai đoạn 2021 - 2030.”

“Giai đoạn 2021-2025

- Hoàn thành nghiên cứu, khai quật khảo cổ học và triển khai xây dựng công viên Khảo cổ học tại Khu di tích đặc biệt Cố đô Hoa Lư.

- Hoàn thành hệ thống hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa dữ liệu về di tích, di sản văn hóa phi vật thể, tư liệu, tài liệu thư tịch cổ, số hóa tài liệu, hiện vật tại bảo tàng tỉnh, thư viện tỉnh và thực hiện ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của Bảo tàng tỉnh, Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư và Thư viện tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2045; Kế hoạch tổng thể quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Núi Non Nước; xây dựng quy hoạch đối với các di tích đã xếp hạng, đặc biệt là di tích thuộc khu vực Cố đô Hoa Lư và vùng phụ cận.

- Suru tầm bổ sung tài liệu, hiện vật phục vụ công tác trưng bày tại Nhà bảo tàng mới và nghiên cứu khoa học tại bảo tàng.

- Thực hiện tu bổ, tôn tạo 80 di tích đã được công nhận xếp hạng.

- Xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng từ 40 đến 50 di tích.

- Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp bảo tồn, phát huy giá trị đối với các bảo vật quốc gia; nghiên cứu, xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận bảo vật quốc gia đối với ít nhất 01 hiện vật có giá trị đang được lưu giữ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hồ sơ và đề nghị ghi danh là di sản văn hoá phi vật thể quốc gia đối với 03 di sản.

- Đẩy mạnh thực hiện bảo tồn, phát huy giá trị đối với các loại hình nghệ thuật truyền thống trên địa bàn tỉnh như hát Chèo, hát Xẩm, hát Văn...

- Suru tầm, biên dịch, biên soạn, xuất bản từ 1 đến 3 bộ sách chuyên đề về di sản văn hóa Ninh Bình.

- Tổ chức sản xuất từ 25 đến 35 tập phim tài liệu giới thiệu các giá trị di sản văn hóa của Ninh Bình; tổ chức sản xuất và phổ biến phim hoạt hình Danh nhân Ninh Bình.

- Hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Nhà bảo tàng và Thư viện tỉnh.”[24, tr4 - 5]

Đề án có vai trò trụ cột và định hướng chiến lược trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử – văn hóa của tỉnh Ninh Bình. Trước hết, đề án tạo ra khung chính sách thống nhất, giúp các cấp, các ngành có căn cứ pháp lý và định hướng cụ thể để thực hiện nhiệm vụ bảo tồn di sản trong mối quan hệ hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Thứ hai, đề án góp phần khắc phục những hạn chế lâu nay trong công tác quản lý và khai thác di tích: tình trạng xuống cấp, xâm hại di tích, hoặc việc phát huy giá trị di sản chưa tương xứng với tiềm năng. Thông qua các kế hoạch tu bổ, tôn tạo và số hóa dữ liệu di tích, đề án giúp chuẩn hóa công tác quản lý, đồng thời tạo cơ sở dữ liệu khoa học phục vụ nghiên cứu và quảng bá di sản. Thứ ba, đề án xác định rõ việc gắn bảo tồn di tích với phát triển du lịch bền vững, biến các di tích lịch sử – văn hóa thành điểm nhấn trong phát triển kinh tế - du lịch, qua đó tạo sinh kế và nâng cao ý thức cộng đồng về giá trị văn hóa quê hương. Các di tích như Cố đô Hoa Lư, Tràng An, Non Nước, Bích Động – Tam Cốc, nhà thờ đá Phát Diệm... được định hướng bảo tồn có hệ thống và khai thác hợp lý, vừa bảo đảm tính nguyên gốc, vừa đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu, giáo dục truyền thống. Về lâu dài, đề án có vai trò kết nối quá khứ – hiện tại – tương lai, làm sống dậy các giá trị lịch sử, nhân văn của Ninh Bình trong dòng chảy văn hóa dân tộc. Nhờ đó, hệ thống di tích trên toàn tỉnh không chỉ được bảo vệ, phục hồi mà còn trở thành nguồn lực tinh thần và vật chất thúc đẩy phát triển bền vững, góp phần khẳng định vị thế của Ninh Bình như một trung tâm văn hóa – du lịch trọng điểm quốc gia.

Thứ ba, các di tích đền thờ Phạm Tử Nghi đã được xếp hạng di tích cần được thường xuyên chăm sóc bảo tồn giá trị lịch sử, văn hóa đối với các di tích. Các di tích được xếp hạng: đền Kiến Ốc (di tích xếp hạng cấp Quốc gia năm

1996), đền Thánh Tứ (di tích xếp hạng cấp tỉnh năm 2004), đền Thổ Mật (di tích xếp hạng cấp tỉnh năm 2005), đền Hải Đức (di tích xếp hạng cấp tỉnh năm 2010)

2.4.2 Giải pháp bảo tồn giá trị di tích

Các giải pháp bảo tồn được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của Luật Di sản năm 2024, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương

a) Nâng cao nhận thức và giáo dục di sản trong cộng đồng

Giải pháp đầu tiên và mang tính nền tảng là tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về giá trị lịch sử – văn hóa của di tích thờ Phạm Tử Nghi. Chính quyền địa phương, ngành giáo dục và các tổ chức đoàn thể cần phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng thông qua các phương tiện truyền thông, pano, áp phích, tọa đàm, và sinh hoạt chuyên đề.

Đặc biệt, cần lồng ghép nội dung giáo dục truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và kiến thức về thân thế, sự nghiệp của danh nhân Phạm Tử Nghi vào các tiết học lịch sử, hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm thực tế của học sinh trên địa bàn. Việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về danh nhân, các buổi nói chuyện truyền thống, tham quan di tích sẽ giúp thế hệ trẻ hình thành ý thức tự hào và trách nhiệm trong việc gìn giữ di sản quê hương.

Song song đó, cần nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của tín ngưỡng trong đời sống văn hóa – tinh thần, giúp họ hiểu rằng việc thực hành thờ tự không chỉ là niềm tin tâm linh cá nhân mà còn là hành vi bảo tồn ký ức lịch sử và bản sắc cộng đồng.

b) Bảo tồn vật thể và nghi lễ phi vật thể gắn với di tích

Công tác bảo tồn di tích phải được thực hiện một cách khoa học, có kế hoạch, đảm bảo hài hòa giữa yếu tố truyền thống và yêu cầu phát triển hiện đại. Trước hết, cần tiến hành kiểm kê, đánh giá hiện trạng, tu bổ, tôn tạo các hạng mục kiến trúc của đền thờ Phạm Tử Nghi, chú trọng giữ nguyên các yếu tố gốc về kiến trúc, vật liệu, và cảnh quan không gian thiêng.

Song song với việc bảo tồn vật thể, cần quan tâm đến việc gìn giữ và phục hồi các nghi lễ, lễ hội truyền thống gắn liền với danh nhân. Cụ thể, nên khôi phục các nghi lễ dâng hương, tế lễ vào ngày sinh, ngày mất, lễ Thượng Nguyên, lễ Khai

hạ... theo đúng nghi thức cổ truyền. Chính quyền địa phương phối hợp với ban quản lý di tích và các dòng họ tổ chức lễ hội thường niên, đảm bảo tính trang nghiêm, tiết kiệm, đồng thời tạo không gian sinh hoạt văn hóa cho nhân dân.

Bên cạnh đó, cần đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ kế cận am hiểu nghi thức truyền thống, để đảm bảo tính kế thừa trong tri thức dân gian và phong tục thờ tự. Việc bảo tồn phi vật thể không chỉ dừng ở việc duy trì nghi lễ, mà còn là duy trì tinh thần tri ân, lòng trung nghĩa và đạo lý truyền thống trong cộng đồng.

c) Phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch văn hóa

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, bảo tồn di sản cần gắn liền với phát triển kinh tế – xã hội địa phương. Việc phát huy giá trị di tích thông qua du lịch văn hóa – tâm linh là hướng đi phù hợp và bền vững.

Cụ thể, cần xây dựng tuyến du lịch văn hóa – tâm linh Yên Khánh, kết nối đền thờ Phạm Tử Nghi với các điểm di sản và danh thắng trong vùng như cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, đền Nguyễn Công Trứ... Qua đó, hình thành sản phẩm du lịch đặc trưng “Về miền danh nhân Phạm Tử Nghi”, tạo cơ hội để du khách tìm hiểu lịch sử, tham quan di tích, tham dự nghi lễ dâng hương và trải nghiệm văn hóa bản địa.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh quảng bá hình ảnh di tích trên các phương tiện truyền thông và nền tảng số, xây dựng ấn phẩm, video giới thiệu, và tổ chức sự kiện quảng bá văn hóa – du lịch gắn với di tích. Việc kết hợp du lịch và bảo tồn sẽ vừa góp phần bảo vệ giá trị văn hóa, vừa tạo nguồn thu phục vụ phát triển cộng đồng.

d) Huy động nguồn lực xã hội hóa và sự tham gia của cộng đồng

Công tác bảo tồn di sản không thể đạt hiệu quả nếu chỉ dựa vào ngân sách Nhà nước. Do đó, cần huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa, kêu gọi sự tham gia đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức xã hội và con em quê hương đang sinh sống, làm việc trong và ngoài địa phương.

Chính quyền cần tạo cơ chế thuận lợi cho việc xã hội hóa tu bổ, tôn tạo di tích, đồng thời đảm bảo tính minh bạch, công khai và sử dụng đúng mục đích các nguồn quỹ.

Đặc biệt, cần phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng trong quản lý, bảo vệ

và tổ chức hoạt động tại di tích. Người dân phải được coi là người giữ gìn và truyền thừa di sản, chứ không chỉ là người thụ hưởng. Việc phân công các thôn, dòng họ, đoàn thể tham gia trực tiếp vào các phần việc cụ thể (như tổ chức lễ hội, bảo vệ cảnh quan, gìn giữ vệ sinh môi trường quanh di tích) sẽ tạo động lực và ý thức cộng đồng mạnh mẽ hơn. Phát huy vai trò của cộng đồng cư dân bốn xã (Khánh Hồng, Khánh Cường, Khánh Mậu, Khánh Trung) - những chủ thể trực tiếp thực hành tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi - trong việc bảo vệ, gìn giữ và đóng góp công sức, tài chính, vật chất cho hoạt động bảo tồn di tích.

Tổ chức phong trào “*Người Yên Khánh chung tay gìn giữ di sản quê hương*”, vận động công đức tự nguyện bằng nhiều hình thức: quỹ công đức, ngày công lao động, hiến đất, hiến cây, đóng góp vật liệu xây dựng.

Kết nối với cộng đồng người Yên Khánh xa quê đang sinh sống trong và ngoài nước, khuyến khích đóng góp cho Quỹ Bảo tồn di sản Phạm Tử Nghi, đồng thời tham gia truyền thông, quảng bá giá trị di tích ra ngoài địa phương.

Cần tăng cường kết nối giữa Đền Hải Đức (xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, Ninh Bình) với các đền thờ Đức Thánh Phạm Tử Nghi tại Hải Dương và Hải Phòng nhằm hình thành mạng lưới di tích thờ danh nhân trên toàn vùng đồng bằng sông Hồng. Việc liên kết này giúp trao đổi kinh nghiệm bảo tồn, tu bổ, tổ chức lễ hội, đồng thời góp phần xây dựng hồ sơ di sản phi vật thể về tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi, hướng tới công nhận cấp vùng hoặc quốc gia. Bên cạnh đó, có thể phát triển tuyến du lịch tâm linh “*Hành trình theo dấu Đức Thánh Phạm Tử Nghi*”, vừa lan tỏa giá trị lịch sử - văn hóa, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, đưa Đền Hải Đức trở thành trung tâm kết nối quan trọng trong không gian di sản thờ Phạm Tử Nghi.

Tôn vinh, tri ân các cá nhân, tập thể có đóng góp tiêu biểu, thông qua hình thức ghi danh tại đền, khen thưởng hằng năm hoặc truyền thông công khai, nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa trong xã hội.

e) Phát huy giá trị di tích trong giáo dục truyền thống và học tập lịch sử

Xây dựng chương trình giáo dục di sản tại các trường phổ thông và đại học trong tỉnh, đặc biệt là Trường Đại học Hoa Lư, Trường THPT Yên Khánh A - B, với nội dung: “*Danh tướng Phạm Tử Nghi và truyền thống yêu nước vùng Yên Khánh*”.

Tổ chức hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm thực tế như tham quan di tích, dâng hương tưởng niệm, viết cảm nhận, thi tìm hiểu lịch sử địa phương, nhằm giúp HS, sinh viên hiểu sâu sắc hơn về giá trị văn hóa - lịch sử của quê hương.

Biên soạn tài liệu giáo dục địa phương (sách, tập san, tờ rơi, video ngắn) phục vụ giảng dạy Lịch sử - Địa lý, Giáo dục công dân, Văn hóa dân gian; tích hợp nội dung di sản Phạm Tử Nghi trong chương trình “*Giáo dục di sản trong nhà trường*” do Bộ GD&ĐT phát động.

Tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên đề, trại sáng tác cho sinh viên và giảng viên, tạo môi trường nghiên cứu, sáng tạo học thuật về di tích và giá trị văn hóa gắn với nhân vật lịch sử.

f) *Tăng cường nghiên cứu, số hóa và khai thác giá trị giáo dục – nhân văn*

Bảo tồn di sản không thể tách rời công tác nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. Cần tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, hệ thống hóa tư liệu về thân thế, sự nghiệp, văn bia, thần phả, truyền thuyết liên quan đến danh nhân Phạm Tử Nghi để hình thành bộ hồ sơ khoa học hoàn chỉnh phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và quảng bá.

Xây dựng nền tảng số, tích hợp dữ liệu 3D, ảnh toàn cảnh, mô hình kiến trúc, tư liệu lịch sử và âm thanh lễ hội, phục vụ nghiên cứu, giáo dục và quảng bá du lịch.

Triển khai mã QR tại từng di tích, cung cấp thông tin đa ngữ (Việt – Anh - Pháp) về lịch sử, kiến trúc, nhân vật thờ tự, lễ hội và các hiện vật tiêu biểu.

Phát triển ứng dụng (app) du lịch thông minh của huyện Yên Khánh, giúp du khách tra cứu, định vị và trải nghiệm di tích bằng công nghệ thực tế tăng cường (AR/VR).

Xây dựng website và kênh truyền thông số nhằm giới thiệu hình ảnh, video, câu chuyện lịch sử, phỏng vấn nhân chứng và clip lễ hội, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng trẻ.

Kết hợp truyền thông hiện đại với phương tiện báo chí - xuất bản, xuất bản ấn phẩm, góp phần quảng bá sâu rộng hình ảnh di sản.

Bên cạnh đó, cần khai thác giá trị đạo đức – nhân văn của di tích trong công tác giáo dục truyền thống. Hình tượng Phạm Tử Nghi – người trung nghĩa, hiếu học, cống hiến cho quê hương, đất nước – có thể trở thành hình mẫu để giáo dục nhân cách, lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm công dân cho thế hệ trẻ.

2.4.3. Phát huy giá trị của di tích

Phát huy giá trị di sản văn hóa là sự kế thừa, phát triển, khai thác, sử dụng hiệu quả những giá trị của di sản văn hoá trong đời sống hiện tại và tương lai

Giải pháp phát huy giá trị cụm di tích thờ danh tướng Phạm Tử Nghi. Gồm Đền Kiến Ốc, Đền Thánh Tứ, Đền Đông Thổ Mật và Đền Hải Đức là quần thể di sản có giá trị lịch sử - văn hóa tiêu biểu của huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Việc phát huy giá trị di tích cần được thực hiện toàn diện, gắn kết giữa bảo tồn vật thể và phi vật thể, giữa giáo dục truyền thống - du lịch văn hóa - công nghệ truyền thông hiện đại, hướng tới phát triển bền vững.

Trước hết, cần đẩy mạnh khai thác giá trị văn hóa - tâm linh gắn với du lịch cộng đồng. Xây dựng tuyến tham quan “Hành trình di sản Phạm Tử Nghi” kết nối các đền thờ và không gian văn hóa ven sông Đáy, tạo sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng. Các hoạt động lễ hội truyền thống cần được tổ chức định kỳ, bảo tồn nghi thức cổ, đồng thời bổ sung các hoạt động văn hóa - nghệ thuật mang tính giáo dục, thu hút du khách và người dân địa phương.

Thứ hai, phát huy vai trò của di tích trong giáo dục truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc. Tích hợp nội dung về Phạm Tử Nghi vào chương trình “Giáo dục di sản” tại trường học; tổ chức hội thảo, cuộc thi tìm hiểu, tham quan trải nghiệm nhằm lan tỏa tri thức lịch sử – văn hóa đến thế hệ trẻ.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn và quảng bá: xây dựng kho dữ liệu số, mô hình 3D và hệ thống mã QR cho từng di tích; thực hiện số hóa tư liệu, ảnh, phim, hiện vật; kết hợp truyền thông đa phương tiện để lan tỏa giá trị di sản trên quy mô rộng.

Cuối cùng, cần tăng cường xã hội hóa và sự tham gia của cộng đồng, huy động nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp và con em quê hương trong việc tu bổ, trùng tu và tổ chức “Ngày hội Di sản Phạm Tử Nghi”.

Các giải pháp này sẽ góp phần bảo tồn bền vững, phát huy giá trị di tích, khẳng định vị thế của Phạm Tử Nghi trong lịch sử – văn hóa dân tộc, đồng thời nâng cao bản sắc văn hóa Yên Khánh trong thời kỳ hội nhập.

Tiểu kết chương 2

Từ phân tích thực trạng hệ thống di tích và tín ngưỡng thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Qua kết quả khảo sát, có thể nhận thấy rằng tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi giữ vị trí quan trọng trong

đời sống tinh thần của cư dân địa phương, thể hiện ở sự tồn tại của nhiều đền thờ, miếu, lễ hội gắn liền với tên tuổi và công lao của ông. Tuy nhiên, tần suất tham gia các nghi lễ thờ cúng của người dân có xu hướng giảm, mức độ gắn bó giữa các nhóm cư dân và thế hệ có sự chênh lệch đáng kể. Các hình thức thực hành tín ngưỡng ngày càng mang tính cá nhân hóa, trong khi yếu tố cộng đồng và tính thiêng truyền thống có phần phai nhạt. Nguyên nhân xuất phát từ tác động của hiện đại hóa, sự biến đổi trong cơ cấu xã hội nông thôn, ảnh hưởng của các loại hình tín ngưỡng – tôn giáo mới và hạn chế trong công tác tuyên truyền, giáo dục di sản. Bên cạnh đó, nhiều di tích xuống cấp, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa còn thiếu đồng bộ; một số lễ hội tổ chức chưa đúng nghi thức, chưa phát huy được giá trị lịch sử và giáo dục truyền thống. Tuy nhiên, phần lớn người dân vẫn nhận thức rõ vai trò của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi trong việc cố kết cộng đồng, bảo tồn bản sắc và giáo dục đạo lý “uống nước nhớ nguồn”.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hệ thống di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh là một bộ phận cấu thành đặc sắc của không gian văn hóa vùng đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời là minh chứng sinh động cho truyền thống “tôn hiền - thờ trung nghĩa” của cư dân địa phương. Tín ngưỡng thờ danh nhân Phạm Tử Nghi không chỉ phản ánh đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, mà còn góp phần khẳng định bản sắc văn hóa, bồi đắp tinh thần cố kết cộng đồng và giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ sau.

Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, phần lớn người dân vẫn duy trì hoạt động thờ tự và tham gia các nghi lễ tại đền thờ Phạm Tử Nghi, song tần suất và mức độ gắn bó có sự phân hóa giữa các nhóm cư dân và thế hệ. Hình thức thực hành tín ngưỡng đang có xu hướng chuyển từ tính cộng đồng sang tính cá nhân hóa; mục đích hành lễ thiên về cầu an, cầu phúc hơn là tri ân danh nhân. Mặc dù vậy, tín ngưỡng này vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân Yên Khánh, thể hiện tính bền vững của di sản văn hóa phi vật thể trong bối cảnh hiện đại.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy một số vấn đề cần được quan tâm: di tích xuống cấp (đền Hải Đức); công tác quản lý, tổ chức lễ hội còn hạn chế; hoạt động truyền thông và giáo dục di sản chưa sâu rộng; lớp trẻ ở địa phương và người dân trong tỉnh chưa được tiếp cận đầy đủ các giá trị lịch sử – văn hóa của di tích thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi. Trước những biến động của đời sống xã hội và tác động của toàn cầu hóa, việc bảo tồn và phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi trở thành nhiệm vụ cấp thiết, nhằm đảm bảo tính liên tục của ký ức lịch sử và giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương.

2. Kiến nghị

Thứ nhất, đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình phối hợp với các xã có di tích tiến hành kiểm kê, tư liệu hóa và lập hồ sơ khoa học về hệ thống đền thờ Phạm Tử Nghi, làm cơ sở đề nghị ghi danh tín ngưỡng thờ danh nhân Phạm Tử Nghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp tỉnh, tiến tới xếp hạng di

tích cấp quốc gia theo quy định tại Điều 11, 12 và 20 của Luật Di sản văn hóa năm 2024.

Thứ hai, cần xây dựng kế hoạch bảo tồn tổng thể gắn với chương trình phát triển văn hóa – du lịch của địa phương. Việc tu bổ, tôn tạo các di tích xuống cấp phải tuân thủ nguyên tắc bảo tồn nguyên gốc, đảm bảo tính chân xác, đồng thời kết hợp xã hội hóa nguồn lực trong quản lý và trùng tu di tích.

Thứ ba, tăng cường giáo dục di sản và truyền thông văn hóa cộng đồng. Đưa nội dung tìm hiểu về danh nhân Phạm Tử Nghi và hệ thống di tích thờ tự vào chương trình giáo dục địa phương trong các trường học trên địa bàn, kết hợp tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan di tích, tọa đàm lịch sử - văn hóa để hình thành ý thức trân trọng, bảo vệ di sản trong thế hệ trẻ.

Thứ tư, phát huy giá trị văn hóa của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi gắn với phát triển du lịch tâm linh – văn hóa bền vững. Chính quyền địa phương cần định hướng quy hoạch không gian lễ hội, kết nối các điểm di tích trên địa bàn Yên Khánh với các tuyến du lịch của tỉnh Ninh Bình, tạo động lực phát triển kinh tế gắn với bảo tồn di sản.

Thứ năm, tăng cường vai trò của cộng đồng cư dân là chủ thể của di sản trong quản lý, gìn giữ và tổ chức lễ hội. Cần hình thành Ban quản lý di tích liên thôn/xã, có cơ chế phối hợp giữa chính quyền, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng và nhân dân. Song song đó, đề nghị các cấp quản lý văn hóa thực hiện chính sách tôn vinh, đãi ngộ nghệ nhân, người am hiểu nghi lễ truyền thống, nhằm đảm bảo sự kế thừa tri thức và duy trì không gian văn hóa sống động của di sản.

Có thể khẳng định rằng, tín ngưỡng thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi là một di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu, phản ánh giá trị lịch sử, đạo đức và tinh thần nhân văn của người Việt. Việc bảo tồn và phát huy giá trị của tín ngưỡng này không chỉ là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước mà còn là nghĩa vụ của mỗi người dân những người thụ hưởng và truyền nối di sản. Đây là con đường thiết thực để gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển văn hóa bền vững theo tinh thần Luật Di sản văn hóa năm 2024.

**PHIẾU KHẢO SÁT VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ PHẠM TỬ NGHI CỦA CƯ
DÂN YÊN KHÁNH TẠI CÁC ĐỀN HẢI ĐỨC (KHÁNH CƯỜNG), KIẾN
ỐC (KHÁNH TRUNG), ĐỀN THÁNH TỬ (KHÁNH MẬU), ĐỀN THỔ
MẬT (KHÁNH HỒNG), TỈNH NINH BÌNH**

Kính gửi: Quý Thầy/cô!

Nhằm thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “*Thực trạng và giải pháp bảo tồn giá trị một số di tích lịch sử - văn hóa thờ Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình*”, tác giả đề tài xin trân trọng gửi tới quý thầy/cô phiếu lấy ý kiến phản hồi về tín ngưỡng thờ cúng Phạm Tử Nghi trên địa bàn các xã Khánh Cường, Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hồng...

Quý thầy/cô vui lòng cho biết ý kiến qua các câu hỏi dưới đây bằng cách chọn vào ô trống quý thầy/cô cho là phù hợp hoặc viết tiếp vào chỗ chấm. Ý kiến của quý thầy/cô sẽ giúp chúng tôi có cơ sở để đề ra các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích thờ Phạm Tử Nghi tại địa phương. Nhóm tác giả đảm bảo các thông tin của quý thầy/cô trong phiếu này hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu theo quy định.

Xin chân thành cảm ơn quý thầy/cô!

Thông tin cá nhân

Họ và tên.....

Số điện thoại hoặc gmail.....

Tuổi

Quê quán.....

Đơn vị đang công tác

Bộ môn giảng dạy.....

Tôn giáo

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Phật giáo

☐ Thiên Chúa giáo

☐ Tôn giáo khác

☐ Không tôn giáo

Thời gian tham gia tín ngưỡng?*

Khoảng thời gian bắt đầu và tính đến thời điểm hiện tại, mà bản thân đã tham gia sinh hoạt tín ngưỡng tại một trong các đền Hải Đức (Khánh Cường), Kiến Ốc (Khánh Trung), đền Thánh Tứ (Khánh Mậu), đền Thổ Mật (Khánh Hồng)

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Dưới 1 năm
☐ 1-5 năm
☐ 5-10 năm
☐ Trên 10 năm

Quý thầy/cô đã từng nghe về nhân vật Phạm Tử Nghi trước khi tham gia tín ngưỡng này chưa?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có
☐ Không

Quý thầy/cô biết những thông tin gì về nhân vật Phạm Tử Nghi? (Ví dụ: Phạm Tử Nghi là ai, các giai thoại, truyền thuyết liên quan...)

.....
.....
.....
.....
.....

Quý thầy/cô biết những đền thờ Phạm Tử Nghi nào trong khu vực Yên Khánh?*

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Đền Hải Đức
☐ Đền Kiến Ốc
☐ Đền Thánh Tứ

☐ Đền Thỏ Mật

☐ Mục khác:.....

Quý thầy/cô tham gia các nghi lễ thờ cúng Phạm Tử Nghi tại đền nào?

Chọn tất cả mục phù hợp.

☐ Đền Hải Đức

☐ Đền Kiến Ốc

☐ Đền Thánh Tứ

☐ Đền Thỏ Mật

☐ Mục khác:.....

Tần suất Quý thầy/cô tham gia các nghi lễ thờ cúng tại các đền vào các dịp nào?

Chọn tất cả mục phù hợp.

☐ Mùng 1 (Âm lịch) hàng tháng

☐ Ngày 15 (Âm lịch) hàng tháng

☐ Các tiết lớn trong năm: ngày sinh và ngày kỵ của Phạm Tử Nghi

☐ Các tiết lớn trong năm: Lễ Thượng Nguyên, lễ khai hạ, lễ tất

☐ niên

Mục khác:.....

Quý thầy/cô tham gia vào các hoạt động nào tại các đền thờ? *

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Dâng hương

☐ Cúng tế

☐ Tham gia các lễ hội

☐ Cúng lễ theo gia đình

☐ Mục khác:.....

Mục đích tham gia của Quý thầy/cô là gì?

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Tôn vinh tín ngưỡng
- ☐ Tìm kiếm sự an lành, bình an
- ☐ Để cầu mong sự may mắn, tài lộc
- ☐ Kết nối cộng đồng
- ☐ Mục khác:.....

Theo Quý thầy/cô, tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống tinh thần của cộng đồng nơi đây?*

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Rất lớn
- ☐ Lớn
- ☐ Trung bình
- ☐ Ít
- ☐ Không ảnh hưởng

Quý thầy/cô có cảm thấy tín ngưỡng này giúp gia tăng sự gắn kết trong cộng đồng không?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Rất nhiều
- ☐ Một ít
- ☐ Không có

Các lễ hội thờ Phạm Tử Nghi có tác động như thế nào đến đời sống văn hóa, kinh tế của khu vực Yên Khánh?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Tác động tích cực
- ☐ Tác động tiêu cực
- ☐ Không có tác động rõ rệt

Quý thầy/cô có nghĩ rằng tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi cần được bảo tồn và phát triển không?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Rất cần
☐ Cần thiết
☐ Không cần
☐ Không chắc

Quý thầy/cô có tham gia vào việc bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa của các đền thờ Phạm Tử Nghi không?

(Nếu chọn “Có” mời Quý thầy/cô viết tiếp nội dung phần dưới; Nếu chọn “Không” bỏ qua phần viết nội dung)

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có. ☐ Không.

Những hoạt động mà Quý thầy/cô tham gia vào việc bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa tại các đền thờ Phạm Tử Nghi

.....

.....

.....

.....

.....

Quý thầy/cô có nhận thấy sự thay đổi trong cách thức tổ chức lễ hội, tín ngưỡng tại các đền qua các năm không?*

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có. ☐ Không.

Hình thức giáo dục di sản gắn với các đền thờ Phạm Tử Nghi mà Thầy/cô đã sử dụng trong hoạt động dạy học?

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Tích hợp vào chương trình chính khóa.
☐ Tổ chức các buổi ngoại khóa.

- ☐ Phát triển các sản phẩm truyền thông.
- ☐ Kể chuyện di sản.
- ☐ Ngày hội di sản.
- ☐ Cuộc thi tìm hiểu di sản.
- ☐ Dự án nghiên cứu di sản.
- ☐ Khác:

Thầy/cô đã sử dụng nội dung giáo dục di sản nào gắn với các đền thờ Phạm Tử Nghi trong hoạt động dạy học?

(tích vào các lựa chọn phù hợp)

- ☐ Tìm hiểu về nhân vật Phạm Tử Nghi.
- ☐ Ý nghĩa của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi đối với cộng đồng.
- ☐ Lễ hội và nghi thức thờ cúng Phạm Tử Nghi tại các đền thờ.
- ☐ Lịch sử và kiến trúc của các đền thờ Phạm Tử Nghi.
- ☐ Mục khác:.....

Thầy/cô đã sử dụng phương pháp giáo dục di sản nào gắn với các đền thờ Phạm Tử Nghi trong hoạt động dạy học?*

(tích vào các lựa chọn phù hợp)

- ☐ Giảng dạy lý thuyết kết hợp thực hành.
- ☐ Tổ chức hoạt động ngoại khóa.
- ☐ Ứng dụng công nghệ thông tin.
- ☐ Mục khác:.....

Theo Quý thầy/cô, những nguyên nhân nào đã góp phần làm phai nhạt vai trò của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi trong đời sống tâm linh của người dân địa phương?

.....

**Theo Quý thầy/cô, có những yếu tố nào cần cải thiện trong việc duy trì tín
ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi?**

.....
.....

Nhóm tác giả cảm ơn Quý thầy/cô đã tham gia khảo sát!

**PHIẾU KHẢO SÁT VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ PHẠM TỬ NGHI CỦA
NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC ĐỀN HẢI ĐỨC (KHÁNH
CƯỜNG), KIẾN ỚC (KHÁNH TRUNG), ĐỀN THÁNH TỬ (KHÁNH
MẬU), ĐỀN THỔ MẬT (KHÁNH HỒNG), TỈNH NINH BÌNH**

Kính gửi: Quý Ông/Bà, các bác/ cô chú và anh/chị!

Nhằm thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “*Thực trạng và giải pháp bảo tồn giá trị một số di tích lịch sử - văn hóa thờ Phạm Tử Nghi trên địa bàn huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình*”, tác giả đề tài xin trân trọng gửi tới quý Ông/Bà, các bác/ cô chú và anh/chị phiếu lấy ý kiến phản hồi về tín ngưỡng thờ cúng Phạm Tử Nghi trên địa bàn các xã Khánh Cường, Khánh Trung, Khánh Mậu, Khánh Hồng...

Quý Ông/Bà, các bác/cô chú và anh/chị vui lòng cho biết ý kiến qua các câu hỏi dưới đây bằng cách chọn vào ô trống quý Ông/Bà, các bác/ cô chú và anh/chị cho là phù hợp hoặc viết tiếp vào chỗ chấm. Ý kiến của quý Ông/Bà, các bác/cô chú và anh/chị sẽ giúp chúng tôi có cơ sở để đề ra các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích thờ cúng Phạm Tử Nghi tại địa phương.

Nhóm tác giả đảm bảo các thông tin của quý Ông/Bà, các bác/ cô chú và anh/chị trong phiếu này hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu theo quy định.

Xin chân thành cảm ơn quý Ông/Bà, các bác/ cô chú và anh/chị!

Thông tin cá nhân

1. Họ và tên
Số điện thoại

2. Giới tính

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Nam

☐ Nữ

Tuổi

Quê quán.....

Nghề nghiệp.....

Trình độ học vấn

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Tiểu học.
- ☐ Trung học cơ sở.
- ☐ Trung học phổ thông.
- ☐ Đại học.
- ☐ Sau đại học.

Tôn giáo

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Phật giáo.
- ☐ Thiên Chúa giáo.
- ☐ Tôn giáo khác .
- ☐ Không tôn giáo.

Thời gian tham gia tín ngưỡng.

Khoảng thời gian bắt đầu và tính đến thời điểm hiện tại, mà bản thân đã tham gia sinh hoạt tín ngưỡng tại một trong các đền Hải Đức (Khánh Cường), Kiến Ốc (Khánh Trung), đền Thánh Tứ (Khánh Mậu), đền Thổ Mật (Khánh Hồng)

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Dưới 1 năm.
- ☐ 1-5 năm.
- ☐ 5-10 năm.
- ☐ Trên 10 năm.

Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị đã từng nghe về Phạm Tử Nghi trước khi tham gia tín ngưỡng này chưa?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Có.
- ☐ Không.

3. Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị biết những thông tin gì về Phạm Tử Nghi? (Ví dụ: Phạm Tử Nghi là ai, các giai thoại, truyền thuyết liên quan...)

.....

4. Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị biết những đền thờ Phạm Tử Nghi nào trong khu vực Yên Khánh?

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Đền Hải Đức.
- ☐ Đền Kiến Ốc.
- ☐ Đền Thánh Tứ.
- ☐ Đền Thổ Mật.
- ☐ Mục khác:.....

Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị tham gia các nghi lễ thờ cúng Phạm Tử Nghi tại đền nào?

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Đền Hải Đức.
- ☐ Đền Kiến Ốc.
- ☐ Đền Thánh Tứ.
- ☐ Đền Thổ Mật.

5. Tần suất Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị tham gia các nghi lễ thờ cúng tại các đền vào dịp nào?

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Mừng 1 (Âm lịch) hàng tháng.
- ☐ Ngày 15 (Âm lịch) hàng tháng.
- ☐ Các tiết lớn trong năm: ngày sinh và ngày kỵ của Phạm Tử Nghi.
- ☐ Các tiết lớn trong năm: Lễ Thượng Nguyên, lễ khai hạ, lễ tất niên.

Mục khác:.....

6. Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị tham gia vào các hoạt động nào tại các đền thờ?

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ . Dâng hương.
- ☐ Cúng tế.
- ☐ Tham gia các lễ hội.
- ☐ Cúng lễ theo gia đình.
- ☐ Mục khác:.....

Mục đích tham gia của Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị là gì?

Chọn tất cả mục phù hợp.

- ☐ Tôn vinh tín ngưỡng.
- ☐ Tìm kiếm sự an lành, bình an.
- ☐ Đề cầu mong sự may mắn, tài lộc.
- ☐ Kết nối cộng đồng.
- ☐ Mục khác:.....

Theo Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị, tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống tinh thần của cộng đồng nơi đây?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Rất lớn.
- ☐ Lớn.
- ☐ Trung bình.
- ☐ Ít.
- ☐ Không ảnh hưởng.

Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị có cảm thấy tín ngưỡng này giúp gia tăng sự gắn kết trong cộng đồng không?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Rất nhiều.
- ☐ Một ít.
- ☐ Không có.

7. Các lễ hội thờ Phạm Tử Nghi có tác động như thế nào đến đời sống văn hóa, kinh tế của khu vực Yên Khánh?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Tác động tích cực.
- ☐ Tác động tiêu cực.
- ☐ Không có tác động rõ rệt.

Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị có nghĩ rằng tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi cần được bảo tồn và phát triển không?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

- ☐ Rất cần.
- ☐ Cần thiết.
- ☐ Không cần.
- ☐ Không chắc.

Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị có tham gia vào việc bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa của các đền thờ Phạm Tử Nghi không?

(Nếu chọn “Có” mời Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị viết tiếp nội dung phần dưới; Nếu chọn “Không” bỏ qua phần viết nội dung)
Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

Những hoạt động mà Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị tham gia vào việc bảo vệ, gìn giữ di sản văn hóa tại các đền thờ Phạm Tử Nghi?

.....

8. Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị có nhận thấy sự thay đổi trong cách thức tổ chức lễ hội, tín ngưỡng tại các đền qua các năm không?

Chỉ đánh dấu một hình ôvan.

☐ Có

☐ Không

9. Theo Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị những nguyên nhân nào đã góp phần làm phai nhạt vai trò của tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi trong đời sống tâm linh của người dân địa phương?
-
-

10. Theo Quý Ông/Bà, các bác, cô/chú và anh/chị có những yếu tố nào cần cải thiện trong việc duy trì tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi?
-
-

Nhóm tác giả cảm ơn Quý Ông/Bà, các bác/cô chú và anh/chị đã tham gia khảo sát!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Nguyễn Thị Vân Anh (2020), *“Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Phạm Tử Nghi ở Hải Phòng và một số hướng khai thác phục vụ du lịch”*, Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng.
2. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Yên Khánh (2024), *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Khánh 1945 - 2020*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật.
3. Ban chấp hành Đảng bộ xã Khánh Cường (2007), *Lịch sử Đảng bộ xã Khánh Cường 1947 - 2006*, Ninh Bình.
4. Ban chấp hành Đảng bộ xã Khánh Hồng (2010), *Lịch sử Đảng bộ xã Khánh Hồng 1947 - 2009*. Ninh Bình.
5. Ban chấp hành Đảng bộ xã Khánh Mậu (2023), *Lịch sử Đảng bộ xã Khánh Mậu 1947 - 2022*, NXB Lao Động.
6. Ban chấp hành Đảng bộ xã Khánh Trung (2005), *Lịch sử Đảng bộ xã Khánh Trung 1947 – 2004*, Ninh Bình.
7. Phan Kế Bính (2022), *Nam Hải di nhân liệt truyện*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Lịch sử 10*, bộ sách Cánh diều
9. Trịnh Thị Minh Đức (Chủ biên) (2007), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
10. Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 3, NXB Khoa học xã hội.
11. Đảng Hòa Năng (2023), *“Thực trạng và giải pháp nhằm bảo tồn đền tháp Chăm hiện nay”*, Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc.
12. Nguyễn Minh Quang (2022), *“Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”*, Tạp chí Khoa học xã hội nhân văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, ISSN 2354-1172.
13. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024), *Luật Di sản Văn hóa*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3, NXB Thuận Hóa, Huế.

15. Trương Hữu Quỳnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh (2021), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
16. Sở văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình (1996), *Hồ sơ di tích đền Kiến Ốc, xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình*.
17. Sở văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình (2004), *Hồ sơ di tích đền Thánh Tứ, xã Khánh Mậu, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình*.
18. Sở văn hóa - Thông tin tỉnh Ninh Bình (2005), *Hồ sơ di tích đền Đông Thổ Mật, xã Khánh Hồng, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình*.
19. Sở văn hóa thể thao và du lịch Ninh Bình (2009), *Hồ sơ di tích đền Hải Đức, xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình*.
20. Phan Văn Tú, Đỗ Thị Thu Phương (2016), “*Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa đền thờ trạng nguyên Nguyễn Hiền, thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định*”, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
21. Trương Đình Tường (2004), “*Địa chỉ văn hóa dân gian Ninh Bình*”, NXB Thế giới.
22. Nguyễn Thị Thùy Trang (2023), “*Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn hiện nay*”, Học viện Chính trị khu vực I.
23. Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2020), *Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020*, Ninh Bình.
24. Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2025), Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình Quyết định phê duyệt đề án “*Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của con người, vùng đất Cố đô Hoa Lư*” Giai đoạn 2021 - 2030.
25. Tác giả Lê Tất Vinh (2008), “*Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa ở Hải Phòng trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập*”, Tạp chí Di sản văn hóa.

I. Website:

26. Trần Đức Anh Sơn (2020). “Bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay. Thực trạng và giải pháp”,

<<https://www.researchgate.net/profile/Son-Tran>

79/publication/382250953_Bao_ton_di_san_van_hoa_o_Viet_Nam_hien_nay_Thuc_trang_va_giai_phap/links/66947abac1cf0d77ffd7213d/Bao-ton-di-san-van-hoa-o-Viet-Nam-hien-nay-Thuc-trang-va-giai-phap.pdf>, ngày truy cập 19/2/2025.

27. Tú Quyên (2022), “Lăng Phạm Tử Nghi - thờ Nhân thần của người dân thành phố Cảng” <<https://www.anhp.vn/lang-pham-tu-nghi---tho-nhan-than-cua-nguoi-dan-thanh-pho-cang-d50426.html>>, ngày truy cập 19/2/2025.

II. Danh sách người trả lời phỏng vấn

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chỗ ở hiện tại (Theo đơn vị hành chính mới)	Nơi sinh hoạt tín ngưỡng
1	Lê Đình Cẩn	1970	Xã Khánh Hội	Đền Thánh Tứ
2	Nguyễn Ngọc Châu	1955	Xã Khánh Thiện	Đền Hải Đức
3	Bùi Huy Cồn	1950	Xã Khánh Trung	Đền Kiến Ốc
4	Phạm Văn Dũng	1954	Xã Khánh Nhạc	Đền Thổ Mật
5	Nguyễn Văn Mười	1950	Xã Khánh Nhạc	Đền Thổ Mật
6	Phạm Thị Rệu	1957	Xã Khánh Trung	Đền Kiến Ốc
7	Hoàng Văn Tám	1990	Xã Khánh Thiện	Đền Hải Đức
8	Phạm Công Trình	1955	Xã Khánh Hội	Đền Thánh Tứ
9	Nguyễn Kim Trọng	1929	Xã Khánh Trung	Đền Kiến Ốc

PHỤ LỤC ẢNH

1. PHỤ LỤC ĐỀN KIẾN ỐC

PHỤ LỤC 1. HÌNH ẢNH CẢNH QUAN VÀ HIỆN VẬT ĐỀN KIẾN ỐC

(Nguồn: Bùi Lê Như Quỳnh)

Hình 1.1.1. Toàn cảnh đền Kiến Ốc



Hình 1.1.2 Cổng chính của đền Kiến Ốc



Hình 1.1.3. Cổng phụ của đền Kiến Ốc



Hình 1.1.4 Sân đền Kiến Ốc



Hình 1.1.5. Đền Kiến Ốc



Hình 1.1.6. Phía trước đền Kiến Ốc gồm 1 lư hương và 2 cột đèn đá



Hình 1.1.7. Phía trước đền Kiến Ốc



Hình 1.1.8 Ban thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi tại đền Kiến Ốc



Hình 1.1.9. Bảng công nhận “Di tích lịch sử văn hóa” cấp Quốc gia được lưu giữ tại đền Kiến Ốc



Hình 1.1.10 Ảnh kỷ niệm sinh hoạt của người dân địa phương tại đền Kiến Ốc



Hình 1.1.11 Ảnh kỷ niệm sinh hoạt của người dân địa phương tại đền Kiến Ốc



Hình 1.1.12 Ảnh kỷ niệm sinh hoạt của người dân địa phương tại đền Kiến Ốc



Hình 1.1.13 Ảnh kỷ niệm sinh hoạt của người dân địa phương tại đền Kiến Ốc



Hình 1.1.14 Kiến trúc phía sau đền Kiến Ốc



Hình 1.1.15 Toàn cảnh trong đền Kiến Ốc



Hình 1.1.16 Bàn thờ đá mẫu Thiên



Hình 1.1.17 Di vật chuông đồng tại đền Kiến Ốc

PHỤ LỤC 2. ẢNH CHÂN DUNG NHÂN CHỨNG



Hình 1.2.1. Cụ Nguyễn Kim Trọng (chủ từ 34 năm), Trưởng ban Kiến thiết (35 năm) tại đền Kiến Ốc



Hình 1.2.2. Bà Phạm Thị Rệu Thủ nhang (34 năm) và ông Bùi Huy Cồn Thủ từ đền (34 năm) tại đền Kiến Ốc và SV Bùi Lê Như Quỳnh

PHỤ LỤC ĐỀN THÁNH TỨ

PHỤ LỤC 1. HÌNH ẢNH CẢNH QUAN VÀ HIỆN VẬT ĐỀN THÁNH TỨ



Hình 2.1.1 Cổng vào tại đền Đức Thánh Tứ



Hình 2.1.2 Phía trước sân đền Đức Thánh Tứ



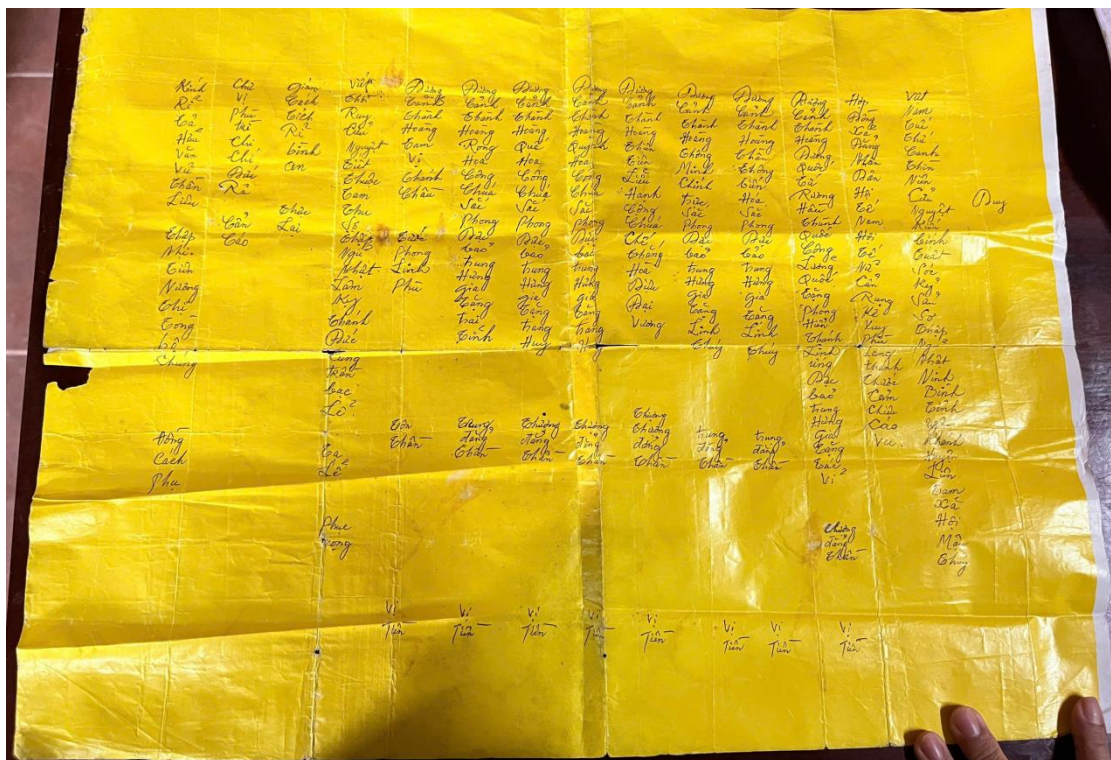
Hình 2.1.3 Phía trước đền Đức Thánh Tứ



Hình 2.1.4 Ban thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi tại đền Đức Thánh Tứ



Hình 2.1.5 Bảng công nhận di tích được lưu giữ tại đền Đức Thánh Tứ



Hình 2.1.6 Bài văn tế Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi tại đền Đức Thánh Tứ



Hình 2.1.7 Ảnh kỉ niệm sinh hoạt tại đền Đức Thánh Tứ



Hình 2.1.8 Ảnh kỉ niệm sinh hoạt tại đền Đức Thánh Tứ

PHỤ LỤC 2. ẢNH CHÂN DUNG NHÂN CHỨNG



Hình 2.2.1 Bác Lê Đình Cẩn Chủ từ đền Thánh Tứ

PHỤ LỤC ĐỀN ĐÔNG THỔ MẬT

PHỤ LỤC 1. HÌNH ẢNH CẢNH QUAN VÀ HIỆN VẬT TẠI ĐỀN ĐÔNG THỔ MẬT



Hình 3.1.1 Cổng vào đền Đông Thổ Mật



Hình 3.1.2 Phía trước của đền Đông Thổ Mật



Hình 3.1.3 Ban thờ Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi và các hiện vật tại đền Đông Thô Mât



Hình 3.1.4 Bảng công nhận “Di tích cấp tỉnh” được lưu giữ tại đền Đông Thô Mât



Hình 3.1.5 Lễ tổ chức 473 năm ngày kỵ của Đức Thánh Tử Dương hầu Phạm Tử Nghi



Hình 3.1.6 Lễ tổ chức 473 năm ngày kỵ của Đức Thánh Tử Dương hầu Phạm Tử Nghi



Hình 3.1.7 Lễ tổ chức 473 năm ngày kỵ của Đức Thánh Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi



Hình 3.1.8 Làng Thổ Mật trang trí đón tết Ất Tỵ tại Đền Đông Thổ Mật



Hình 3.1.9 Bia công danh của Đức Thánh Phạm Tử Nghi đặt tại đền Đông Thổ Mật

PHỤ LỤC 2: HÌNH ẢNH NHÂN CHỨNG



Hình 3.2.1 Ông Phạm Văn Mười Ban kiến thiết và ông Phạm Văn Dũng Chủ từ tại đền Đông Thổ Mật

PHỤ LỤC ĐỀN HẢI ĐỨC

PHỤ LỤC 1. HÌNH ẢNH CẢNH QUAN VÀ HIỆN VẬT TẠI ĐỀN HẢI ĐỨC



Hình 4.1.1 Cổng đền Hải Đức



Hình 4.1.2 Lối vào đền Hải Đức



Hình 4.1.3 Con sông Đáy phía bên trái đền Hải Đức



Hình 4.1.4 Phía trước sân đền Hải Đức



Hình 4.1.5 Phía trước của đền Hải Đức



Hình 4.1.6 “Dân tộc thù truyền thanh tậ, công ân thần liệt kê”



Hình 4.1.7 “Ngàn năm con cháu Rồng Tiên, Phú Cường dũng liệt”



Hình 4.1.8 “Tản Viên Sơn Thánh Quốc chủ dòng quang hiển ứng”



Hình 4.1.9 “Thiên thần thượng đế giáng trần độ thế an dân”



Hình 4.1.10 “Muôn thừa non sông Hồng Lạc cảm tú huy hoàng”



Hình 4.1.11 “Anh hùng tuy khuất mảnh gương sử sách vẫn còn nguyên”



Hình 4.1.12 Ban thờ Phạm Tử Nghi tại đền Hải Đức



Hình 4.1.13 Bảng công nhận di tích được lưu trữ tại đền Hải Đức



Hình 4.1.14 Người dân sinh hoạt tại đền Hải Đức



Hình 4.1.15 Đội tế nữ quan đền Hải Đức



Hình 4.1.16 Đội tế nam quan đền Hải Đức

PHỤ LỤC 2. ẢNH CHÂN DUNG NHÂN CHỨNG



Hình 4.2.1 Bác Hoàng Văn Tám Chủ từ tại đền Hải Đức